Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NĂM THỨ HAI, SỐ 29 — 1er Octobre 1922

HỮU-THANH

CƠ-QUAN CỦA HỘI BẮC-KỲ CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Tùng-thư của hội Ích-Hữu Thư-Xã

Sáng-lập : NGUYỄN-HUY-HỢI

Chủ-nhiệm : NGHIÊM-VỊNH

DEPOT LEGAL INDOCHINE N° 436

YẾU-MỤC

KHOA-HỌC VỚI TIẾN-ĐỒ NƯỚC TA 149

LƯỢC BÀN CÁI GIÁ-TRỊ VỀ KINH-TẾ. . . . 154

LUẬN VỀ NGHỀ-NGHIỆP. 161

MỘT SỰ TÂN-KỲ TRONG KHOA-HỌC GIỚI. . 168

KHẢO VỀ VIỆC TẾ-LỄ TỔ-TIÊN 171

ĐỘC GIẢ LUẬN-ĐÀN 177

VĂN THƠ 181

GÁI PHỤC THÙ CHA 187

CHUỖI HỘT KIM-CƯƠNG 194

THỜI-ĐÀM. 200

CÔNG VIỆC HỘI CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP 213

Mỗi tháng xuất-bản hai kỳ : mồng một và rằm

DIRECTION — RÉDACTION
ADMINISTRATION
58, Rue du Coton, Hanoi
TÉLÉPHONE : 346

IMPRIMERIE ICH-HUU-THU-XA
45, Rue des Paniers, Hanoi
TÉLÉPHONE : 167

1922

Mỗi số : 0$25

HỮU-THANH TẠP-CHÍ

LUẬN-LÝ. — HỌC-THUẬT. — THỰC-NGHIỆP. — KINH-TẾ. — VĂN-NGHỆ

Organe de l'Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin

Edition de la Société « Ích-hữu-thư-xã »

ÂN-NHÂN CỦA « HỮU-THANH »

MM. Phạm-Văn-Thụ . . . . . *Tổng-đốc Nam định*
Vũ-Ngọc-Hoánh . . . . . *Tuần-phủ Lạng-sơn*
Trần-Mỹ . . . . . *Tuần-phủ Thái-bình*
Nguyễn-Tất-Tế . . . . . *Thương-tá Hà-đông.*

Chủ-nghĩa và mục-đích « Hữu-Thanh »

Hữu-Thanh tạp-chí *này, lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào mong người trong nước cùng yêu mến nhau như ruột thịt, để nương tựa nước Pháp lên đường văn-minh.*

Biên-tập đủ các môn luận-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế để giúp quốc-dân về mọi đường phổ-thông trí-thức. Phàm biên-tập cốt lấy thông-thường làm trọng.

Giá tạp-chí « Hữu-Thanh »

Sáu tháng... 2$50 Một năm... 5$00 Ngoại-quốc mỗi năm... 6$00

Mua tạp-chí « Hữu-Thanh » xin giả tiền trước.

Tòa tạp-chí « Hữu-Thanh » ở số 58 Phố Hàng Bông (58 Rue du Coton *Hanoi*)
Nhà in tại số 45 Phố Hàng Bè (45 Rue des Paniers) *Hanoi (Tonkin)*

MEUBLES ET CARPETTES EN JONC RETORS

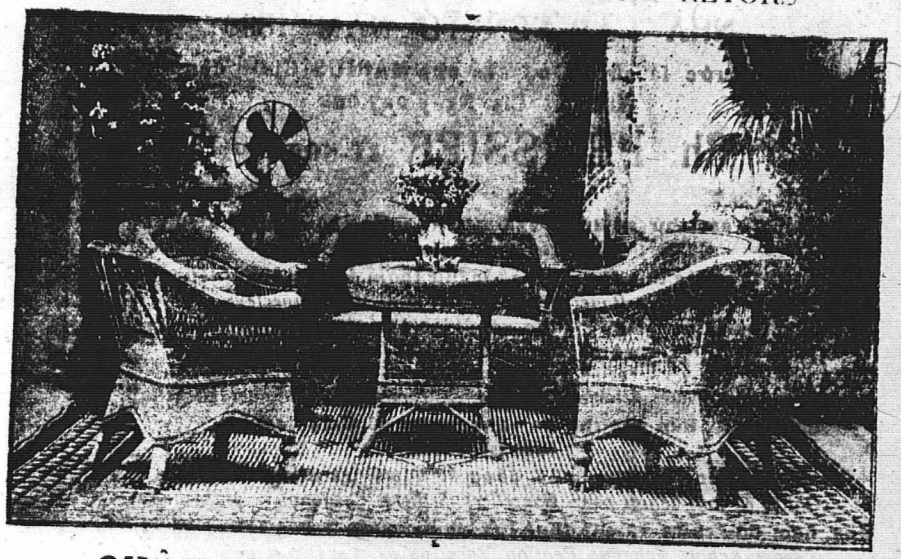

CHÂN-THỤY, 6, Quai Clémenceau, Hanoï

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE
SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS
Administration et Manufacture à Hanoi

SẢN XUẤT NHỮNG THỨ THUỐC LÁ NHƯ SAU NÀY:
(PRODUITS RECOMMANDÉS):

Thuốc thái (Tabacs) : Coq et Scaferlati
Thuốc cuộn (Cigarettes) : Coq, Alliés, Métropole, Favorites, Dragon d'or, Midinettes
Thuốc Si-gà (Cigares): Mandarin, Bouquet

DEMANDEZ LE PRIX-COURANT

Annam : nên hút thuốc lá « hiệu con gà vì giống giọt tại xứ ta, vừa ngon vừa rẻ. Ai ôi nên hút thuốc lá hiệu con gà ».

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NHÀ LẬP NÊN TỪ NĂM 1890

Ngày trước là cửa hàng của nhà MARIUS CLOP đến nhà Milon et Cie. Ngày nay ông

Ch. PÉLISSIER KẾ-NGHIỆP

Bán đủ các thứ xe dùng vào việc vận-tải không thiếu kiểu gì
(*Carrosserie. — Charronnerie*)

Bán đủ tất cả các thứ đồ ngựa và các thứ thảm đệm không thiếu kiểu gì,
(*Sellerie, Bourrellerie, Matelasserie, Maroquinerie*)

Bịt móng lừa và bán các đồ dùng vào việc làm xe ngựa, các thứ bánh xe và các đồ dùng vào đồ ngựa.
(*Marchalerie*)
(*Garnitures. Pièces détachées, Acessoires. Roues, Pneumatiques Michelin*)

Bán các thứ Da sống và Da đã thuộc rồi
(*Cuirs et Peaux*)

Các đồ vật dùng để đóng giầy, đóng đồ ngựa, bịt móng lừa ngựa, v. v.
(*Outils en tous genres pour Boureliers, Selliers, Cordonniers, Maréchaux*)

Mua, bán, đổi, chứa và cho thuê lừa ngựa, cùng xe ngựa, cỏ ngựa, v. v.
(*Vente, Achat, Echange, Pension, Location de chevaux et de voitures*)

Bán Tràng-hoa đám ma và đá làm mộ-chí. Ai thuê sây mộ làm nhà mồ và trông nom nhà mồ xin chu-tất.
(*Couronnes mortuaires, Pierres tombales, Construction et entretien de monuments funéraires*)

Bán và làm Đồ gỗ, Đồ chạm, Bàn, Ghế, Tủ kính, Tủ chè, không thiếu thứ gì
(*Menuiserie, Ebénisterie*)

Song rào sắt, các đồ lò rèn. Các thứ đồ sắt. Ai thuê làm cái gì cũng làm được
(*Grilles, Forges, Travaux en fer*)

Đồ kính, Đồ sơn, Sơn bóng, Đồ chạm, Đồ bài trí, tranh cảnh, Đồ trạm tỉa và trạm lộng.
(*Vitrage, Laquage, Peintures fines. Sculpture, Décoration, Ciselure*)

Nộp thuế đoan hộ. — Cho thuê xe tải các đồ trọng-vật trong thành-phố và ngoại ô
(*Transit. — Gros Camionnage pour la ville et alentours*)

Làm rất nhanh, toàn đồ máy tất cả
(*Service rapide par Camions montés sur ressorts et roulements à billets*)

Có xe ngựa song-mã cho thuê ngày và thuê giờ
(*Location de Victoria à la journée et à l'heure*)

Có xưởng chế-tạo và tu-tạo các đồ vật
(*Ateliers de Réparation*)

Ở số nhà 5 Đường Amiral de Baumont ở Haiphong

Điện-thoại (*Téléphone*) số 545

Đánh giây thép cứ đánh tắt :
(*Adresse télégraphique*) **PÉLISSIER, Haiphong.**

GRANDS MAGASINS REUNIS

ĐÔNG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GỖ ĐA HÀ-NỘI

HÀNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

NHIỀU THỨ HÀNG NHẤT

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG,
NÀO HÀNG PHA-LÊ, *ĐỒ DÙNG* TRONG NHÀ, *ĐỒ SẮT* TRONG NHÀ, *ĐỒ ĐIỆN*, *HÀNG* GIÀY,
HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC VẬT-THỰC

NÊN ĐẾN LẤY QUYỂN MẪU HÀNG VỀ MÀ XEM

HOTEL DE LA MARINE

(NAM-LỢI KHÁCH-SẠN)

76, Avenue Paul Doumer, Haiphong

Hàng cơm tây to nhất của người Việt-Nam ta chủ-trương.
Ăn tháng, ăn bữa, đặt tiệc đến 500 người. Bản-hiệu lúc nào cũng sẵn sàng thừa-tiếp không phải chờ đợi.
Có phòng cho thuê tháng, thuê ngày, đủ cả quạt và đèn điện.
Lại có xe ô-tô đón khách.

益 HIỆP-ÍCH 協

(Công-ty trách-nhiệm tập-cổ vốn định 20.000$00, mỗi cổ-phần 25$00)

Làm các thứ đồ sơn Nhật-bản và sơn ta, các thứ ghế mây, đồ mây, tượng nặn và tranh vẽ.

Ngài nào vào cổ-phần xin gửi thư cho :
Chủ-nhiệm NGUYỄN-TIẾN-ÂN, *Số 14, Phố Hàng Bông, Hanoi*
Téléphone 356

NGUYÊN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 78, Phố Mới, số 78 — HANOI

HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY

Vốn 42.500$00

Đóng, chữa, sơn lại, các thứ xe tay, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhẹ; các quí-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bày tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội.

Giá tính phải chăng. Làm cẩn-thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản-hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản-hiệu đóng gửi thơ ra ban khen bản-hiệu.

Bản-hiệu lại xin chiều các ngài mà để các ngài trả tiền góp từng tháng.

Xin các quí-khách chiếu-cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh!

NGUYÊN-HUY HỢI công ty.

NGUYÊN-TRI-PHU

ENTREPRENEUR ET NÉGOCIANT

10 & 12, Boulevard Jules Piqué, 10 & 12

THAI-BINH



AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53 et 76 Rue du Pont en Bois

HANOI



Nhà chế-tạo ra các kiểu mũ và các thức khăn xếp sẵn, xuất-hiện đã 10 năm nay được nhiều cái quang-cảnh hân hạnh như sau này :

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng médaille chương-mỹ bội tinh.

Hội Ái-Mỹ tặng những bằng khen ngợi hạng Hors concours.

Nghề làm mũ và khăn của bản hiệu cũng say mê được nhiều, dùng toàn thợ khéo làm để hễ lượng mà hợp-thời-trang; giá bán phải chăng, quí khách mua buôn hay mua lẻ xin cứ gửi thơ cho bản hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước; tiếp được thơ xin gửi ngay theo cách lĩnh hóa giao ngân đi tỉnh nào cũng được.

Nay kính : HAI-CHINH

劉惟記大藥房

LƯU TUẤN KÝ

PHARMACIE ASIATIQUE, QUAI DE VĨNH-PHƯỚC DE SADEC.

LABORATOIRE DE CHIMIE ANALYTIQUE

Saigon, le 26 Mai 1922.

Bulletin d'Expertisé de Produits Pharmaceutiques

Les Produits pharmaceutiques soumis à notre examen paraissent d'après leur composition être les préparations de la pharmacopée Sino-Annamite traditionnelle sans pouvoir affirmer que les formules de ces médicaments sont inscrites au « Pun-Tsao » il nous est permis d'indiquer que la moyenne partie des drogues entrant dans leur composition est relevée par « MM. Penot et Hurrier dans leur ouvrage. Matière médicale et pharmacopée Sino-Annamite.

Il ne rentre dans leur composition aucune plante toxique prévue au tableau annexé à l'arrêté du 23 Mai 1921 arrêté qui n'est pas d'ailleurs mis en application 1) ces préparations ne présentent donc aucune nocivité sous la réverse que leur emploi soit pour l'usage interne soit pour l'usage externe se fasse conformément aux besoins médicaux et suivant des doses normales selon l'art pharmaceutique.

Signé : J. CH. DELMAS

Kính cùng lục châu quí khách đặng rõ : Nay Bổn dược phòng có đem các thứ thuốc của Bổn dược lên cho quan trên thí-nghiệm.

Sao lục tờ vi bằng của Quan Lương-y chánh-sự y-dược giáo nghiệm dịch ra chữ quốc ngữ như sau này :

Saigon, le 26 Mai 1922

Bổn giáo nghiệm thuốc bắc

Theo cách thí-nghiệm của chúng tôi về những thứ thuốc đây thì toàn chất nó bào chế cách thức y-nghệ-nghiệp Phương-Đông, mà tình hình như toa thuốc ấy có nhận chép trong cuốn y-dược "Pun-Tsao" song chúng tôi có thể chỉ rõ chắc cái toàn chất của phần nhiều vị y-dược phổ này điều có kiểm thực trong cuốn sách thuốc "Vị thuốc và cách bào-chế viễn-đông" của hai tiên-sanh "M. Penot và M. Hurrier,

Xét rõ trong toàn chất thuốc này không có chế giống cây thuốc nào nguy độc, chiếu theo lời nghị-định ngày 23 mai 1921 chưa thi-hành (1).

Những vị thuốc chế ra đây, không có trương ra cái chi vô dụng quan-hệ trong thể cách cần dùng hoặc là cứu trị trong mọi tạng hay là chữa bệnh ngoài da. đều nhằm trúng theo điều phương tự y-dược và có tày phẩm-chất tánh dược theo y-nghệ-nghiệp.

Quan Lương-y chánh-sự y-dược giáo nghiệm ký tên thị chứng.

Signé : J. CH. DELMAS.

Bổn dược phòng có chế các thứ thuốc, thuốc bườn, thuốc tăng, thuốc nước thượng hạng thuốc tốt điều là thuốc trung quốc, nổi danh tiếng trong Nam-kỳ lục tỉnh xưa nay, các bài khen ngợi của quí ông trong lục tỉnh và coi theo chứng bịnh mà tìm thuốc thì tôi có in trong (y-dược nam châm) như quí-khách muốn coi xin chịu khó gởi thơ cho tôi và đề adresse cho rành tôi sẵn lòng gởi tới.

Pharmacie LƯU-TUẤN-KÝ kính cáo.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỚI Ở TÂY SANG

1° GIA ĐÔNG GIẦY hàng Langsa (hiệu con chim), gia đế giầy có hai hạng; một hạng giầy và một hạng mỏng, gia bốt-can, gia chơ-vô đủ các thứ mũi, và gia ve-ni.

2° CHỈ THÊU đủ các thứ và đủ các mùi.

3° LỐP VÀ RUỘT XE ô-tô, dạp, moto và xe tay, hiệu « DUNLOP » cao-su đen có cái đầu người.

4° ĐỒ DÙNG VỀ XE TAY toàn bộ và bán lẻ, có cả vải mui, vải đệm, giấy nhựa và cao-su (Tapis) để lót chân xe.

5° Ô TRẮNG cán tre và cán sắt thực hiệu « CÂY THÁP ».

6° ĐỒ SẮT: sắt tròn đủ các thứ, bản lề, seu khóa, sen cửa, đanh, lưỡi bảo, vàn vân.

7° THUỐC LÁ CUỘN RỒI hiệu « Tam tài », « Lá cờ », « Salonica, đầu thiếp vàng.

Ai cần mua hàng hoặc đến hoặc viết thơ thì :

HAIPHONG : Tại bản-tỵ Cie de Commerce et de Navigation d'Extrême-Orient (ALLATINI & C°) số nhà 36, đường Harmand.

HANOI : Tại nhà ông G. ELLIES số 83, phố Đồng-khánh.

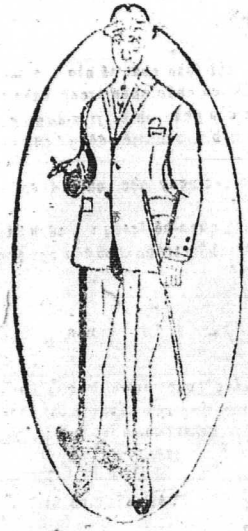

NAM-THINH — TAILLEUR

SOIERIES

6, Rue des Cantonnais — Hanoi (Tonkin)

Bán buôn và bán lẻ, hàng tơ lụa Bắc-kỳ

Bản-hiệu chuyên nghề bán cất các thứ tơ lụa Bắc-kỳ sau này :

Lĩnh bưởi trơn và hoa, lương trơn và hoa, băng thâm và các sắc, lụa cô đỏ thâm và chẳng, lụa quần anh thâm và các sắc the la cả thâm và các sắc, sô hột thâm và các sắc, sồi thâm thật tốt, vân thâm và các sắc, sa trơn và hoa, lượt khăn 12 và 14 vuông (còn nhiều thứ nữa không kể hết).

Các thứ hàng Tây may y phục Langsa : alpaga couleur, drap fantaisie, gabardine couleur, tissus imperméable, tusser de soie très blanc, drap satin noir tennis, flanelle blanche, etc.

Cửa hàng nào buôn nhiều về bán, hãy viết thư về thương-nghị, sẽ được *trừ hoa hồng từ 3 đến 10 pour cent.*

Hàng gửi đi Contre remboursement.

NAM-THINH, Hanoi

Kính cáo.

HÃNG TÀU CHẠY SÔNG Ở BẮC-KỲ

F. SAUVAGE, Armateur

SERVICE SUBVENTIONNÉ

Nhà giấy — Số 138, Phố Bờ Sông — Hanoi

Giờ tàu chạy trong mùa nước xuống

ĐƯỜNG HANOI — TUYÊN-QUANG

Các tàu đỗ ở : Sơn-tây, Viétri, Thanh, Phao-Lamy, Kim-xuyên, Pha-đoan, Đía

Đi	Về
Ở Hanoi Lúc đi Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 10 giờ sáng	Đến Viétri Lúc đi Chạng-trong một ngày Hồi 6 giờ chiều
Ở Viétri Lúc đi Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 5 giờ sáng	Đến Tuyên-quang Lúc đi Công trong một ngày Hồi 6 giờ chiều

ĐƯỜNG HANOI — CHỢ-BỜ

Các tàu đỗ và đỗ ở : Sơn-tây, Viétri, Trung-hà, Lapbu, Đobong, Ta-va, Bảobình

Đi	Về
Ở Tuyên-quang Lúc về Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 7 giờ sáng	Đến Viétri Lúc về Chạng trong một ngày
Ở Viétri Lúc về Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Công trong một ngày Hồi 3 giờ chiều

ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — HANOI

Các tàu đỗ ở : Đía, Pha-đoan, Kim-xuyên, Lemy, Phan-lương, Thanh, Viétri, Sơn-tây

Đi	Về
Ở Hanoi Lúc đi Thứ ba Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Chợ-bờ Lúc về Thứ tư Chủ nhật Hồi 6 giờ chiều
Ở Chợ-bờ Lúc về Thứ năm Thứ hai Hồi 7 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Công trong một ngày Hồi 3 giờ chiều

ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — CHIÊM-HÓA

Khan vì mùa nước xuống nên đường Tuyên-quang Chiêm-hoa thường thường không chạy được.

Những Tàu ở Hanoi và Tuyên-quang về thì đều màn xế ở Viétri cả (đường Hanoi — Tuyên-quang)

Đường tàu Thương-Mại

Đường Haiphong — Hanoi

Haiphong : Những lúc đi cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Haiphong, Nam-định và Hanoi — Nam-định, Haiphong và Hanoi thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Hàng hóa thì phải xếp xuống Tàu ít là trước khi một giờ tàu chạy.

Nhận hàng chở thẳng tới tận bến hay là đỗ hàng cả các chỗ mắn-xế

Nộp hộ thuế thương-chính, trừ hàng — Cho thuê tầu cả chuyến hay chở các phà các thuyền hàng

Tổng-cục : Haiphong

Đường Haiphong — Hanoi

Hanoi : Những lúc đi. Cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Hàng hóa thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Các chi-cuộc : Sơn-tây, Viétri, Tuyên-quang và Chợ-bờ

THUỐC CHỮA BỆNH RẤT HAY!!!

Chắc các ngài xem báo Nam-kỳ từng biết tiếng bản-đường có các thức thuốc trị các bệnh rất hay :

ÍCH-NGUƠN ĐƯỜNG LÃO-DƯỢC-PHÒNG

Chủ-nhân : **A-ANH**

ở đường Chợ-cũ số 55, Place Gambetta. — Saigon (Nam-kỳ)

Bản-đường từ khai-sáng đến nay đã ngoài 50 năm rồi, chuyên việc bào-chế các thứ thuốc Cao-Đơn Hoàn tán Dược-Dầu, Dược-Thủy *đều chọn ròng thuốc thượng-phẩm và có dùng cái nhãn « Mẫu-Đơn-Phượng » làm kỳ hiệu, và có cầu chứng nơi tòa Saigon ; cũng có bán đủ các thứ thuốc Bắc thượng-hạng*



như Sâm, Nhung, Ngọc, Quế, vân vân, *hoặc vị nào có đơn thuốc thầy lang đem đến mà bốc* thuốc thang *hoặc muốn làm* thuốc tễ *vân vân đều được cả, lại có chứa đủ các thứ thuốc* thần-hiệu *của các* danh-y *bên* Trung-quốc. *Thuốc của Bản-đường có gởi bán cùng Lục-châu. Những thuốc bán tại Bản-đường đều là thuốc ở bên* Trung-quốc *mỗi kỳ tàu gửi qua, buôn bán đã mực công bằng khắp nơi trong Lục-châu đều biết. Như quí-vị nào ở xa* châu-thành *mà muốn hỏi thăm điều chi về việc thuốc men hoặc muốn mua thuốc của Bản-đường xin chịu khó mà viết thơ gởi đến Bản-đường, Bản-đường sẵn lòng hồi-đáp lập-tức, nếu tiếp thư mua thuốc thì Bản-đường sẽ gởi* Contre remboursement.

VẠN-ỨNG BÌNH-AN TÁNG

(*Thuốc bổ chứng có danh*) (Số 17)

Phàm con người lúc bình-sinh ai lại khỏi đau, chẳng bệnh này thì chứng kia đều là có thuốc trị theo mỗi chứng bệnh thì là dễ, bằng dùng thuốc một phương mà trị trăm chứng thì rất khó vả thánh xưa truyền bảo việc thuốc lại cho đời sau thì vị nào cũng thiệt hay, nên sau noi theo trước mà lại khéo canh-cải cách dùng nên mầu nhiệm cũng thiệt ít có. Nay bản đường có chế phương thuốc bách chứng của tiên nhơn đã ra công tìm tòi mà hiệp một phương thuốc rất hay nhứt hạng, để lưu truyền đã lâu đời thiên hạ khắp nơi dùng đều rỏ là phương thuốc thần hiệu, thuốc đã hòa hưởn không nóng không mát, mùi thuốc thơm tho dễ uống, để trị các chứng bịnh xảy đến thình lình rất hiệu nghiệm, đờn ông đờn bà hoặc con nít cũng là đờn bà có thai cũng dùng được cả, bằng người không bịnh dùng thuốc nầy cũng rất có ích vì là nó làm cho tiêu hóa mau đói, thêm sức mạnh cho tì vị ngon ăn, ngon ngủ, lại cũng trừ được các chứng bịnh vặt trong mình nữa, vì như cái nhà mà khéo chưng dọn sắp-đặt vật dụng hay trao dồi vậy, nếu thường dùng thuốc nầy thì tự nhiên thân thể an ổn, tang phủ đều hòa, thấy công hiệu hạng nhứt chẳng có thuốc nào bì kịp, hoặc dùng để dành trong nhà khi gặp kẻ lâm bịnh nguy cấp cho mà làm phước cũng là tùy thân lúc đi đường cũng là một vật báu kia.

Trị những chứng : Bon mửa bị cảm : Thương thử thương hàn. Nóng lạnh nhức đầu. No hơi sinh bụng Tích nhiệt bón bang, nghẹn hơi chói nước. Ụa nhợn thình không. Bụng đau la mửa. Con nit kinh phong. Dựt gân tê cốt. Ăn uống không tiêu. Ho hen đàm siển. Dại sóng ngợp hơi. Ruột đau như thắt. Nóng lạnh không chừng. Đau hông tức ngực. Dịch khí thiên thời. ang cua bang chấn. Phát lạnh rét run. Công đầu sổ mũi. Các chứng mới sanh. Dùng liều tiêu đặt.

Giá bán mỗi ve . . . . . 0$10
Mỗi hộp 10 ve 0 85

NHUẬN PHẾ CHỈ KHÁI HOÀN (Số 12)

(*Thuốc ho hoàn rất hay*)

Phàm nhiên sự sống của người do cái phổi làm ra hơi thở vận động từ chi. lưu thông mạch lạc nếu hơi thở đặng mạnh thì tánh mệnh vững-vàng, bằng hơi thở yếu ớt thì sinh mệt, đờm nhân mệt mà làm ra ho-hen, nổi siển, bởi vậy hơi thở của người cũng như hơi sương gió của trời, nếu cả ngày mà bặt hơi sương gió thì thấy muôn vật bàu-nhàu cỏ cây xàu úa, còn người ta cái phổi bình-an thì hơi thở tự-nhiên thong-thả, châu thân thơi thới tự-nhiên mạnh mẽ, bằng cái phổi sinh bịnh thì xảy ra chứng ho làm cho tứ-chi bủng-rủng rung động tinh thần, cho nên chứng ho là một chứng rất hiểm nghèo cho người ta, hoặc nhân tuổi tác lớn mà sanh bịnh, hoặc hơi tích hàng-đờm hoặc bởi cảm sương phong, hoặc bởi đàm nhiệt tích tựu đóng khối, hoặc trong phổi mộc mục, hoặc bởi cuống họng ngứa mà ho chẳng giứt, hoặc bởi lao tổn tinh thần, khí huyết kém suy mà sanh chứng ho, hoặc nhiều hoặc ít, các chứng nói trên dây đều do cái phổi suy nhược mà làm ra chứng ho, nếu không sớm trị để lâu ngày thì thành ra một bịnh rất nên quan hệ, là hễ ho lâu thì thân thể ốm gầy, tinh thần khô khan võ vàng nhan sắc chừng ấy dầu có thầy giỏi thuốc hay cũng khó thế mà chữa cho đặng lành Nên Bổn-đường gia tâm chế-phương thuốc Nhuận-Phế-Chỉ-Khái-Hoàn nầy, tất nên mầu nhiệm, là làm cho tư nhuận mát mẻ cái phổi, tự nhiên hết ho, thiên hạ đã khắp dùng bất luận đờn ông đờn bà già trẻ cùng đờn bà có thai đều dùng được, hoặc ho gió, ho lâu năm, mới ho, ho lao, ho tổn ho có đờm, ho không đờm đều lịch trị cả hễ ai lâm chứng ho dùng đến tức thì thấy thần hiệu, là thuốc này làm cho tiêu đàm hóa khí tự nhiên hết ho ăn ngủ đặng như thường, quả nhiên một phương thuốc thần diệu.

Giá bán 1 hoàn . . . . . 0$15
Một hộp 10 hoàn 1 40

BÀI MINH TẠ

Vị thuốc : *Vạn-ứng-bình-an-táng và Nhuận-phế-chỉ-khái-hoàn*

Ích Nguyên Đường

« *Tiên Sanh* »

Tôi đã đặng thuốc ông gởi cách 2 tuần nầy. Thật thuốc « Vạn-ứng-bình an-táng » *của ông rất thần hiệu, tôi đã thí 2 đứa trẻ ở của tôi và một người già đau, cảm nóng mê man, tôi liền lấy thuốc* « Vạn-ứng-bình-an-táng » *mà cho uống, đương lúc bịnh mới phát trong nửa giờ, đổ mồ-hôi nhiều hằng, rồi thủng thẳng bớt lần lần mạnh! Khỏi rước thầy đến chẩn mạch bốc thuốc thang như mọi khi. Tôi thấy thuốc hay như thế nên trong xóm có ai bị cảm-mạo tức thì tôi cho họ uống mà khá thiệt, có 5, 6 người đau bịnh như vậy tôi cho uống đều mạnh cả cho nên hôm rầy tôi gởi mua 10 chai nay đã hết ráo. Còn thuốc* « Nhuận-phế-chỉ-khái-hoàn » *cũng là hay lắm, con tôi 3 đứa lớn đều ho nhiều quá ến đỗi khang tiếng lại hơi thở khó-k è tôi c o uống mỗi đứa nửa hoàn trong 2 kỳ (24 giờ) chứng nó đều mạnh, dức bịnh ho và có 2, 3 người lớn ở lối xóm cũng ho luôn vậy, tôi cho mỗi người một hoàn uống cũng dứt ho. Thiệt thuốc ông bào chế dây rất thần hiệu, lại ông rao báo rất đúng chẳng có sai lời. Nên tôi vội tạm kín tỉ lời tỏ lòng cảm ơn ông vô cùng, về công khó nhọc ông chế luyện thuốc rất hay đó. Sau đây xin ông gởi* Contre Remboursement *cho tôi 30 chai* « Vạn-ứng-bình-an-táng » *và 10 hoàn* « Nhuận-phế-chỉ-khái-hoàn » *thuốc ho. Tôi mua để phòng trong nhà và làm ơn cho làng xóm vì thuốc nầy dùng rất tiện ích.*

Nay kính

NGUYỄN-VĂN-CÔN

Amateur Photographe et Propriétaire

An-Trường à CANTHO

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

HIỆU J. BRUNEL

TOURCHAM ở DALAT (Annam)

Có chế các thứ máy kiểu mới, được cấp văn-bằng mà không phải Chính-phủ bảo-lĩnh.

Máy làm gạch được 3.000 viên một ngày. Giá 100$00, tiền cước chở người mua phải chịu.

Máy dã gạo được 800 cân tây một ngày, không có nồi súp-de, nhưng mà có 2 cánh. Giá 100$00, tiền cước chở người mua phải chịu.

ĐỒ DÙNG ĐI SĂN

Đạn chì và đạn ghém, không có thuốc, gửi theo lối lĩnh-hóa giao-ngân, ba đồng rưỡi một hộp.

Xin các ngài chiếu-cố cho, đa tạ.

ÉTABLISSEMENTS TIẾN-ĐỨC

84-86, Avenue Paul Doumer, 84-86

HAIPHONG

AMEUBLEMENT GÉNÉRAL

SPÉCIALITÉ

MEUBLES ARTISTIQUES DÉMONTABLES

HẢNG-PHONG DIT NGUYỄN-THÀNH-CỰ

Bijouterie et commerçant

CAOLANH

Bán đồ nữ trang đủ theo kiểu kiêm thời, mà nhứt là bông tai bèo bằng vàng và đồng xứng đã tính xào mà giá rẻ, vì làm sở trường bặt thiệp nên tính công-nhẹ.

Năm thứ hai — N° 29 1er Octobre 1922

HỮU-THANH

Khoa-học với tiền-đồ nước ta

Kỳ trước ký-giả đã bàn qua về cái cuộc tương-lai của nước ta cần phải trọng mặt khoa-học hơn là văn-học, thì có nhiều nhà thiên-trọng văn-học cho rằng những lời bàn đó thiên về khoa-học, chưa được là xác-đáng. Ôi! nếu thời-đại này không phải là một thời-đại cạnh-tranh kịch-liệt, thì những lời bàn đó, dẫu cho là không hợp thời cũng được, song trải xem toàn-cục thế-giới, lại xét đến cái cơ hèn kém của nước nhà, thì tưởng rằng ai là kẻ thức-thời cũng đều nhận biết khoa-học là có quan-hệ cho cái tiền-đồ của nước ta thế nào vậy, cho nên ký-giả chẳng hiềm ý-kiến hẹp-hòi, nghị-luận thô-thiển mà phải bàn bổ thêm vào nghĩa bài trước và nói rõ cái quan-hệ của khoa-học với tiền-đồ nước ta một lần nữa.

Một nước mà muốn trở nên văn-minh, tất phải đủ về mặt tinh-thần, lại tất phải đủ về mặt vật-chất, hai mặt bao giờ cũng phải đối-chiếu cho ngang nhau, không thể chênh-lệch nhau được. Tinh-thần văn-minh của một nước là gì? Là văn-học. Vật-chất văn-minh của một nước là gì? Là khoa-học. Văn học và khoa-học vốn là hai chất để xây đắp lên cái nền văn-minh của một nước; trong hai chất ấy nếu một chất nặng, một chất nhẹ, một chất ít, một chất nhiều, thì xây đắp sao được nền văn-minh, mà nền văn-minh còn vững bền sao được? Ôi! Văn-học là cái cốt-tử về nhân-tâm thế-đạo, tam-cương ngũ-thường, bao nhiêu những cách xử-kỷ tiếp-vật, biết yêu nước yêu nhà, đều là bổn-lĩnh của người đời thì đều là thoát-thai tự đó mà ra cả. Khoa-học là một bộ động-cơ chuyển được sự lận ra chóng, sự nguy ra an, lấy trí-lự mà tranh cả quyền tạo-hóa, lấy nhân-lực mà thắng được cả thiên-công, bao nhiêu những cái nhiều sự-

nghiệp mà ít công-phu, nặng hiệu-quả mà nhẹ nhu-phí, đều là hạnh phúc của người đời thì đều là thoát-thai từ đó mà ra cả. Văn-học có quan-hệ cho văn-minh tinh-thần một nước như thế, khoa-học có quan-hệ cho văn-minh vật-chất một nước như thế. Nếu trong hai chất đều không có cả hai thì thành ra nước mọi-rợ, không đủ tư-cách là một nước, không ai nói đến nữa; nếu trong hai chất có một mà thiếu một, thì gọi là nước bán-khai, vì không gấp theo đuổi cho kịp người, tất không khỏi sa vào vòng lung-lạc. Vậy một nước văn-minh cường-thịnh, tất phải hai chất điều-hòa cả hai.

Ví như một người sinh-hoạt được là nhờ có phần hồn lại phải nhờ có phần xác. Có hồn để lợi-dụng lấy xác, có xác mới linh-động được hồn, nghĩa là vốn có mật-thiết quan-hệ với nhau, rời nhau ra là người chết rồi. Vậy thì văn-học cũng tức là phần hồn, khoa-học cũng tức là phần xác trong cuộc văn-minh của một nước. Người có xác không hồn, có hồn không xác, còn là người chết, huống chi một nước, nếu cũng thế, thì sinh-tồn ở trên thế-giới sao được, có chăng nữa cũng chỉ là hạnh-miễn mà thôi. Văn-học khoa-học là hai chất phải có ở trong một nước, lại cũng ví như âm dương thủy hỏa phải có ở trong thân-thể người ta. Người thiếu một tinh-chất đó là người có bệnh, nước thiếu một tinh-chất đó là nước phải suy, bây giờ phải tìm phương bổ-cứu.

Phương bổ-cứu thế nào?

Bổ-cứu chỗ nhược-điểm của một nước không khác gì chữa bệnh của một người, trước hết phải tìm cái gốc bệnh, sau tìm cách điều-hòa cho các cơ-thể có sức vận-động đều nhau, thì bệnh tất khỏi, người tất mạnh. Suy ra một nước cũng vậy. Đã biết rằng chân âm dương thủy hỏa phải có ở trong một người, nếu bên thịnh bên suy, thì là người yếu, mà văn-học khoa-học là hai chất phải có ở trong một nước, nếu đằng hơn đằng kém thì là nước hèn, phương bổ-cứu là phải làm thế nào cho hai bên điều-hòa nhau, không thiên về bên nào mới được.

* * *

Hiện-tình nước ta ngày nay, đem văn-học khoa-học để lên cái cân thăng-bằng mà nhắc thử coi, thì thực là một bên nhẹ mà một bên nặng. Nước ta đã có tiếng là một nước văn-hiến mấy nghìn năm nay, đàn văn-học tưởng thế cũng đã là cao, cứ mỗi ngày một đắp thêm lên, chắc không thua gì mấy đàn văn-học của thế-giới, duy chỉ thiếu hẳn về mặt khoa-học mà thôi. Hy-lạp La-mã ở Âu-châu ngày xưa, văn-học rực-rỡ, triết-học uyên-thâm,

lại còn phát-minh ra được đôi chút về khoa-học, thế mà trải mấy phen bãi bể nương dâu, chỉ còn sót lại mấy cái vết lăng xưa miếu cũ. Nước ta chỉ lấy văn-học mà sinh-tồn được ở mảnh đất này có dư mấy nghìn năm, tưởng cũng là một điều hạnh-miễn. Bước vào đến cái thời-đại này, thế-giới cơ-hồ chỉ lấy khoa-học mà cạnh-tranh, thế thì khoa-học với cái tiền-đồ nước ta, chẳng cũng là có cái quan-hệ to lớn lắm sao?

Cái gốc bệnh của nước ta ngày nay là suy hẳn về đường khoa-học.

Sao lại nói được là suy về đường khoa-học?

Từ khi nhà nước Đại-Pháp sang bảo-hộ nước ta, có ngoài 60 năm nay, hết lòng mở-mang cho ta, dậy-dỗ cho ta, cứ hiện-tượng mà xem, về vật-chất văn-minh, cũng đã có cái quang-cảnh rộn-rịp lắm rồi. Lấy công-nghệ mà nói thì xưởng máy nọ, nhà dệt kia, tay mỹ-thuật nhiều, nhà chế-tạo có, có thể một ngày một thịnh-đạt hơn nữa. Lấy đường vận-tải giao-thông mà nói thì qua núi có hầm, qua sông có cầu, đường bộ có xe-lửa, đường thủy có tầu thủy; lợi về việc chuyển-đệ tin-tức thì có nhà giây-thép, có điện-thoại, có vô-tuyến-điện; lợi về việc tuần-phòng và họa địa-thế, thì có tiềm-đĩnh, có phi-thuyền, cũng có cái thế một ngày một mở-mang thêm nữa. Lấy đường sản-nghiệp mà nói thì gạo có máy say, đường có máy chế, rừng có lợi rừng, bể có lợi bể, sản-vật đem ra bán ngoại-quốc khá nhiều, cũng có cái thế một ngày một phát-đạt hơn nữa. Xem đó thì bao nhiêu những khí-cụ văn-minh thuộc về khoa-học, nước ta có như thế cũng đã gọi là tiềm-tiệm đủ dùng rồi, sao nói được nước ta suy về khoa-học?

Thực thế! Nước ta suy về khoa-học. Nên biết rằng bao nhiêu những vật chất văn-minh mà ta thấy đó, đều thuộc về khoa-học hình-thức mà thôi, kỳ thực nước ta chưa có khoa-học học-thức mà cũng chưa có khoa-học sáng-kiến, cái bệnh không có khoa-học là ở chỗ đó.

Khoa-học hình-thức thì dễ không có nước nào là không, bởi vì bách về sự cần dùng nên cũng phải thiết-lập ra cho đủ; văn-minh như các nước Âu Mỹ, bán-khai như nước mình, cho đến dã-man như các xứ mọi-rợ, đều có hình-thức khoa-học cả. Hình-thức khoa-học không mà thôi thì không đủ gì, cho nên phải có khoa-học học-thức và khoa-học sáng-kiến nữa mới được.

Đứng lên một chỗ thật cao, nhìn thẳng ra cái tiền-đồ nước mình, mênh-mang cùng-kiệt chưa biết địa-điểm chỗ nào, nhưng nếu cứ lấy khoa-học làm kim chỉ-nam thì con đường kia dẫu xa dẫu dài, cũng có thể đi đến nơi một cách toàn-thắng.

Ta là một nước nông-nghiệp, vậy thì có muốn cho lúa năm nào cũng được mùa, gạo năm nào cũng xuất-cảng nhiều mà có giá-trị ở trên thị-trường thế-giới hay không ? Có. Muốn thế, tất phải cần có khoa-học.

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .Hỏi lợi-nguyên trong nước ta cái gì là hơn, chắc ai cũng nói rằng gạo. Vậy muốn cho gạo nhiều, cần phải khuếch-trương nông-nghiệp, muốn khuếch-trương nông-nghiệp, không nhờ có khoa-học mà được ư ?

Ta là một nước mới biết trọng công-nghệ, vậy thì có muốn công-nghệ mỗi ngày một phát-đạt, quốc-hóa mỗi ngày một tiêu-thụ nhiều không ? Có. Muốn thế tất phải cũng cần có khoa-học.

Xem các đồ chế-tạo xuất-sản của các nước văn-minh, to thì đồ máy-móc, hàng tơ lụa, nhỏ đến mấy thức đồ chơi trẻ con, thứ gì cũng vừa đẹp vừa kỹ, vừa rẻ vừa bền, là bởi họ dùng khoa-học mà chế ra cả ; dùng khoa-học mà chế ra đã nhẹ bớt được nhân-công, rút bớt được ngày giờ, mà đồ-vật lại có giá-trị hơn. Công-nghệ nước ta mới nhóm lên, lại ít có người lưu-tâm đến, hình như chỉ riêng cho một hạng người cô-cùng trong nước mới chịu mó tay vào thôi ; tài-liệu hiếm, không biết lấy ở đâu, cơ-xảo kém, không biết làm sao được ; người thợ mộc mà cái trảng cái đục vẫn dùng theo lối cổ, người thợ thêu mà cây kim sợi chỉ vẫn phải mua ở ngoài ; lại còn bao nhiêu nghề, thủ-thuật tuy có khéo mà tài-liệu vẫn phải mua, công-phu tuy có to mà giá-trị vẫn là nhỏ, thành ra đồ dùng trong nước mười phần thì chín phần vẫn phải ngưỡng-cấp ở ngoài. Ôi ! công-nghệ như thế còn mong gì đồ-chế được người Trung-hoa, lại còn mong gì đồ chế-tạo đem bán ra nhiều ở ngoại-quốc. Trong thế-giới bảy giờ không một nước nào kém-cỏi về công-nghệ mà là một nước giầu. Người nước ta muốn cho nước ta giầu tất phải mở-mang về công-nghệ ; muốn mở-mang công-nghệ không nhờ có khoa-học mà được ư ?

Lấy hai việc lớn ấy mà xem, rồi việc khác cứ lấy lệ đó suy ra thì cũng thế ; đủ biết rằng khoa-học quan-hệ đến cái tiền-đồ nước ta là nhường nào. Nói xác-lý ra thì mai sau này nước ta hay dở thế nào là do ở khoa-học. Thực thế. Nước ta khoáng-sản nhiều, không nhờ khoa-học khai sao được ; địa-lợi sẵn, không nhờ khoa-học mở sao cùng ; lâm-sản không nhờ có khoa-học không lợi-dụng được hết các thứ cây ; ngư-nghiệp không nhờ có khoa-học đánh sao cho được nhiều cá ; lại

còn nào là y-học, vật-lý-học, địa-chất-học, thiên-văn-học vân vân, biết bao nhiêu môn-học đều ở trong khoa-học, nước ta cần phải chú-trọng cả.

Ôi ! Khoa-học rất có công to với cuộc văn-minh hạnh-phúc của người đời. Có khoa-học mới có giấc ngủ tốt miếng ăn ngon, có khoa-học mới có chất này vật khác mà dùng, có nhà cao cửa rộng mà ở, mới tránh được nắng đốt nước trôi, có khoa-học mới giữ được yên lành miếng đất mà làm ăn, không lo có người xâm kẻ chiếm. Nói tóm lại khoa-học không những có quan-hệ đến cá-nhân sinh-mệnh, lại đến cả xã-hội sinh mệnh, có ảnh-hưởng đến trên đàn chính-trị, trong trường ngoại-giao, có công-lao đến cả việc cảnh-trị ở trong, việc binh-nhung ở ngoài nữa ; cho nên có thể nói được rằng : người đời không có văn-học không sao, không có khoa-học tất phải chết vậy. Một nước mà không biết trọng về khoa-học thì nguy cho tiền-đồ bao nhiêu, tưởng người thức-thời ai nghĩ đến cũng phải sợ lo ngay-ngáy.

Ấy đấy, khoa-học quan-hệ đến tiền-đồ nước ta như thế, thế mà xem cái quan-niệm người nước ta ngày nay đối với khoa-học chỉ thờ-ơ lãnh-đạm như không, chẳng có chút nào là thận-trọng, mà chỉ cho văn-học là cái lợi khí văn-minh thứ nhất, nào nghiền-ngẫm đẽo-gọt cả ngày, tưởng văn-học có cái thế chuyển nguy làm an, chuyển họa làm phúc, cá-nhân không có văn-học thì là tục, xã-hội không có văn-học thì là biến vậy, có dễ lại tưởng lầm đến cả sự hay dở mai sau của quốc-gia là quan-hệ ở văn-học ; thành ra không mấy ai chịu coi khoa-học là trọng mà cơ-hồ không biết khoa-học là gì. Ở nhà trường, cậu bé đi học muốn gọt câu văn cho hay hơn là muốn thuộc lòng và hiểu thấu bài cách-trí ; ra lập công-danh sự-nghiệp với đời, cũng muốn làm quan nọ ông kia có lộc cả ngồi cao hơn là ngồi trong phòng thí-nghiệm ; thành ra đến xã-hội giao-tế ai cũng lễ-mạo và ghê-sợ nhà văn-sĩ hơn là mấy ông bác-vật kỹ-sư, ai cũng coi chốn diễn-đàn có vẻ uy-nghiêm thần-thánh hơn là mấy cái nhà máy, mấy cái xưởng chế-tạo ; thậm-chí nhà nước có lập trường Nông-nghiệp cũng ít ai muốn học, có lập trường Kỹ-nghệ cũng ít ai muốn vào, nghĩa là coi những nghề đó không được là nghề sang-trọng vậy.

Tập-nhiễm thành quen, cả quốc-dân cùng xô vào một cái đường xu-hướng, thôi thì chỗ này lập nên văn-học-hội, nơi kia gây ra văn-học-ban, thì người ta hưởng-ứng ầm ầm ; thế mà ngày năm ngoái có mấy ông kỹ-sư hô-hào lập ra công-ty điện-khí, kêu rát cổ cũng ít ai đoái-hoài đến ; thôi thì chỗ này truyền-tụng câu thơ luyện, thiên tiểu-thuyết hay, chỗ

nọ khen ngợi bài văn trường-giang đại-hải, bài diễn-thuyết *đại-cà-sa*, thế mà cụ Hàn-Toản là nhà khoa-học đại-tài ở trong nước mới buổi đầu, quá-khứ đi, không ai kế-truyền được đã đành, mà dễ cũng không ai nhắc đến tên nữa. Sao thói đời điêu-bạc, hậu thì bạc, bạc thì hậu, không hiểu thời-thế đến thế kia ư ?

Than ôi ! Ta thường thấy một nước gọi là nước giầu thì trong nước có nhiều máy to xưởng lớn, sản-nghiệp thịnh, công-nghệ nhiều, chớ không phải giầu về mấy viện sách, mấy tập văn, mấy cái giọng đa-cảm đa-sầu, mấy câu văn kinh-thần khấp-quỉ ; ta thường thấy một dân gọi là dân mạnh, thì trong dân có nhiều tay có tài chế-tạo, có trí sáng-kiến, chớ không phải mạnh về những văn-sĩ, những « *bi-nhản* » cắm đầu vào đống sách mà nghiên-cứu, xanh-xao cả người vì bài luận, bạc nửa mái tóc vì câu thơ....

Vậy thì khoa-học có ảnh-hưởng đến cuộc giầu mạnh của một nước to là nhường nào ! Ôi ! Nếu chỉ một văn-học hưng-thịnh mà nước có thể phú-cường được thì nước ta đã phú-cường tự bao giờ rồi, không đâu đến nỗi yếu kém như nay nữa. Ta cứ xem cái cuộc dĩ-vãng của nước ta không có khoa-học thì thể nào, cái cuộc hiện-tại nhờ Chính-phủ bảo-hộ mà đã điểm có chút khoa-học thì thế nào, thì ta có thể đoán-định được rằng cái tiền-đồ của nước ta phải nhờ có khoa-học mới mong thịnh-đạt được.

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN

Lược bàn cái giá-trị về kinh-tế

. Dục-vọng của nhân-loại rất nhiều, nhưng tóm lại chia có hai phần : nhục-thể và tinh-thần. Dục-vọng về nhục-thể, phải có vật-chất, mới thỏa-mãn được, cái đó đã cố-nhiên, không cần phải nói ; cho đến ngay dục-vọng về tinh-thần, cũng không thể không cần đến vật-chất được. Ví dụ người thích về đường tri-thức, tất nhiên cần có sách vở ; người thích về đường tôn-giáo, tất nhiên cần có đền chùa.... cho nên hễ đã có dục-vọng, thì vô-luận là về nhục-thể hay tinh-thần, đều phải cần có vật-chất mới thỏa-mãn được. Dục-vọng có cường nhược hoãn cấp khác nhau, dục-vọng về sinh-tồn, tất cường và cấp hơn là về xa-xỉ. Có vật làm sung-mãn dục-vọng cường cấp, có vật làm mãn-túc dục-vọng nhược hoãn, cái đó là bởi tự tính-chất có khác nhau ; có vật làm sung-mãn viên-túc được dục-vọng, lại có vật tuy làm được, nhưng cái trình-độ sung-túc vẫn còn có khiếm khuyết, đó là bởi cái phân-lượng có khác nhau. Ấy cũng vì có hai điều khác nhau đó, nên chi hết thảy mọi vật không thể nhất luật cùng chung một địa-vị mà không có khác nhau được. Cái học thuyết lấy dục-vọng làm tiêu-chuẩn để so-tính giá-trị vật-phẩm đó, gọi là duy-tâm giá-trị-luận. Lại cũng có nhiều học-giả quan-sát về phương-diện vật-phẩm, cho là vật-phẩm tất phải có cái công-dụng khả dĩ làm sung-túc được dục-vọng, thì mới khiến cho người ta đậm-dùng được ; tất phải có cái lao-lực hơn người, thì mới có cái năng-lực giao-hoán, cái giá-trị giao-hoán. Đó là theo phương-diện vật-phẩm mà nói, gọi là duy-vật giá-trị-luận. Xưa nay các nhà kinh-tế-học vẫn chủ-trương, đại-khái toàn-thị luận về duy-vật cả, cho nên đây trước hết hãy theo về phái duy-vật mà nói.

A. Theo thuyết duy-vật luận về giá-trị

I. Khoa-học kinh-tế, đến A-đam-mỹ tiên-sinh (Adam Smith), mới thật thành một khoa-học có hệ-thống. Ông đối với cái nguyên-lý giá-trị, có nói rằng :

« Hai chữ giá-trị, có hai ý-nghĩa khác nhau : một chỉ về cái hiệu-dụng của vật-phẩm (như cái hiệu-dụng nước uống khỏi khát, cơm ăn khỏi đói, v. v.), gọi là sử-dụng giá-trị ; hai chỉ về cái năng-lực giao-hoán của vật-phẩm (như về thời đại giao-hoán vật-phẩm, bao nhiêu gạo đổi được bao nhiêu vải, bao nhiêu sắt đổi được bao nhiêu vừng, vân vân ; về thời-đại hóa-tệ kinh-tế, vật nọ dẫu không thể trực-tiếp giao-hoán với vật kia, phải dùng hóa-tệ làm môi-giới giao-dịch, song cái năng-lực giao-hoán của vật-phẩm, có thể dùng hóa-tệ mà biểu-thị ra được), gọi là giao-hoán giá-trị. Những vật-phẩm mà cái giá-trị sử-dụng rất lớn, thì đại-khái toàn là cái giá-trị giao-hoán đều rất nhỏ, hoặc là toàn nhiên không có chút nào ; cái giao-hoán giá-trị như vậy cùng với cái sử-dụng giá-trị không tịnh-hành được. Lệ như nước là vật tối cần hằng ngày phải có, cái giá-trị sử-dụng của nước lớn-lao biết bao ; song cái năng-lực giao-hoán, không có một chút nào cả, vì không thể đem nước mà đổi lấy một vật khác được. Trái lại, gì quí bằng kim-cương, mà trừ dùng làm đồ trang-sức ra, không dùng được việc gì cần-thiết cho nhân-loại ca ; duy cái giá-trị giao-hoán, thì to lớn lạ thường, một hột kim-cương bằng hột đậu lớn thôi, có thể đem đổi lấy vật-phẩm khác gấp trăm nghìn lần !

Sự giao-hoán đó, bởi đâu phát-sinh ? Đương thời-đại mọi người đều phải tự-cấp, phàm nhất-thiết mọi vật nhu-yếu ai nấy đều tự phải làm ra ; cái dục-vọng đã nhỏ hẹp, cái chủng-loại cũng ít oi, chỉ cần sao cho sinh-tồn được ấy là đủ ; ngoài ra không còn có những xa-vọng chi hết. Về sau, tri-thức của loài người dần dần tiến-bộ, dục-vọng của loài người dần dần tăng-gia ; những vật-phẩm nhu-yếu cũng phải dần dần sinh thêm nhiều mãi. Cái chế-độ tự-cấp tự-túc thuở trước, không thể đủ cung-ứng sự yêu-cầu của cuộc đời, xã-hội mới thành cần phải phân-nghiệp, cái lao-lực của cá-nhân, chỉ đủ dùng về một bộ-phận, rồi phải đem cái kết-quả lao-động của người này đánh-đổi với cái kết-quả lao-động của người nọ, ấy sự giao-dịch phát-sinh ra, nguyên-do bởi đó. Xưa kia sự sinh-hoạt của cá-nhân, chỉ trông vào sức lao-động của mình hoặc là của bộ-phận trong đoàn-thể nhỏ ; tuy vậy, sức sinh-hoạt

sơ-sài đó cũng đủ cung ứng cho cái dục-vọng nhỏ hẹp kia mà không phải chịu những nỗi thống-khổ. Cũng vì như loài động-vật đơn-tế-bào, dẫu không có sự hóa-phân của các cơ-quan hô-hấp, tiêu-hóa, bài-tiết, v. v.. nhưng cái cơ-năng đơn-giản kia cũng đủ duy-trì được cái tinh-mạnh đan-giản nọ mà không hề thấy có khiếm-khuyết. Từ khi xã-hội phân-nghiệp trở về sau, thì cá-nhân trong xã-hội, chẳng khác cái tế-bào trong thân-thể các cao-đẳng động-vật, mỗi cái phải có một cơ-năng, mỗi cái phải có một sở-trường, mỗi cái đều phải làm công việc, phải tương-tư tương-trợ lẫn nhau, mới có thể sinh-tồn được. Nay, vì khiến người đời lìa bỏ xã-hội mà cô-lập sinh-tồn, có khác gì đem cắt phắt cái tế-bào của cao-đẳng động-vật, khiến cho nó tự sinh-hoạt một mình, quyết là không thể được. Trong cái chế độ xã-hội phân nghiệp đó, một sự rất khẩn-yếu là giao-dịch vật-phẩm. Giao-dịch vật-phẩm thế nào, cách kế-toán đánh đổi vật nọ với vật kia làm sao, khiến cho đôi bên giao-dịch đều được cân nhau không ai phải chịu thua thiệt, đó thật là một vấn-đề rất trọng-yếu vậy. A-đam-Mỹ tiên-sinh phát-minh ra một điều rất thần-diệu là lấy « lao-động » làm cái thước đo tính giá-trị vật-phẩm. Thử nghĩ mà xem, cầu lấy cho được một vật gì, tất nhiên phải hao-phí mất bao nhiêu là tinh-thần, lao-lực, vật mới đến tay, vậy thì cái tinh-thần, lao-lực hao-phí đi kia, tức là cái giá-trị của vật-phẩm đó; giá-trị lớn nhỏ toàn coi ở như lao-lực ít nhiều làm chuyển-di. Nước ngoài biển khơi, không hề đả-động phải dùng đến chút lao-lực, nên chi không chút giá-trị giao-hoán nào. Khi đem gạo của người này, đổi với vải của kẻ nọ, tất nhiên phải đem cái phân-lượng lao-động làm ra gạo với cái phân-lương lao-động làm ra vải, so sánh cho thật cân nhau, rồi đôi bên mới chịu đem giao-hoán với nhau. Từ khi có hóa-tệ xuất-hiện về sau, nhất thiết sự giao-hoán, toàn dùng bằng hóa tệ, song hóa-tệ là dùng lao-lực mà chế-tạo nên, tức cũng là một cái kết-tinh của sự lao-động, cho nên đại-biểu lao-động, làm cái thước đo-lường giá-trị giao-hoán. Duy hóa-tệ có một điều khuyết-điểm rất lớn, là giá-trị của nó không thể giữ thường mãi không có biến-đổi được. Tuy cũng có khi cái danh-hiệu lâu đời không đổi thay, nhưng phân-lượng loài kim thường phải tùy thời mà tăng giảm; túng nhiên phân-lượng có đứng vững một mực được nữa, mà giá-trị loài kim có khi hoặc nhân sự khai-thái có khó, dễ; hoặc nhân các nguyên nhân khác nữa, cũng không thể thủy-chung giữ vững một mực được. Có điều, sự biến-động đó tất phải có trải qua lâu ngày, chứ ngay trong thời-gian ngắn-ngủi thì chưa thay đổi sai-khác chi cho lắm. Ngũ-cốc thì không thế; chỉ trong một thời-gian ngắn thôi, cốc-giá có khi đã đại-biến-động ngay. Song để giá lâu ngày mà so-sánh, thì sự biến-động đó, lại là một sự soàng vậy thôi. Hai cái giá-trị đó, một đằng thì phút chốc đổi thay ngay, một đằng thì lâu ngày mới biến động; rút lại đều không thể làm tiêu-chuẩn cho giá-trị được. Duy có lao-động là bao giờ cũng như bao giờ, lâu ngày đến đâu cũng không biến cải, cho nên có thể làm thước tiêu-chuẩn chân-chính cho giá-trị.

I. — Giá-trị vật-phẩm, có thể do hai phương-diện sinh-sản và giao-hoán mà quan-sát: Về phương diện sinh-sản, là kể về lao-động-lượng; về phương diện giao-hoán, là dùng cái giá-trị khả-dĩ giao-hoán — mua bán — với lao-động-lượng của vật khác. Hai vật giao-hoán với nhau, đều bằng ở lao-động-lượng làm chuẩn-đích mà quyết-định. Thí-dụ: Bắt một đôi giải-cá phải dùng sức đến hai ngày mới được; bắt một đôi hươu, chỉ trong một ngày; vậy thì một đôi giải-cá, giá đáng bằng hai đôi hươu. Trở lên là đại-ý giá-trị-luận của A-đam-mỹ tiên-sinh.

II. — Một người trong đích-phái A-đam-mỹ học-thuyết tên là Di-các-đô (David Ricardo) nói rằng: « Giá-trị giao-hoán vật-phẩm là gì? ấy chính là cái sức mua bán của nó; hoặc là đem cái định-lượng của vật-phẩm ấy có thể đánh-đổi với định-lượng của vật-phẩm khác vậy ».

Cái thước đo-tính giao-hoán giá-trị, trừ ra một cách lấy « Lao-động » làm đích của A-đam-mỹ tiên-sinh, thì Di-các-đô tiên-sinh có phát minh thêm ra một cái « hy-thiểu-tính » (1) nữa. Vật có thể chia ra làm hai phần: Một là về lao-lực, thì tùy ý tăng-gia; một phần không thể lấy lao-lực mà tùy-ý tăng-gia được. Cái giá-trị về phần thứ nhất là theo lao-động-lực quyết-định; về phần thứ hai thì không bằng ở lao-động-lực mà lại bằng ở cái hy-thiểu-tính. Lệ như những đồ hội-họa, điêu-khắc, cổ-ngoạn, v. v., thì không phải là vì khi chế-tạo phải dùng nhiều lao-lực mà giá cao, chỉ vì hiếm có (hy-thiểu-tính)mà giá cao. Nhưng vật-phẩm về phần thứ hai, thì đối với kinh-tế-giới không trọng-yếu mấy, nên đây không cần phải nghiên-cứu.

Cái sinh-sản của ta làm ra, nhân vì tình-hình (điều-kiện sinh-sản) có lợi, bất-lợi khác nhau, cho nên kết-quả phần sở-đắc có nhiều ít hơn kém không giống nhau; khi quyết-định giao-hoán, không phải là kể cái lao-động-lượng về phần lợi, phải kể cái lao-động-lượng về phần bất lợi. (Lệ như bây giờ có hai cây, một cây ở vào chỗ rại-nắng, tốt mầu; một cây ở vào chỗ bờ cát, u-âm; thì lúc giồng hai cây ấy, lao-động-lượng tuy cũng ngang nhau, nhưng về sau chắc cái kết-quả của cây trong vườn hẳn là nhiều gấp bội cây ngoài bờ cát. Giả như cây trong vườn được 10 quả, cây ngoài bờ cát chỉ 5 quả, mà lao-động-lượng khi giồng hai cây thì ngang nhau thôi. Thế là một quả cây trong vườn chỉ tồn lao-lực có một phần mười 1/10, một quả cây ngoài bờ cát phải đến một phần năm 1/5. Quyết-định giá-trị quả hai cây ấy, không phải là tính cái lao-động-lượng của phần lợi: 1/10, mà phải tính cái lao-động-lượng của phần bất-lợi: 1/5).

Cái thuyết lao-động-lượng của Di-các-đô so với thuyết của A-đam-mỹ có hơi khác nhau. A-đam-mỹ nói rằng:

« Lao-động-lượng bắt một đôi giải-cá gấp hai bắt một đôi hươu, vậy thì một đôi giải-cá có thể đổi lấy hai đôi hươu ». Nhưng lao-động lượng chế-tạo các khí-cụ săn bắt, tất nhiên phải có ảnh-hưởng tới giá-trị của giải-cá và hươu. Khí-cụ có tinh-thô khéo vụng không giống nhau, nên cái lao-động-lượng để chế-tạo ra cũng nhân đó mà có khác. Bởi vậy, quyết-định giá-trị giao-hoán, không những chỉ tính cái lao-động trực-tiếp; lại phải thêm cả lao-động-lượng chế-tạo các nguyên-liệu với khí-cụ mà đối-toán nữa. Lại còn khí-cụ dùng được bền chóng thế nào, cái đó cũng rất quan-hệ, có cái dùng vài ba lần đã hỏng ngay không dùng được, có cái dùng trăm nghìn lần vẫn còn y nguyên dùng được. Dùng vật làm bằng đồ kiên-cố, so với dùng vật làm bằng đồ

(1) Nghĩa là vật hiếm.

đơn-sơ, thì quyết-nhiên là giá rẻ được nhiều.

Sự lao-động làm các nguyên-liệu khí-cụ, cùng sự lao động làm các vật phẩm, đều là chủ-đích của giá-trị, như đã nói trên kia. Nhưng trừ những sự lao động ấy ra, lại còn một điều nữa cũng có quan-hệ đến giá-trị, ấy là cái « thời-giờ ». Bây giờ có một nhà doanh-nghiệp, năm đầu bỏ ra 1.000 boòng tư-bản, thuê 20 công-nhân để chế-tạo hóa-vật, nhưng chưa làm được; năm thứ hai lại bỏ ra 1.000 boòng nữa, cũng lại thuê 20 công nhân để làm nối theo, đến cuối năm thứ hai đó làm được thành-công, đem bán tại thị-trường. Lại có người gồm đem sự-nghiệp hai năm mà làm vào một năm, một lần bỏ ngay ra 2.000 boòng, thuê 40 công-nhân, đến cuối năm ấy làm xong cũng hóa-vật ấy đem bán tại thị-trường. Như vậy, nhà doanh-nghiệp thứ nhất thuê 20 công-nhân phí mất công-phu làm trong hai năm, nhà thứ hai thuê 40 công-nhân chỉ phí công-phu làm trong một năm, sở-phí lao-lực cũng là ngang nhau, vậy thì hóa vật của hai bên làm ra đó, giá-trị cũng ngang nhau được chăng? — Quyết là không được. Ấy nhân sự quan hệ về thời giờ đó, mới sinh ra cái vấn-đề lời lãi khác nhau. Ví như đều là một năm lãi một phân, thì nhà doanh-nghiệp thứ hai, đến cuối năm tính gốc lãi được là 2.200 boòng ($2.000 \times 1,1 = 2,200$). Nhà thứ nhất, lợi-tức năm thứ nhất tính gồm cả vào với tư-bản năm thứ hai, thành ra cả gốc lãi được là 2.300 bàng ($1.000 \times 1,1$; $1.000 \times 1,1 = 2.300$). Lao-động-lượng dẫu ngang nhau, mà thời-giờ kinh-quá có khác nhau, thì giá-trị khắc phải bởi đó mà không như nhau được. Trở lên là đại-ý cái học-thuyết của Di-các-đô tiên-sinh.

III. — Sau Di-các-đô, có mấy học-giả cũng noi theo cái luận-thuyết về giá-trị lao-động ấy. Cái phát-điểm của bọn họ, thì cùng một căn-nguyên với Di tiên-sinh; duy sở-đắc cái xã-hội chính-sách so với luận-thuyết tự-do phóng-nhiệm của Di tiên-sinh, thì khác hẳn nhau. Bọn họ nói: « lao-động đã là cái căn-nguyên giá-trị, thì phàm những kết-quả sản-xuất bởi lao-lực, phải nên qui-công về lao-động cả, là hợp lẽ. Cái quyền-lợi thâu kết-quả sự lao-động của mình đó, gọi là lao-động toàn-thâu-quyền ». Bởi cái luận-thuyết xã-hội chủ-nghĩa của phái ấy phát-nguyên từ Di tiên-sinh, cho nên gọi là Di-phái xã-hội chủ-nghĩa. Trong bọn thì có Uy-liêm-tôn-sơn (William Thompson) là một tay trứ-danh, nói rằng: « lao-động tuy thị là thước kế-toán giá-trị, nhưng không giống như cái thước chính-đáng để đo dài ngắn, là vì sao? Vì giá-trị với dục-vọng có quan-hệ rất mật-thiết; dục-vọng có lúc phải thay đổi, thì cái tiêu-chuẩn giá-trị không thể lúc nào cũng là thập-phần xác-đáng được ». Lời nói đó, đối với luận-thuyết lao động giá-trị chưa được thập-phần thấu-triệt, mà tiềm-tiệm khuynh-hướng thiên về luận-thuyết duy-tâm.

Trừ ra Di-phái xã-hội chủ-nghĩa, lại có hai nhà đại-học-giả là Ca-lỗ-bách-tuy (Carl Rodbertus) và Dô-diệp-phu-đôn (Joseph Proudhon), đều là người chủ-trương về luận-thuyết lao-động giá trị. Phu-đôn nói: « duy có lao-động là chốt sự sinh-sản; dù tư-bản, dù thổ-địa, nếu không có lao-lực vận-động, cũng là vật vô-dụng mà thôi. Bây giờ ví có một nhà đại-tư-bản địa-chủ kia đòi tiền lợi-tức thuê đất tư-bản thổ-địa nọ, thì có phải rõ là đem cái không mà yêu-sách cái có chăng? » Luận-thuyết của Bách-tuy, thì đại-ý cũng giống như thuyết của Phu-đôn, Bách-tuy nói rằng: « Tiền-tài kinh-tế, đều là sản-vật của lao-động cả, trong tiền-tài đó, hàm có lao-động-lương: $m + \frac{n}{T}$. M là cái trực-tiếp lao-động-lượng kinh-doanh món tiền, N là lao-động-lượng về sinh-sản khí-cụ, L là cái hóa-tài-lượng của sự chế-tạo trong khoảng từ lúc mới dùng khí-cụ đến lúc khí-cụ hoàn-toàn hủy-hoại ».

IV. Ngoài ra lại có một vị trứ-danh học-giả, tên gọi Mi-lư (John Stuart Mill), đem học-thuyết của Di tiên-sinh đổi đi một chút, xướng lên luận-thuyết về giá-trị gọi là « Sinh-sản-phí thuyết »; cứ như học-thuyết đó, thì hóa-vật có thể chia làm ba phần: Phần thứ nhất là cung-cấp-lượng, có hạn-chế nhất-định, không thể tùy-ý tăng-gia, như cổ-họa, điêu-khắc cùng với các vật hiếm có khác. Những hóa-vật đó, chỉ chịu sự chi-phối về cái luật « cung-cầu », ngoài ra các cái khác đều không ảnh-hưởng tới đó, vật-phẩm ấy đối với kinh-tế sinh-hoạt không có chi là trọng yếu cho lắm, có thể bất-tất phải nghiên-cứu đến; phần thứ hai là sản-vật « lao-lực và phí-dụng », thì cái cung-cấp-lượng có thể cứ tăng-gia không có hạn-định nào, vật-giá đó có thể chia làm hai phần là thị-giá và thường-giá. Vật-giá tùy theo với sự cung, cầu trên thị-thường, ấy là thị-giá; thị-giá tối-hạ cũng không sụt xuống dưới sinh-sản-phí, mà cũng không thể đứng bền một giá cao quá trên sinh-sản-phí, (khi một vật-phẩm hạ-giá sụt xuống dưới sinh-sản-phí thì nhà xuất-sản vật ấy tất phải lỗ vốn, phải nghĩ phương bổ-cứu, hoặc hạn-chế ngạch sinh-sản, hoặc đổi sang mưu làm nghề khác, thì đến thứ sau cái cung-cấp-lượng tại thị-trường tất phải giảm-kém đi, tự khắc giá lại cao lên, cho nên thị-giá thường không hạ sụt xuống dưới sinh-sản-phí mấy khi; trái lại, khi một vật-phẩm giá cao lên hơn sinh sản-phí quá nhiều, thì mọi người đổ xô về nghề làm vật ấy tất lắm, tất tranh nhau mà chế-tạo, chẳng mấy lúc thế-tất bên cung nhiều quá bên cầu, vật-giá tự nhiên phải hạ xuống, bởi vậy vật-giá cũng không đứng bền một giá cao quá sinh-sản-phí mấy khi), trong khoảng vật-giá lên xuống, vẫn có một trung-tâm-điểm ấy là sinh-sản-phí — gọi là thường-giá, thị-giá dẫu biến-động vô-thường, song vẫn có cái khuynh-hướng quay về thường-giá; phần thứ ba là cung-cấp-lượng của hóa-vật tuy có hạn-chế, song khi tăng-gia cung-cấp-lượng, mà không tăng-gia sinh-sản-phí không được, như về nông-sản-vật, thì phàm giá-trị các hóa-vật thuộc loài ấy, đều phải dùng cái sinh-sản-phí rất cao làm quyết-định.

V — Thuyết duy-vật bàn về giá-trị, đến Các-Mạc (Karl Marx) tiên-sinh thật là hoàn-bị, tiên-sinh do cái lao-động giá-trị diễn-dịch ra một thiên luận-thuyết về giá-trị rất sung-tiện. Về sau xã-hội chủ-nghĩa đều phụng làm kim-khoa ngọc-luật, bọn lao-động các nước đều coi là cừu-chúa phúc-âm, đem làm khí-giới trong cuộc giai-cấp tranh-đấu. Tiên-sinh ở về thế kỷ thứ 19, thời bấy giờ chủ-nghĩa tư-bản đương bột-hưng, nhất thiết mọi sự tổ-chức kinh-tế như: sinh-sản, phân-phối, giao-dịch, tiêu-phí, so với thời-đại Trang-viên (The Manor), Đô-thị, thật đã khác hẳn: sự kinh-tế về thời-đại Trang-viên, là cái kinh-tế tự-cấp tự-túc, những vật như-yếu của Trang-viên, toàn-thị là những vật sinh-sản chế-tạo tự người trong Trang-viên, đối với đoàn-thể kinh-tế ngoài không hề có chút giao-dịch hữu-vô chi hết; đến thời-đại Đô-thị, nông,

công tuy-nhiên đã tiềm-tiệm phân-nghiệp, hiện-tượng giao-dịch tuy-nhiên đã tiềm-tiệm phát-sinh, trong thời-đại bấy giờ sự giao-dịch có định-chế hẹn trước, nên chỉ không có cái hiềm-tượng sinh-sản thặng-quá ; nhà tư-bản chế-tạo giao-dịch-phẩm, là coi phỏng-chừng sự nhu-yếu nơi thị-trường mà mạo-hiểm chế ra ; khi ấy sự giao-dịch mua bán đều chưa có trực-tiếp ngay với nhau được, tất phải qua tay nhà thương-mại làm môi-giới mới xong, những vật-phẩm phải qua tay các nhà thương-mại đó, gọi là thương-phẩm. Phàm thương-phẩm là phải có một cái giá-trị sử-dụng — Một thứ có cái hiệu-dụng làm sung-mãn dục-vọng của nhân-loại, song giá-trị sử-dụng đó không phải là cái đặc-sắc của thương phẩm. Nước, không-khí, ánh sáng mặt giời... đều có đủ giá-trị sử-dụng, có đủ cái hiệu-dụng nhân-loại phải cần đến hằng ngày không có không được ; duy chỉ không thể đem giao-hoán với vật-phẩm khác, bởi thế nên không thể gọi là thương-phẩm. Thương phẩm là tất phải có đủ cái giá-trị giao-hoán mới được. — mới có thể thành-lập được. Việc giao-hoán trước hết phải lấy sử-dụng làm cốt : khi đem vật-phẩm A của Giáp đổi với vật-phẩm B của Ất, thì điều sở-cầu của Giáp chính là cầu cái giá-trị sử-dụng của vật B, mà Ất chính là cầu cái giá-trị sử-dụng của vật A, vì đôi bên đều có đủ giá-trị sử-dụng, nên mới có sự giao-hoán. Sử-dụng giá-trị, là cái yếu-tố thương-phẩm thành-lập lần thứ nhất ; giao-hoán giá-trị là cái yếu-tố lần thứ hai. Chỉ có nguyên sử-dụng giá-trị thôi, chưa hẳn đã là thương-phẩm, nhưng thương-phẩm tất-tu phải có sử-dụng giá-trị. Sự biểu-thị cái sử-dụng giá-trị, ấy là quan-hệ về người và vật ; sự biểu-thị cái giao-hoán giá-trị, ấy là quan-hệ về xã-hội. Thương-phẩm có đủ hai cái giá-trị sử-dụng và giao-hoán, cho nên trừ sự quan-hệ về người và vật, ngoài ra còn có sự quan-hệ về xã-hội nữa. Từ thế-kỷ thứ 19 trở lại, cái đặc-sắc hành-vi của kinh-tế, là sự giao-hoán ; cái đặc-sắc sinh-sản-phẩm ấy là thương-phẩm vậy. Bởi vậy, Các-Mạc tiên-sinh luận về tư-bản, nói rằng : « Cái giầu của xã-hội thực-hành cái chế-độ tư-bản sinh-sản, đều là cái cốt-tử lớn của thương-phẩm ; các thương-phẩm đều là phần-tử của cái giầu cấu-thành. Cho nên sự nghiên-cứu của chúng ta bây giờ, nên trước hết bắt đầu từ sự phân-tích thương-phẩm. Thương-phẩm ấy là một vật-phẩm — một vật phẩm có thể làm sung-mãn được cái dục-vọng của nhân-loại vậy ». *(còn nữa)*

MẠNH-MAI. NG.-BÍNH-GIAI thuật

Hỡi các nhà kỹ-nghệ Nam-kỳ !

Nên đến quan-sát xứ Bắc-kỳ là xứ rất nhiều kỹ-nghệ

và cuộc Hội-chợ năm nay.

LUẬN VỀ NGHỀ-NGHIỆP

(Tiếp theo)

III

Nghĩa-vụ riêng của tư-dân

Nhà nông-phố. — Nhà làm ruộng chịu ơn rất dày của xã-hội, muốn trọn được chức-trách của mình, phải sao cho quốc-dân thóc lúa rồi-rào, nông-sản thừa-thãi, mà không phải mua giá cao. Thiết tưởng nhà nông nước ta chưa được như thế : ngoài thóc lúa khoai đậu thì không trồng thứ cây nào là khác ; ngoài việc ép dầu, kéo mật, trồng dâu nuôi tằm thì không có kỹ-nghệ nào khác thuộc về nghề nông Xét kỹ ra thì duyên-do là bởi mấy cái thói rất tai-hại của nhà làm ruộng : một người có được dăm bẩy mẫu đã cho mình là phong-lưu, đã mong chạy chút « lý », « phó », hay mua tỷ « hương », « xã » cho có danh có giá ; được danh-giá rồi là đủ mãn-nguyện, ruộng nương giao phó cho « bà-lý », « bà-hương », còn mình thời nay rượu khao chén dỗ, mai cái bát quân bài. Còn nghĩ gì đến khoáng-trương nông-nghiệp ! Bạc thua hay thua kiện, thóc lúa phải bán đổ bán tháo hết cho khách xuất-dương, gạo kém dân đói phần nhiều vì thế. Vậy thời nghĩa-vụ của nhà làm ruộng trước hết phải bỏ thói hiếu hư-danh, thói cờ-bạc kiện-cáo, thói ăn sổi ở thì, mà phải nuôi lấy một cái chí hoài-vọng cao-xa, đem thi-hành hết nghị-lực can-đảm để chấn-hưng nghề nông nước nhà hãy còn kém-cỏi. Phải biết rằng phạm-vi nghề nông rất rộng, chứ không phải chỉ có việc cấy lúa lấy gạo, trồng khoai lấy củ đâu. Trồng cây lấy quả (đào, lựu, mận, vải, nhãn v. v.), trồng cây nuôi kỹ-nghệ (gai, đay, thuốc-lá, dọc, trầu v. v.), trồng cây nuôi gia-súc (lúa, ngô, khoai, vừng v. v.), làm dấm, làm dầu, làm nước hoa, làm rượu nho, rượu sít, rượu lê, rượu cam, rượu lựu, làm bơ, bánh sữa, muối thịt, v. v , chẳng là thuộc về nghề nông-phố ư ? Thế sao mà nhà nông chỉ bó-buộc vào một việc cấy lúa, còn biết bao nhiêu công việc kia, rất cần-trọng cho người đời, kể lợi gấp mấy nghề cấy lúa, mà không mấy ai chịu lưu-tâm đến ?

Nhà làm ruộng phải đem những phương-pháp tối tân của nhà nước thông-sức cho mà ứng-dụng, như là dùng cốt-phát để bón ruộng, dùng máy để dẫn-thủy nhập-điền. Những phương-pháp mà nhà nước đã chỉ bảo cho toàn là những phương-pháp lương-hảo, thích-dụng, phòng Canh-nông đã kinh-nghiệm có hiệu-quả tốt. Thế mà nhà làm ruộng lại coi thường bỏ qua thì thực phụ công khai-hóa của nhà nước, và lại có tội to với vận-mệnh nông-nghiệp nước nhà. Cốt-phát là một thứ điền-liệu rất qui đã làm giầu cho biết bao nhà đồn-điền trên thượng-du trung-du, mà ở dưới trung-châu vẫn chưa biết lợi-dụng ! Máy dẫn-thủy nhập-điền ích-lợi đã hiển-nhiên, nhưng người mình lại phải cái không biết suy cái lợi về sau, chỉ nhìn cái thiệt nhỏ trước mắt, bởi thế cho nên chưa mấy nơi biết dùng.

Di-dân trung-châu lên thượng-du, trung-du là nghĩa-vụ của chủ-điền. Người mình cứ nghe thấy nói đến « đường ngược » cũng đủ kinh-ghê,

tưởng-tượng ngay đến những cảnh rừng xanh núi đỏ, nước độc ma thiêng. « Thập nhân khứ nhất nhân hoàn » nói về ba bốn mươi năm trước thì đúng, vì bấy giờ đường-xá chưa mở-mang, giặc-giã thường ẩn-náu, chứ bây giờ cái cảnh-tượng thực là trái hẳn. Người mình hiếu lắm lẽ đó, cho nên chỉ loanh-quanh chen-chúc dưới đồng-bằng, thành ra trung-châu thì nhân-số quá đông mà thượng-du trung-du thì người ở rất lơ-thơ vậy. Đất ít dân nghèo, trung-châu ta nghèo là vì thế : một số ít người giầu vị tất đã là bởi nghề làm ruộng ; cho vay nặng lãi, cầm ruộng cầm đất, của trăm nhà khó chui vào một nhà giầu, ấy cái giầu của dân đồng-bằng duyên-do như thế đấy. Trung-du, thượng-du ruộng đất phì-nhiêu rất nhiều mà số dân-cư rất ít-ỏi, cho nên phần nhiều vẫn bỏ hoang. Đã có mấy nhà thức-thời mẫn-thế và mấy qui-quan lên mở đồn-điền, cơ-đồ mới ít lâu đã phát-đạt không nói xiết. Một nhà tầm-thường dưới trung-châu, có lưng vốn độ mươi mẫu ruộng (3000 p.), nếu biết đem cái vốn nhỏ ấy lên miền trên cũng làm được ít ra là trăm mẫu. Vì ruộng đất bỏ hoang không phải mua, ai xin khai khẩn, nhà nước cũng cho, mấy năm đầu không phải đóng thuế, chỉ phải xuất tiền phá hoang cho thành ruộng, đến khi thành điền mới phải đóng thuế, thì ruộng đất ấy là của riêng mình rồi. Một trăm mẫu mỗi năm được ít là 2500 thùng thóc, giá rẻ là 2500 p. chi-phí 1500 p. là nhiều, còn thừa ra chừng 1000 p. một năm. Nghìn bạc thừa ấy lại làm được thêm ba, bốn mươi mẫu nữa ... cứ tính như thế thì chỉ mươi năm nhà chủ-điền kia lưng vốn có tới nghìn mẫu ruộng, lợi-tức đồng-niên có vài vạn đồng. Thế mà nếu nhà chủ-điền ấy cứ ở trung-châu thì mươi mẫu ruộng đủ cung-cấp nhà mình là may, mong đâu có thừa. Các nhà chủ-điền lên làm ăn trên thượng-du, trung-du chóng nổi như thế đấy, các nhà làm ruộng kíp mau tỉnh-ngộ dủ nhau di-cư ; ruộng đất miền trên đang bỏ không được khai-khẩn, ruộng đất miền dưới đang ít-ỏi thành rồi-rao, dân nhờ thế mà chóng giầu, dân giầu là nước mạnh.

Nhà công-nghệ. — Bàn về nghĩa-vụ nhà công-nghệ ta nên chia làm hai hạng : nhà thợ-thuyền làm thuê và nhà kỹ-nghệ chủ xưởng chế-tạo.

Hạng thợ-thuyền thường coi công-việc mình là một việc nô-lệ, bắt-buộc phải làm, làm thì chỉ như máy chạy mà thôi, chứ không chịu đem tri-khôn lý-tính mà suy-xét để hiểu thấu nghề mình, cho mỗi ngày một tinh xảo hơn. Họ không biết rằng câu « nhất nghệ tinh, nhất thân vinh » chính vì họ mà có, chứ không phải là để dành riêng cho những nhà đã vì kỹ-nghệ mà trở nên giầu nên có rồi mà thôi. Nghề tinh, chủ mến, công cao, lại thêm tính tiết-kiệm siêng-năng, thì trước làm thợ, sau làm cai, dần dần có vốn mở xưởng nho nhỏ lên làm chủ ; xuất thân hàn-vi, chỉ vì có chí mà nên khá, đã được vậy lại càng chóng giầu-có phát-đạt lắm, vì đã từng chịu thương chịu khó, mà chính mình lại làm cái gương, cái mẫu cho thợ mình theo. Ấy cái tương-lai của một người tầm-thường vẻ-vang như thế đó, cái mục-đích của các hàng thợ-thuyền phải là ở cái tương-lai ấy vậy. Muốn đạt tới cái mục-đích ấy nhà thợ-thuyền ngày nào cũng phải học thêm, một người thợ khôn-ngoan cần-đảm sẽ thấy mỗi ngày mình khéo hơn, sành hơn, nhân đấy mà chính cái thân mình, cái nghề mình cũng được vẻ-vang ; được như vậy cái cuộc sinh-hoạt của nhà thuyền-thợ há chẳng nhẹ-nhàng, vui-vẻ, sung-sướng lắm ru ?

Nhà kỹ-nghệ chủ-trương xưởng chế-tạo phải biết rằng công-việc mình mà chạy, xưởng mình mà phát-đạt, là nhờ có thợ mình ngày đêm khó-nhọc, bát nước mắt đổi bát cơm. Vậy hậu-đãi thợ-thuyền là nghĩa-vụ thứ nhất của nhà kỹ-nghệ. Mình xử tử-tế với người làm, mình trả công sòng phẳng phải chăng, khi họ yếu-đau sầu-não, mình săn-sóc chia buồn, mình mà thật tình luyến-ái họ, họ tất thâm-cảm mà hết lòng, để khỏi hại đến sức làm lợi cho mình. Xưởng nên làm cho thoáng khí, cho không ẩm-thấp, cho hợp vệ-sinh, để khỏi hại đến sức khỏe của thợ-thuyền, thợ-thuyền mình có mạnh-khỏe mới có thể làm việc cho mình được. Mình cũng phải trọng cái quyền tự-do tín-ngưỡng và tự-do dư-luận của họ : đó là việc riêng người ta, không quan-hệ đến quyền-lợi của mình, hà-tất mình phải quan-tâm đến? Nhà kỹ-nghệ không nên chỉ khoanh tay mà hưởng lợi-tức, có tiền bỏ ra làm vốn nhưng chính mình không có công gì với nghiệp mình, thực cũng có tội với xã-hội. Để tâm suy-xét, ra công thí-nghiệm để cho nghề mình mỗi ngày mỗi gần cõi hoàn-toàn, đó là nghĩa-vụ của nhà kỹ-nghệ vậy. Có một thói nhỏ-nhen làm trở-lực cho sự tiến-bộ công-nghệ, là sự ham cái lợi nhỡn-tiền. Thí-dụ một nhà đã nhờ về nghề làm mũ hay đóng giầy mà nên giầu có, được bạn hàng tín-dụng ngày một chiếu-cố thêm đông, đáng lẽ mỗi ngày một làm tốt hơn, kỹ hơn, khéo hơn mới phải. Nhưng nào có như thế ! Chưa có đã lấy mình làm có, chễnh-mảng với khách mua hàng ; lợi nhiều lại muốn nhiều hơn, giầy mũ ngày một kém, một xấu. Không những vì thế mà nghề mình bị thiệt-thòi về đường tiến-bộ mà cái cơ thịnh-vượng của sự-nghiệp mình chắc đâu đã được lâu bền.

Nhà buôn bán. — Nhà buôn bán đối với pháp-luật phải có sổ sách, đối với bạn hàng lớn nhỏ, đều có giữ điều tín thực.

Bên Pháp bất cứ cửa hàng lớn nhỏ, đều có giữ sổ-sách phân-minh, điều đó nhà buôn ai cũng đã hiểu là thiết-yếu, không có không được. Ở nước ta thương-nghiệp từ xưa chủ-trương vẫn ở đàn-bà, mới ít lâu nay người mình đã hơi biết trọng thực-nghiệp, nên đã có ít nhiều công-ty sáng-lập với ít cửa hàng có đàn-ông chủ-trương. Ngoài những công-ty với cửa hàng ấy, thì các nhà buôn dù to dù nhỏ cũng không có sổ sách hoặc là có được vài quyển sổ lăng-nhăng chỉ biên ít nhiều việc cần phải nhớ mà thôi không có phép-tắc nào cả. Đã không có sổ sách, cửa hàng thịnh suy không thể biết đích được, nhà buôn cứu-u minh-minh, buôn chín bán mười, may ra thì phát-tài mà không may ra thì thua-lỗ. Thịnh bởi đâu không biết, suy bởi đâu không hay, vì thế có lắm nhà buôn, bấm lưng biết cửa hàng mình bất lợi mà không biết gốc bệnh nó từ đâu, bệnh đã không rõ, mong chữa được sao ? Thành thử đành khoanh tay mà đợi ngày phải đóng cửa. Đã có vài nhà buôn bán thực-thà không may thua lỗ, phải tịch-biên, không đủ tiền trang nợ, tòa hỏi đến sổ sách, không có, nghi có dan-dối, khép án bỏ tù, gia mà nhà buôn ấy giữ sổ sách phân-minh thì có đâu đến nỗi ấy ?

Nhà buôn cần nhất là lòng tín-cẩn của bạn hàng, của khách mua hàng. Bạn hàng có tin yêu mới buôn cất hàng cho, mới bán hàng cho có đồng chịu đồng trả. Khách mua hàng có tin rằng nhà buôn nói sao được y vậy

nghĩa là muốn mua hàng tốt được hàng tốt,-là không sợ mua phải hàng giả hiệu, thực-phẩm pha-phách, thì mới nức lòng chiếu-cố tới mua cho. Xem đó đủ biết sự tin-thực là cái năng-lực rất mạnh dắt khách đến cho nhà hàng; nhà hàng không tin-thực, không thể bán buôn gì được vậy. Nếu ta để ý xem-xét thì ta nhận được ngay rằng nhà buôn ta thường thua lỗ, thường không mở-mang kịp người được, cũng là vì thiếu cái nết tin-thực. Giá hàng một nói lên năm lên mười cho khách phải mặc-cả, khách sành thì mua được đúng giá, khách hở thì phải mua giá cao. Khách hỏi mua tấm thẹ thực tốt, khách có sành mới mua được đúng giá, được hàng tốt; khách không sành phải mua giá đắt mà hàng xấu: sự buôn bán chẳng có điều gian-lận ở trong ru? Khách mua hàng dù hở chỉ mắc một lần,đã phải lừa rồi lần khác khi nào có tới hiệu nữa. Buôn bán không tin-thực mong đâu có lâu dài!

Một điều khuyết-điểm to của nhà buôn ta là không được lễ-phép với khách mua hàng. Lễ-phép đây không phải là ý muốn nói nhà hàng phải vàng dạ bẩm thưa đâu, ấy chính là sự tiếp đãi hợp phép lịch-sự mà thôi vậy. Cửa hàng là nơi khách tự-do ra vào mua bán, mà ông chủ ở-trần ngồi lù lù phưỡn bụng, hoặc nằm dài thẳng dẵng trên trường-kỷ, chẳng là khiếm nhã ru? Mình nói giá hàng đã không đúng khách mắc-cả khí lâu; mình đưa hàng cho khách chọn không đưa ngay thứ tốt, phải giở tấm nọ tấm kia.Khách mặc-cả không được giá hoặc xem hàng không vừa ý không mua là lẽ thường; nhà hàng đáng lẽ phải một niềm ngọt ngào tử-tế,lại đi buông lời thô-bỉ đong đưa chẳng là thái-thậm vô-lễ ru? «Khách nhớ nhà hàng,nhà hàng không nhớ khách», không gì được lòng khách bằng cách tiếp-đãi hân-hoi, ngọt-ngào, tử tế, khách mà nhớ hàng mình thì hàng mới phát-đạt, mới lâu dài vậy.

Nhà làm thuốc. Nhà làm thuốc cầm tinh-mệnh con người ở trong tay, phải nên hết lòng cẩn-thận. Đơn kê phải mặt thì bệnh nguy đến đâu cũng lui rầm rầm, đơn kê có một vài vị trái cũng đủ làm cho bệnh rất tầm-thường hóa nặng, hóa nguy-nan: «sai một ly, đi một dặm», nhà làm thuốc có lương-tâm phải cẩn-thận lắm vậy.

Nhà làm thuốc nước ta ngày nay có hai phái: các cụ lang theo lối cổ với các lương-y do trường Cao-đẳng y-học đào-tạo nên.

Các ông lang theo lối cổ, lang-thang cũng nhiều thật, nhưng có giá-trị cũng không hiếm lắm, ta chớ vội nên coi thường. Trước khi ta được biết những phương thần-diệu của Âu-Tây, mà hiện nay cũng còn vậy, ta vẫn thường chịu ơn các cụ khi nóng mình sốt mẩy, khi trái nắng giở trời. Cũng đã từng thấy nhiều bệnh vạn tử nhất sinh, các cụ chữa được khỏi. Cái ơn của cụ lang có giá-trị đối với quốc-dân càng sâu, chức-trách các cụ đối với xã-hội càng nặng. Ngoài việc hết lòng chữa bệnh cho thuốc, nghĩa-vụ các cụ là phải nghiên-cứu nghề thuốc cho tinh-vi, rồi hoặc dịch-thuật các bộ sách thuốc của ta của tầu, hoặc do các điều kinh-nghiệm của mình mà soạn thành sách quốc-văn, những sách đó là cái hương-hỏa quí hóa vô-song mà các cụ để lại cho hậu-thế đấy. Có lẽ rằng sau này người nước ta sẽ chuyên dùng một mặt thuốc tây hay thuốc bào-chế theo lối tây, những bộ sách trên này sẽ rất bổ ích cho việc kê-cứu, thiết tưởng những nhà y-sĩ theo lối Âu-Tây cũng sẽ rất hoan nghênh những bộ sách như thế.

Về y-giới lại có một điều đáng tiếc là các cụ lang thường mỗi cụ có vài ba môn thuốc gia-truyền, cực kỳ, thần-diệu, nhưng vì cái ý hẹp-hòi tư-lợi nên không chịu công-bố cho bạn đồng-nghiệp biết mà cứu-dân độ-thế, lại đem giữ làm của riêng mình. Có cụ trước khi bỏ cõi-đời truyền lại được cho con cháu là may, nhiều cụ vì không con hay vì cái chết đến gấp quá, thành ra những phương thánh-dược ấy cũng theo các cụ nốt! Tiếc thay! Vậy thời các cụ lang có những phương thuốc gia-truyền kíp nên nghĩ đến cái nghĩa chung mà công-bố lên báo-trương để cho ai ai cũng biết mà lợi dụng.

Các nhà lương-y do trường Cao-đẳng y-học đào-tạo, đã dầy công luyện-tập trong bốn năm trời, lý-luận, thực-hành đủ cả, nhà nước đã bỏ dụng-ắt đã đủ tư-cách giữ-gìn tính-mệnh cho đồng-bào. Nhưng chắc hẳn các ngài cũng nghĩ rằng: « nhân mệnh chi trọng » mà y-học rộng như bể cả mênh-mông, đến những bực y-sĩ đại-danh các nước cũng từng chịu rằng già đời còn phải học. Vậy thiết-tưởng các ngài muốn làm trọn được cái chức-trách « cứu-dân độ-thế », các ngài nên coi bốn năm học của các ngài còn ít-ỏi quá, các ngài hằng ngày còn phải học, còn phải thí-nghiệm nhiều, các ngài là bực tiên-tiến trong y-giới, các ngài phải hi-sinh với y-nghiệp, để mở rộng lối cho người sau theo. Các ngài lại nên nhớ rằng: mỗi lần các ngài thí-nghiệm có quan-hệ đến tính-mệnh một người, sự hành-động của các ngài ắt phải hết sức cẩn-thận.Ngoài cái phận-sự xem bệnh chữa thuốc, các ngài nên nghĩ đến sự làm sách để truyền-bá phép phòng-bệnh và phép vệ-sinh. Có một việc rất bổ-ích cho quốc-học, rất thiết-yếu cho quốc-dân, mà chỉ các ngài lưu-tâm đến thì mới có thành-hiệu viên-mãn, là các ngài nên hợp sức với các cụ lang ta mà hợp-tập lấy những phương thuốc gia-truyền kiến-hiệu, mà kê-cứu dịch-thuật những sách thuốc Bắc, thuốc Nam, để làm giầu cho thư-viện Việt-văn được ít sách thiết-dụng. Các ngài nên vì cái nghĩa chung, không nài khó-nhọc để giúp ích cho quốc-dân xã-hội.

Nhà dạy học. — Trước khi đưa vai gánh lấy chức-trách nhà giáo-dục, ta nên biết rằng nghề này là một nghề rất quan-trọng, rất nặng-nề, rất bó-buộc, nhưng lại rất bạc-bẽo, có khi ta phải quên mình vì bổn-phận mà không ai biết công.

Nghĩa-vụ nhà dạy học tóm lại có hai điều cốt-yếu nhất: tận-tụy với nghề-nghiệp và cư-sử rất đứng-đắn.

Ở đoạn trên ta đã có bàn rằng sự hết lòng với nghề mình là một nghĩa-vụ chung của các nhà nghề. Sự hết lòng của nhà dạy học thì bao-quát hết cả các nghĩa-vụ khác vậy.

Một ông thầy mà không hết lòng với bổn-phận thì thực phụ lòng tin-cậy phó-thác của quốc-dân. Vì rằng những trẻ đến nhà trường hãy còn ít tuổi, dang thì nghịch-ngợm nô-đùa, chỉ biết lấy chơi làm thích, rèn tập được cho họ nên người nết-na hữu-dụng, không phải là dễ, không phải thờ-ơ mà có kết-quả hay. Muốn đạt tới cái mục-đích vẻ-vang « tác-thành nhân-tài », nhà dạy học phải tận-tụy với nghề-nghiệp,phải hi-sinh về bổn-phận. Một nhà giáo-dục hoàn-toàn tất nhiên phải là một người có lòng cao-thượng, không suy bì lương-soạn ít-ỏi với chức-trách nặng-nề, không quan-tâm tới những cách đối-đãi bạc-bẽo của quốc-dân ở buổi giao-thời vậy. Nhà dạy học tận-tâm kiệt-lực chỉ là vì yêu

con trẻ, vì muốn dìu-dắt họ vào đường chính-đạo, vào cõi văn-minh để sau này nên người có ích cho quốc-dân xã-hội. Cái phần-thưởng qui-hóa nhất của ông thầy chỉ là cái hứng-thú êm-đềm mỗi ngày thấy học-trò mình trí-thức mở-mang, lương-tâm thêm minh-mẫn.

Ông thầy muốn cho những bài luận-lý của mình cùng những lời khuyên-dăn về cách cư-sử được công-hiệu, trước hết phải giữ bản-thân mình cho đứng-đắn nết-na, không xứng được với hai chữ « đạo mạo » của xã-hội vẫn để dành cho nhà giáo-dục, tưởng không đáng mặt làm thầy vậy. Thầy dạy trò chớ uống rượu, mà buổi nào thầy đến nhà trường cũng thấy sực những hơi men : thầy dạy trò chớ đánh bạc, thức đêm hại người, mà thường buổi học sáng thầy cũng vì đêm trước thức khuya với con bài mà gật lấy gật để, mơ-màng sướng a « phỗng bát-sách ! », « ù tam-vạn ! »... ! Những ông thầy vô liêm-sỉ như thế còn mong dạy ai, làm gương cho ai, ai còn dám phó-thác con em cho mà dạy ! Những ông thầy như thế không phải là không có, vậy thời xin các ông nên nghĩ lại, mà nên sửa tính đổi nết đi ; nếu thói nhiễm đã lâu ngày không bỏ được thì các ông cũng nên vì quốc-dân mà cải bổ sang ngạch khác. Nghề dạy học thật là bó-buộc : ở nhà, ra trường, ra phố phải hết sức đứng-đắn. Đứng-đắn thì mới được tin-yêu tôn-trọng, chứ nếu nhà giáo mà tiếng rượu-chè cờ-bạc, nhất là trai gái thì mất giá-trị ngay. Ông thầy mà đã đến mất giá-trị, chẳng hổ thẹn với học-trò mình ru ? Trông thấy bà con anh em chẳng bẽn-lẽn ru ?

Nhà làm quan. — Nhà làm quan là hạng người cao-trọng nhất trong xã-hội, quốc-dân tôn-kính như cha mẹ, sùng-bái như thánh-thần. Địa-vị cao bao nhiêu, chức-trách nặng bấy nhiêu, ông quan có làm hết bổn-phận mới xứng cái địa-vị cao-sang, cái cách đối-đãi đặc-biệt của quốc-dân xã-hội. Làm trọn công-việc chính-trị, dân được yên-ổn làm ăn, đã hết nghĩa-vụ nhà làm quan chưa ? Thiết nghĩ rằng chưa. Thế mới gọi là một nhà chính-trị giỏi, chưa đủ là một vị « phúc-tinh » là bực « cha mẹ » dân. Giỏi việc trị dân mà lại thêm được cái lòng thương dân như con, đem hết cái tài-năng làm tăng cái hạnh-phúc cho dân, mới là một ông quan hoàn-toàn vậy. Muốn làm tăng cái hạnh-phúc cho dân, nhà làm quan nên lưu-tâm về việc quảng dân-tài, khai dân-trí ; quan thương dân như con, không những tự mình không hối-lộ mà còn phải nghiêm-cấm lại lệ không được những nhiễu dân.

Cái sinh-kế của quốc-dân ta rất eo-hẹp, nhất là nơi thôn-quê, người nghèo-khổ không biết bao nhiêu mà kể. Ôi ! biết bao người bữa đói bữa no, cháo rau khoai đậu cũng không đủ mà qua ngày, rét đến manh áo cũng không có mà đeo, cái cảnh khổ-não không bút nào tả xiết ! Ta chẳng thường nghe có người chết đói, chết rét đấy ư ! Vào một làng, được trông thấy mấy nhà là khối nhà ranh vách nát, mấy người là khối quần rách mình trần ? Dân nhà quê ta sở-dĩ mà quá nghèo đi làm vậy, là vì sinh-kế chỉ có nghề ruộng, có ruộng mới có ăn, không ruộng đành làm thuê gánh mướn. Ở đồng-bằng ruộng thì ít dân thì nhiều, người mình có tục gắn-bó vào quê cha đất tổ, không chịu di-cư lên miền trên là nơi ít người nhiều ruộng.

Trông cái quang-cảnh bình-dân khốn-nạn như kia, người thức-giả ai không cau mày rơi lệ ; nhà làm quan là bực cao-minh tất cũng phải động lòng thương mà cố công cùng sức cho đường sinh hoạt của quốc-dân được dễ dãi hơn. Nhà làm quan hữu-tâm với thế-đạo nên để trí vào hai cách dã bàn ở đoạn này (mục đầu), là khuyên dân khoáng-trương nông-nghiệp và di-cư lên thượng-du trung-du. Nông-nghiệp khoáng-trương rồi thì dân thêm được nhiều công-việc làm ăn ; sự di-dân thực-hành rồi thì ruộng đất miền dưới được dư-dật, hoang-điền miền trên được khai-khẩn, dân sinh quốc kế rộng thêm biết bao !

Vấn-đề khai dân-trí bây giờ ai cũng biết là khẩn-thiết, giải-quyết cái vấn-đề ấy há chẳng ở nhà làm quan ư ? Những phương-pháp thích-đáng như là khuyên dân mở trường, khuyên dân xem sách đọc báo, thúc-dục sự cải-lương hương-chính hương-tục, thì nay ai cũng đã biết rồi. Chỉ mong rằng các ngài không nên vì bận việc quan mà nhãng mất một việc khẩn-yếu cho quốc-dân vậy. Mấy bực đại-danh trong hoàn-giới đã cùng với các nhà thượng-lưu trong nước sáng-lập nên một hội, mục-đích là « khai-trí tiến-đức » cho quốc-dân ; các quan phụ-mẫu, trực-tiếp với dân luôn, há lại không nên noi gương ấy mà hết lòng với việc khai dân-trí ru ?

Sau hết các nhà làm quan phải rất mực thanh-liêm, các ngài cầm cân công-lý cho xã-hội mà không thắng được nổi thế-lực đồng-tiền thì nguy cho quốc-dân biết nhường nào ! Đồng bạc ném toạc tờ giấy, đổi trắng thay đen, ôi ! nếu khắp các quan đều nể ông Thần-tiền cả thì nguy cho quốc-dân biết nhường nào ! Nhưng mà có đâu đến như thế ! Trong quan trường, độ-lượng hẹp-hòi đem lòng vì bạc trắng tất cũng có một ít ông, nhưng phần nhiều há chẳng là những gương tuyết sạch giá trong, nghìn thu để tiếng ru ? Vậy dám xin các nhà quên nghĩa-vụ mau mau hồi-tỉnh, nên nghĩ đến cái vận-mệnh chung của tổ-quốc, kíp đem cái đuốc công-lý chiếu-diệu khắp ngõ hẹp hang cùng, bọn bình-dân được nhờ cái đức-trạch của các ngài tất ghi xương tạc dạ, kỷ-niệm muôn đời. Cái gương vị nghĩa khinh tài, vong kỷ duy tha, dám mong các ngài treo cao cho khắp quốc-dân soi vậy.

Phong-Di, VŨ-ĐÌNH-LONG

Muốn quan-sát xứ Bắc-kỳ thì nên nhân dịp có Hội-chợ Hanoi này

Từ ngày 10 đến ngày 25 Décembre 1922.

Một sự tân-kỳ trong khoa-học-giới

Lược khảo về chất quang

Về đầu thế-kỷ thứ hai mươi này, trong khoa-học-giới mới phát-minh ra một điều kỳ-lạ, đã có một cái ảnh-hưởng sâu-xa trong phạm-vi khoa-học, mà cái ảnh-hưởng ấy lại càng ngày càng bành-trường mãi ra, không thể lượng được đến đâu là cùng được. Sự phát-minh ấy là gì ? Mà ai là người đã phát-minh ra cái sự tân-kỳ ấy ? Sự phát-minh ấy chính là chất mà ta thường gọi là *chất-quang* (radium), mà người phát-minh ra chất ấy tức là hai ông bà Curie vậy. Sự phát-minh ấy rất là hệ trọng đối với cuộc tương-lai của khoa-học, nhất là đối với cuộc tương-lai của y-học, vì cái chất-quang ấy có thể dùng để chữa khỏi được lắm bệnh rất nguy-hiểm, mà từ xưa đến giờ chưa tìm ra cách gì chữa được.

Đã là một sự phát-minh quan-hệ như thế, tất ta không thể không biết đến một cách rõ-ràng được. Gia-chi-dĩ ngày nay ở xứ ta có mấy nhà quí-quốc cùng mấy nhà thượng-lưu Việt-nam, vì lòng thương người, đang thu-sếp để mở một bệnh-viện chữa bằng chất-quang này, thì tương-lai càng nên hiểu rõ lịch-sử cái chất đã phát-minh ra ấy cùng cái công-hiệu nó thế nào. Vì vậy nên ký-giả không dám quản công mà lược dịch một bài khảo về cái chất-quang ấy, thiết-tưởng cũng có chút bổ-ích cho đường học-thuật nước nhà. Bài khảo-cứu này vốn là của bà Curie đã diễn-thuyết ở Đại-học-đường (Université des Annales) bên Pháp ngày 8 Mars 1922. Bà Curie đã phát-minh ra chất-quang mà lại tự mình diễn-thuyết nói về chất ấy, và bàn về cái tình-hình hiện-tại cùng cuộc tương-lai của chất ấy, thì tưởng không còn sợ có điều chi mập-mờ hay khuyết-điểm nữa. Vậy mong rằng bài lược-dịch này sẽ giúp cho những nhà không thông Pháp-học được hiểu một đôi chút về cái chất-quang ấy.

Bà Curie diễn-thuyết như sau này(1)

« Nguyên trong cuộc diễn-thuyết này chỉ cốt nói cho các ngài rõ cái chất-quang hiện-tại thế nào và cọn đường hi-vọng về cuộc tương-lai của nó thế nào, vậy tôi chỉ nói qua loa về thời-kỳ dĩ-vãng của nó, nghĩa là lúc nó mới phát-minh ra mà thôi. Chất-quang tuy có lẫn trong vài loài kim-khí ở vỏ quả địa-cầu, từ khi những loài kim-khí đó mới luyện thành ; song chất ấy khó nhìn thấy, nên mãi đến đầu thế-kỷ này mới biết là có nó. Từ đó, nhờ vì ra công cố sức nên chất ấy tuy tản-nát mỗi nơi một tí, mà người ta đã thu-thập lại được, và đã tìm được những cái đặc-tính dị-kỳ của nó, cũng hình như là một chất mới sáng-tạo ra vậy.

* * *

Trước hết hãy hỏi chất « radium » (2) là gì ? Tôi xin trả lời rằng chất radium vốn là một chất thuộc về hóa-học cũng như nhiều các chất khác đã biết từ xưa như là : vàng, bạch-kim, sắt, đồng, hay khinh-khí, dưỡng-khí diêm-sinh (soufre) và chất chlore... Đối với nhà hóa-học, thì một chất thuộc về hóa-học là một chất đơn, có những đặc-tính rõ-ràng, và không có thể chia ra làm nhiều chất khác được. Tuy lời giải-thích đó làm căn-cứ cho hóa-học, mà đối với chất-quang ngày nay cũng phải đổi lại ít nhiều. Mỗi một chất là có nhiều nguyên-tử cùng một thứ làm thành, mà mỗi một nguyên-tử là một phần rất nhỏ-mọn của chất ấy, không thể phân-chia ra cho nhỏ hơn được nữa.

Như thế thì chất radium có cái vẻ gì đặc-biệt để cho khỏi lẫn với các chất khác, từ thứ rất nhiều cho đến thứ rất quý ? Nguyên chất radium là một chất sinh-quang (*radioélément*) ; nó thuộc về một hạng riêng các chất thuộc về hóa-học mà có một cái đặc-tính mới là tính có thể chiếu sáng được (*radioactivité*), mà trong hạng các chất ấy thì nó là chất quan-trọng và quí-hóa hơn cả.

Gọi những chất ấy là chất sinh-quang, là vì những chất ấy tự-nhiên chiếu được ra những ánh-sáng, nhờ có thế nên những chất ấy dù ở vào quang-cảnh nào cũng biết rõ được. Những chất sinh-quang nhiều nhất là chất *uranium* và chất *thorium* ; những chất này đã tìm ra trước chất *radium*. Nếu một chất nào có lẫn chất *uranium* hay chất *thorium* vào mà đem để lên một tấm kính ảnh có bọc ngoài một tờ giấy đen để che ánh sáng không cho chiếu vào, thì trong vài giờ đồng hồ, cái chỗ kính có để cái chất kia sẽ thấy đen ngay lại. Dùng cách ấy có thể biết được một loài kim-khí nào có lẫn *uranium* hay *thorium* không, mà đó là một điều rất quan-hệ, vì những kim-khí có lẫn *uranium* cũng có cả chất *radium* nữa.

* * *

Cũng có khi người ta không cần phải dùng kính ảnh để thí-nghiệm xem một chất nào có thể sinh ra ánh sáng được không. Người ta có thể dùng cái máy xét điện (1) (électroscope), là một cái máy rất thông-dụng trong việc học điện... Vì thế nên khi đi tìm những mỏ kim-khí có chất sinh-quang, người ta thường dùng những máy xét điện có thể đem theo được.

Ấy chính trong khi ông Henri Becquerel (là một nhà vật-lý-học nước Pháp, sinh năm 1852, mất năm 1908) nghiên-cứu xem những chất có lẫn *uranium* ảnh-hưởng đối với các tấm kính ảnh thế nào, mà đã phát-minh ra được cái tính chiếu sáng của chất *uranium* ấy. Cái việc nghiên-cứu ấy, tức là khởi-thủy ra khoa-học mới về sức minh-quang của các chất vậy. Tôi được rõ những điều kết quả ấy, thì liền ra công nghiên-cứu tìm những chất khác cũng có cái đặc-tính ấy. Trước tôi nghiên-cứu một mình, sau tôi cùng nghiên-cứu với phu-quân tôi là ông Pierre Curie. Kể những chất đã biết từ khi trước, thì chỉ những vật nào có lẫn chất *thorium* vào là mới có cái đặc-tính giống như chất *uranium*, mà ở chất nào cũng vậy, cái sức tinh-quang đều ở nguyên-tử cả, và yếu mạnh là tùy ở như chất *uranium* hoặc *thorium* nhiều hay ít. Nhưng mà những loài kim-khí mà tự nhiên có *uranium* hoặc *thorium* thì lại thấy mạnh hơn cái sức mà chất *uranium* hoặc *thorium* ở đó có thể có được ; cái sức mạnh hơn ấy tất là sinh

(1) Từ chỗ này trở đi là lời bà Curie nói cả.

(2) Từ đây trở xuống cứ gọi là chất radium, vì gọi là chất-quang không được rõ lắm, sợ lẫn với các chất-quang khác.

(1) Là một cái máy thử xem có điện hay không và là thứ điện gì ?

ra bởi một chất tinh-quang khác, chưa ai rõ là gì, mà chúng tôi định tìm cách lấy ở kim-khí ra. Chúng tôi đoán thế mà đúng, nên việc chúng tôi định làm thành có kết-quả ; nguyên - nhân tự phát-minh ra chất *radium* chỉ đơn-sơ thế mà thôi.

Nhưng nói thế thì có phải là bảo ta nên kết-luận rằng điều phát-minh ấy rất tầm-thường và rất giản-dị không? Than ôi ! Nào có phải thế đâu ! Chúng tôi phải mất biết bao nhiêu năm nghiên-cứu khó-nhọc mới đạt được cái mục-đích mà chúng tôi đã định. Muốn phân rẽ cái chất mới ấy ra, chúng tôi phải nghĩ ra những cách nghiên - cứu mới để dùng. Song cái điều khó-khăn nhất là sự không ngờ trước rằng chỉ ở những kim-khí có lẫn chất *uranium* mới có chất *radium*, mà trong một triệu phần chỉ có độ một phần *radium* thôi. Như thế muốn tìm chất ấy chúng tôi cần phải có rõ nhiều vật-liệu và nhiều khí dụng mới được. Thế mà chúng tôi khí-dụng không có mà phòng thí-nghiệm riêng cũng không. Song vì chúng tôi ra công bền chí, mà công việc chúng tôi thành có kết-quả được, phần thì ở trong một cái xưởng để đồ của trường dậy vật-lý và hóa-học (Ecole de Phisique et de Chimie), phần thì nhờ về những nơi xếp đặt tạm thời ở trong các nhà kỹ-nghệ. Nếu chúng tôi có được những khí - dụng tốt hơn, thì có lẽ chúng tôi thành công sớm hơn nhiều, vừa đỡ khó nhọc cho chúng tôi, lại vừa nhiều lợi hơn cho nước nhà. Ôi ! Khoa-học thường thiếu người giúp đỡ bảo-hộ cho ; thường người ta chỉ biết thấy công việc khó-khăn mà làm nên thì ngợi khen ca-tụng, nhưng không biết rằng nếu cái sức sáng-tạo kia mà được tự-do hành - động, không gặp những trở-lực cần phải tốn công mệt sức mới thắng nổi, thì kết-quả còn tốt đẹp biết là nhường nào !

Dù thế nào mặc lòng, chúng tôi đã thắng trận, chúng tôi đã phân tách được chất *radium*. Cũng cùng dạo ấy, ở nước Pháp và ở ngoại-quốc, người ta tìm ra được nhiều chất tinh-quang khác, nhưng những chất ấy thường, hiện nay cũng chưa phân ra thành nguyên-chất được ; những chất ấy là: *potonium, actinium, mésothorium, radiothorium, ionium*, vân vân.... Có thể cho những chất đó là những chất mới, vì cứ xem như chất *radium* thì giả ta có đủ khí-dụng ta cũng có thể phân tách những chất ấy ra được. Chỉ vì những chất ấy rất hiếm nên mới khó phân tách ra đó mà thôi. Trong những chất ấy, phần nhiều có lẫn ở các kim-khí, nhưng mà ít hơn là chất *radium*. Phần hóa-học chuyên-trị về các chất ấy, mà có thể gọi là tinh-quang chất hóa-học (*radiochimie*), thật là một khoa-học chuyên-trị vào những vật không thể trông thấy được. Những cách dùng để suy lượng những chất ấy thật là tinh-vi, vì thế nên có thể phân biệt chia rẽ những chất mà ta không thể cân được, không thể trông thấy được ở những chỗ đựng nó hoặc ở những chất có lẫn nó vào. Tuy vậy cái sức tinh-quang của những chất li-ti ấy rất là mạnh. Cùng một trọng-lượng thì cái sức tinh - quang của chất *radium* mạnh hơn chất *uradium* hàng triệu lần.

Vậy thì cái điều-luật thiên-nhiên nào đã làm cho những chất vô-tinh ấy hiếm có thế, và chiếu sáng mạnh thế ? Cái điều luật ấy chính là ở sự biến - hóa vô-cùng mà cái chất tinh - quang đều phải qua cả, không chất nào không. Mỗi chất ấy các nguyên - tử đều biến-hóa tự-nhiên : những nguyên-tử ấy lần lượt-hủy-hoại nhau theo một cái luật bất-cải, cho đến khi một nửa nguyên-tử ấy biến-hóa thành chất khác. Mỗi một khi biến-hóa như thế tức là một thời-kỳ của cái chất tinh-quang đó. Như thế qua một thời-kỳ thì còn một nửa nguyên-tử, qua hai thời-kỳ thì còn một phần tư, mà qua ba thời-kỳ thì còn lại một phần tám, cứ thế mãi mãi.

Những thời-kỳ các chất tinh-quang ấy không giống nhau. Ta có thể dùng cách trực-tiếp hay gián - tiếp mà biết được thời-kỳ từng chất một. Như chất *uranium* thì mỗi thời-kỳ là hàng nghìn triệu năm, vậy những kim-khí nào có từ hàng triệu năm thì tất có chất ấy. Nhưng chất *radium* thì mỗi thời - kỳ chỉ độ một nghìn sáu trăm năm thôi. Như thế ta cũng đủ chắc rằng đối với ta thì chất *radium* là một chất không thay hình đổi dạng nữa ; nhưng vì thế mà các kim-loại có lúc mới thành thì có chất *radium*, mà ngày nay thì không có nữa. Tuy vậy, những kim-khí nào có chất *uradium* thì cũng vẫn còn chất *radium*, bởi chất *radium* này bao giờ cũng là chất *uranium* biến-hóa mà thành ra.

(*Còn nữa*)

Nguyễn-Văn-Hiếu dịch thuật

Khảo về việc tế-lễ tổ-tiên

I

Việc tế-lễ tổ-tiên ở nước Nam ta có đã lâu đời lắm, cũng như ở những dân Trung-hoa, Nhật-bản, Ấn-độ, La-mã, Hy-lạp và Ai-cập, mà người nước ta lại lấy sự đó làm rất hệ-trọng ; lễ-nghĩa thịnh suy, phần nhiều bởi đó, phong-tục tốt xấu cũng phần nhiều bởi đó. Nước ta xưa kia lễ-tục nhất nhất đều theo của Trung-hoa, đến nay tiêm-nhiễm cái văn-minh Thái-tây, trong việc tế-lễ tổ-tiên cũng có một vài chỗ cải cách, mà cái phong-tục nước ta trở nên thuần-mỹ hay hủ-bại cũng phần nhiều do ở đó, vậy ta há lại không nên xét xem việc tế-lễ tổ-tiên do-lai tự đâu, biến-cải thế nào và nên chỉnh-đốn như thế nào là phải hay sao ?

Sự cúng-tế tổ-tiên bên Viễn-đông và Ấn-độ có tương-tự với sự cúng-tế ở bên Tây-âu không ?

Ngày xưa người La-mã, Hi-lạp và Ai-cập đều tin rằng sau khi người ta qua đời thời có một cái « hồn » thứ hai hãi còn lẩn-quất ở bên hài-cốt mà không tan đi được. Về sau, đạo Gia-tô xuất-hiện mới giảng về sự sống đời đời của linh-hồn. Đến nay tục người các nước Âu-châu, khi đến ngày nhớ dỗ cha mẹ, chỉ mang một bó hoa đến phần-mộ mà cúi đầu cầu-nguyện cho tiên-linh được siêu-độ, vì họ tin rằng khi người ta qua đời thời hồn chia ra làm hai phần, một phần bay lên trời, một phần lẩn-quất ở bên hài-cốt.

Sự tín-ngưỡng về linh-hồn kẻ chết ở bên cõi Á-đông này lại càng rõ-ràng hơn. Hồn người chết chia ra làm ba

hồn, một hồn ngự ở bài vị để coi-sóc cho con cháu trong gia-đình được yên-ổn và hưởng các hương-hoa lễ-phẩm của con cháu dâng-cúng trên bàn thờ; hồn thứ hai thời phảng-phất ở xung-quanh nơi phần-mộ để hâm-hưởng tế-phẩm của con cháu đi thăm mộ mang đến cúng; còn hồn thứ ba thì ngự ở nơi Cực-lạc-quốc hay ở trong Diêm-la địa-ngục là tùy theo người thác đó khi còn sống hay làm điều lành hay là hay làm điều dữ vậy.

Người La-mã và người Hi-lạp cũng như người An-nam ta, khi nhà có người mới chết, thì gọi tên người chết lên ba lần để ngưng-tụ linh-hồn người lại mà dâng cúng đồ ăn thức dùng như khi hãy còn sinh-thời. Ta thử khảo-sát mấy tục-lệ như sau này, thời ta có thể quyết được rằng từ buổi sơ-đầu, sự cúng-tế tổ-tiên của người La-mã, Hi-lạp, Ai-cập, Ấn-độ cũng tương-tự với sự cúng-tế tổ-tiên ở bên cõi Á-đông ta. Người La-mã, Hi-lạp và Ấn-độ cũng lấy người con trai trưởng (*pater familias*) để giữ phần cúng-tế tổ-tiên, mà đàn bà con gái thời không được dự vào việc tế-lễ. Lễ kết-hôn cũng không làm ở đình-miếu thờ thần-thánh mà làm ngay ở trong nhà thờ tổ-tiên; trong đám cưới người tân-nhân đi theo sau một ngọn đuốc thắp, đầu lấy vải che kín khắp cả; bên Trung-hoa thì đi song-loan có màn phủ khắp xung-quanh; bên nước ta thì lấy nón hay quạt che mặt, mà đầu đám cưới có các cụ già cầm *lư-hương*; như thế cũng là giống nhau cả vậy. Đám cưới người La-mã, khi đi đến cửa nhà trai, thì chú rể chạy ra ôm lấy cô dâu mà vác qua cửa đi mãi vào nhà trong mới để xuống; người An-nam ta cũng có tục cô dâu mới đến nhà trai, khi bước qua bực cửa kiêng không dụng chân vào, là có ý người con gái về nhà chồng thời thuộc hẳn về nhà chồng, mà không bao giờ bước ra khỏi cửa đi đâu được nữa.

Mục-đích sự kết-hôn là để sinh con để cái nối-rõi tông-đường phụng-sự tổ-tiên. Nếu không theo luật đó thời linh-hồn các đấng tiên-nhân ở trong nhà thờ sẽ bỏ mà đi và giáng tai giáng hại trong họ-mạc, sự đó là rất phải kiêng, cho nên ngày xưa người La-mã, người Hi-lạp, người Ấn-độ có tục hễ thấy vợ không sinh-sản được ra con cái gì thì bỏ ngay. Người Trung-hoa và người Annam ta thời không hay bỏ vợ, song có tục lấy vợ lẽ, nàng hầu cho sinh con-cái để nối-dõi vậy. Song có một thói-tục chung cả của mấy dân-tộc là khi không có con đẻ thời dùng con nuôi để cho giữ việc tế-tự. Người con nuôi đó sẽ bỏ tổ-tông mình mà thờ-phượng tổ-tông cha nuôi, lẽ đó sẽ giải-thuyết ra ở sau này về vấn-đề vua Thuấn nhận vua Nghiêu làm tông và nhận vua Chuyên-húc làm tổ vậy.

Nội các dân-tộc có tục tế-lễ tổ-tiên kể trên đây thời đều lấy con trai đầu lòng làm gia-trưởng giữ về việc cúng tế từ-đường và thừa-hưởng sản-nghiệp của ông cha để cho, trong nhà thờ lúc nào ngọn đèn cũng tỏ, nén hương cũng thơm, mà không đến nỗi bỏ dỗ bỏ tết tan-nát gia-đình vậy. Người La-mã và người Hi-lạp thời chỉ một mình người con trưởng là được hưởng gia-nghiệp mà thôi. Tuy-rằng người con trưởng có chia cho các em trai mình ít nào thì chia, song vẫn giữ lấy đất gia-sản làm nơi cúng-tế, còn con gái thì không được quyền chia gì đến sản-nghiệp cả, song luật cũng có bắt người con trai trưởng phải cho tiền hồi-môn khi mình đi lấy chồng. Luật-lệ An-nam cũng chỉ nói chia sản-nghiệp cho các anh em trai mà thôi; song tục ta cũng vẫn thường chia của cho con gái nữa. Tuy vậy, mà *phần hương-hỏa* và nhà thờ để cúng bái bao giờ cũng vẫn thuộc về người con trưởng để mà giữ dỗ giữ tết.

Người La-mã thì chia ra họ *agnats* là thuộc về bên chồng, và họ *cognats* là thuộc về bên vợ, tức cũng như người An-nam chia ra họ *nội* là thuộc về bên bố và họ *ngoại* là thuộc về bên mẹ vậy.

Xem như vậy thời tục tế-lễ tổ-tiên có từ đời thượng-cổ, từ đời giống người *Aryenne* chưa thất-lạc, nghĩa là trước đời vua Hoàng-đế bên Tầu, cũng lại là một cái khởi-điểm cho các nguồn đạo khác nữa. Muốn biết sự khởi-nguyên của tục cúng-tế là thế nào thì ta hãy khảo-sát ngay trong lịch-sử chư-kinh của Trung-quốc thì ta sẽ biết rõ vậy.

* * *

Việc cúng-tế tổ-tiên về lúc khởi-nguyên ở bên Trung-hoa.

Ông Trang-tử có nói trong thiên Văn-thiên rằng: « Hoàng-đế trị thiên-hạ làm cho lòng dân hiệp một, trong dân có người nào cha mẹ chết, không khóc mà dân chẳng phi-nghị. Vua Nghiêu trị thiên-hạ làm cho lòng dân thân, trong dân có người nào bớt đồ khâm-liệm của cha mẹ mà dân chẳng phi-nghị. » Dân chẳng phi-nghị, không phải là cố-ý không phi-nghị đâu, là không biết phi-nghị đó mà thôi; không biết phi-nghị, là vì dân đời Hoàng-đế lòng người đều như một, cha mẹ mình chết hay là người láng-giềng chết, thì đều là sự chết; chẳng khóc người láng-giềng chết là chẳng biết khóc cha mẹ mình chết vậy. Đến đời vua Nghiêu, ai cũng thân nhau, đối với kẻ đáng dấm thì đành dấm, mà kẻ không đáng dấm cũng không dấm, chẳng kể gì ai thân với ai sơ cả. Trong hai thời-kỳ này chẳng hề có sự lễ-tế tổ-tiên bao giờ.

Vua Thuấn là người đại-hiếu, ta thường thấy cổ-nhân chép truyện đã để đứng đầu trong « Nhị-thập tứ-hiếu chuyện », ông Mạnh-tử khen ngài lắm thờ ông thân-sinh ra ngài được làm cha của thiên-tử, lấy thiên-hạ mà hiếu-dưỡng cha, là đã tôn cha đến mực. Tuy có lời khen như thế, song chẳng hề có sách nào chép về khi ông Cổ-tẩu qua đời rồi mà vua Thuấn đã làm lễ tế bao giờ, như vậy là vua Thuấn đối với ông thân-sinh ra mình chỉ làm hết lễ sự-sinh mà thôi, còn như lễ sự tử thời tuyệt-nhiên không có làm đến vậy.

Kinh «Lễ-thiên tế-pháp» chép rằng: « Hữu-Ngu-thị nhận vua Chuyên-húc làm tổ mà vua Nghiêu làm tông, Hạ-hậu-thị nhận vua Chuyên-húc làm tổ mà vua Vũ làm tông. » Hữu-Ngu-thị là quốc-hiệu của vua Thuấn còn chữ *tổ* là chỉ về cha của cha và *tông* là cha của mình vậy; về thời-đại đã có chữ tổ-tông đó, thì lễ cúng-tế tựa hồ như đã sáng-lập ra từ đời vua Thuấn chăng? Nhưng mà thực là không phải, cứ như ý của cổ-nhân thì hai chữ *tổ* và *tông* thực là không có nghĩa như vậy đâu. Vậy ta thử tra trong Sử-ký Ngũ đế bản-kỷ, thời ta thấy có chép rằng: Thân-sinh ra vua Thuấn là ông Cổ-tẩu, chứ không phải là vua Nghiêu và thân-sinh ra ông Cổ-tẩu là ông Kiều-ngưu chứ không phải là vua Chuyên-húc. Thế thời cớ sao vua Thuấn lại nhận người không phải là tổ làm tổ mà người không phải là tông làm tông? Vì thử bây giờ có người họ Nguyễn tên Tam con

của Nguyễn-Nhị, mà Nguyễn-Nhị lại là con của Nguyễn-Nhất, thời chẳng phải nghĩ-ngợi gì ai cũng biết rằng Nguyễn-Tam phải xưng Nguyễn-Nhất là tổ, mà Nguyễn-Nhị là tông vậy. Nay có một người khác họ là Lê-Ngũ, thấy đức-hạnh của Nguyễn-Tam khả-ái, bèn giao cho quản-trị gia-nghiệp của mình, và sau khi chết lại cho thừa-hưởng cả. Nay Nguyễn-Tam đi nhận một người khác họ là tổ và Lê-Ngũ làm tông mình, mà bỏ không thờ tổ-tông cùng huyết-mạch sinh ra mình, thời ai lại chẳng cho Nguyễn-Tam này là đại-bất-hiếu, mà Lê-Ngũ kia không giao sản-nghiệp cho con cháu mình để ra phụng-thờ hương-khói, lại để cho người khác máu-mủ thờ, chẳng là vô-nghĩa lắm sao? Vậy cớ sao vua Thuấn thờ tổ-tông như vậy mà hơn bốn nghìn năm trời nay không thấy một ai là người phi-nghị đến, thời chẳng phải là người đời phải sự gần che lấp nên chẳng thấy được đều xa hay sao?

Về vấn-đề Hữu-Ngu-thị lấy vua Chuyên-húc làm tổ, lấy vua Nghiêu làm *tông*, thời cũng có nghĩa Đế-tổ nghĩa là lấy tổ mà phối, song theo lời chú-thích trong Kinh Lễ của ông Trịnh-Huyền thời lại chép rõ-ràng rằng: « Từ đời Hữu-Ngu-thị trở về trước, người ta chuộng đức, các lễ như *Đế, Giao, Tổ, Tông*, chỉ dùng để phối-thờ những người có đức mà thôi ». Như vậy là ý ông Trịnh-Huyền muốn nói thờ Trời là lấy kẻ có đức lớn để phối-hưởng, mà nội trong bốn lễ Đế, Giao, Tổ, Tông, trừ Giao-tế ra, còn ba lễ tế kia là thuộc về tông-miếu cả. Cứ xem lời của Âu-dương-thị về điều *Chu-Công Giao-tự Hậu-tắc dĩ phối thiên* trong sách « Văn-hiến thông-khảo » thời đủ biết cổ-nhân chỉ *tổ* là người có *công* mà *tông* là người có *đức*, không cứ người ấy là tổ mình, tông mình hay không, chỉ là có công-đức thời tôn làm tổ-tông mà thôi. Như vậy thời ta có thể quyết được rằng sự tế-lễ tuy đã có từ đời vua Thuấn, song chỉ có ý tế những bực người có công-đức mà không phải là cốt để tế tổ-tiên vậy.

Lời chú-thích về Đường Ngu lập Ngũ-miếu trong sách « Văn-hiến thông-khảo » có dẫn lời án của ông Trịnh-Huyền rằng: Sách « Vị Huyền mạng bào » chép: Thiên-tử có năm miếu thời hai *chiêu* hai *mục* cùng với *miếu thờ thủy tổ* nữa là năm; nhưng đó cứu-cánh là lời của sách Vị, chứ không có chép ở trong Kinh Lễ không lấy làm bằng-cứ được. Trong Kinh Thư Thuấn-điển có chép: Thuấn-thụ chung ư Văn-tổ. Ông Mã nói rằng: « Văn-tổ là giời, giời là Văn, là tổ của muôn vật, nên gọi là *Văn-tổ*; nghĩa chữ *Nghệ-tổ* cũng như vậy ». Thế thời ta không thể cứ theo lời ông Khổng-An-Quốc và ông Khổng-Dĩnh-Đạt mà nói rằng văn-tổ là miếu-thờ ông thủy-tổ vua Nghiêu, và vua Nghiêu đã khởi-xướng ra sự tế tổ-tiên được.

Sự tế-lễ tổ-tiên thực khởi-đầu từ đời nhà Hạ, sách « Tế-pháp » nói: « Hạ-hậu-thị lấy tổ là vua Chuyên-húc mà tông là vua Vũ ». Ông Trịnh-Huyền có chú-thích ở dưới câu: « Từ đời Hữu-Ngu-thị trở về trước người ta chuộng đức » rằng: « Từ đời nhà Hạ trở về sau, thì hơi dùng đến người họ mình theo thứ-tự trước sau ». Đã nói rằng *hơi dùng* nghĩa là tổ là vua Chuyên-húc mà tông là vua Vũ, thì một người thân một người không thân, so với những người Đế, Giao, Tổ, Tông, của vua Thuấn, chẳng có một ai là như vậy, ấy là các chứng-cớ rõ-ràng về sự cúng-tế tổ-tiên thực là sáng-lập ra từ đời nhà Hạ vậy, còn về đời Đường Ngu chưa có năm miếu mà Văn-tổ không phải là thủy-tổ của vua Nghiêu, thực là rõ-ràng lắm.

Song, đó hãy còn là phần nói về Thiên-tử mà thôi, còn về phần thứ-dân tế tổ thì chưa hề nói đến, tuy rằng tục đời nhà Thương chuộng *Quỷ* mà xét ra ý các tiếng *Nãi-tổ*, *Nãi-phụ*, đã chép trong thiên *Bàn-canh* hãy còn là tổ và phụ của các nhà đại-tộc, chứ không phải là tổ và phụ của thứ-dân vậy.

Sách « Kinh-Lễ tế-pháp » có chép rằng: « Thứ-sĩ, thứ-nhân không có miếu, chết đi thì gọi là *quỷ*. » Ông Khổng-Dĩnh-Đạt nói: « Thứ-sĩ, thứ-dân không có miếu, thứ-sĩ là học-trò thường, thứ-nhân là bình-đẳng, vì hèn-hạ nên không có miếu. Chết gọi là *quỷ*, nghĩa là đã không có miếu nên chết thì gọi là *quỷ*. Quỷ chỉ được tiến ở tầm mà thôi »; lại nói: « Lễ Tiến không trọng bằng lễ Tế được, vì theo trong Kinh Lễ có chép rằng: Thứ-nhân tế tầm, tuy gọi là *Tế* mà thực là *Tiến* ». Ấy thứ-nhân mà được phép tế tổ-tiên là nguyên-do từ đó, mà trong những thiên « Vương-chế » và « Tế-pháp » thường có chép nhiều về chế-độ nhà Chu, thế thì lễ tế tổ-tiên của thứ-nhân có lẽ khởi-điểm từ nhà Chu vậy.

Ta cứ xem như vậy thời ta có thể nhận rõ-ràng cái khởi-nguyên của sự tế tổ-tiên, thực từ sự kỷ-niệm thánh-hiền có công-đức đã qua đời, về sau dần dần mới cúng-tế đến các tôn-thân trong họ mình, thực không còn phải hồ-nghi gì nữa. Lại cứ lời chép trong sách « Thông-giám ngoại-kỷ » thì thấy có câu rằng: « Hoàng-đế băng-hà, bày-tôi ngài là ông Tả-Thiết lấy áo, mũ, kỷ, gậy, đặt trong miếu mà thờ ngài ». Vậy từ đời trước vua Hoàng-đế chưa có lễ này, về sau những lễ kỷ-niệm các thánh-hiền có công-đức lại thực là bắt chước từ ông Tả-Thiết. Từ đó mỗi lần cải-biến, rồi đến Hữu-Ngu-thị lấy tổ là vua Chuyên-húc, lấy tông là vua Nghiêu, còn họ Hạ-hậu thì lấy tông là vua Vũ, rồi mãi các đời về sau này, người ta lấy việc tế-lễ tổ-tông là một lễ rất cần, rồi thành ra biến hẳn cả cái ý-nghĩa của cổ-nhân đi nữa.

∴

Sự biến-cải về các lễ tế tổ tiên.

Từ ông Tả-Thiết về sau, sự tế-lễ tổ tiên càng ngày càng biến-cải, khiến cho người ta cứ nhắm mắt mà theo liều, trong một trăm người không có được một hai người thấu rõ nguyên-ủy ra làm sao. Sự thay-đổi đó mỗi thời-kỳ một khác, ta có thể chia ra làm mấy thời-kỳ như sẽ nói ở sau này:

Thời tam đại

1° Chế-độ hữu-hạn. — Sao lại gọi là chế-độ hữu-hạn? Là vì người ta ở đời, địa-vị cao-sang hèn-hạ khác nhau, nên sự tế-lễ cũng phải có khác nhau. Kẻ cao-sang thì được tế-lễ nhiều hơn kẻ hèn hạ, bởi vậy nên phép tế-lễ đã có qui-định như sau này: Thiên-tử lập 7 miếu: Chư-hầu 5 miếu; Đại-phu 3 miếu; Thứ-sĩ 2 miếu; Quan-Sư 1 miếu. Thứ-nhân không được lập một miếu nào, mà khi chết thì gọi là *quỉ*. Mỗi miếu được thờ một *chủ*, mỗi chủ được tế một đời, như có bảy miếu thì được tế bảy đời, năm miếu thì được tế năm đời (không kể lễ đàn-thiên); ba miếu thì được tế ba đời, hai miếu thì được tế hai đời (không có lễ đàn); một miếu thì được tế một đời. Không miếu thời một đời cũng không được tế, chỉ được làm lễ tiễn

ở tâm mà thôi. Nếu Thứ-nhân mà muốn lập một miếu thì là tiếm-dụng lễ của quan Sư, nếu khi tiến cha xong rồi bỗng nhớ đến tổ, lại nhân đó mà nhớ đến cha tổ, tổ tổ cho đến thủy-tổ mà nói rằng cha ta cần phải có huyết-thực, thì tổ ta từ cao tằng trở lên đều cùng không có thể để nhịn đói ở dưới cửu-tuyền được, rồi làm lễ tiến cúng tất cả các tổ, như vậy là đã tiếm-dụng tế-lễ của Đại-phu, hoặc của Chư-hầu và Thiên-tử vậy. Như thế thời không cần phải kể câu nói rằng linh-hồn của tổ-tiên cần phải ăn-uống nữa, mà thực mắt ta có trông thấy linh-hồn tiên-nhân về đòi con cháu phải cúng-tế đi nữa, thời ta cũng không có phép nào việt-lễ tiếm-tế mà phạm tội cùng thánh-nhân. Nếu không giữ được như thế thời cũng không giữ được trật-tự trên dưới: đó là lý-do của sự lập hạn chế tế-lễ vậy.

2° *Lập thần-thi.* — Thần-thi là gì? Thần-thi là tổ-tông mình đã quá-khứ đi mà lại có sự sinh-hoạt ở trong. Sao vậy? Ông Chu-tử có nói rằng: « Người đời xưa làm lễ tế-tự, tất phải p thần-thi, là nhân cái di-thể của t ô-khảo để ngưng-tụ cái khí thiêng họp nhau với thể-chất, thời có lẽ cái khí thiêng đã tan lại được tụ lại, nên mới nói như thế. » Di-thể tức là cháu vậy. Kinh « Lễ-thiên tế-thống » chép rằng: « Cái đạo tế đặt cháu làm thần-thi » Đặt cháu làm thần-thi là để đối với kẻ tế thời ở hạng con; người cha sở-dĩ quay mặt về hướng bắc mà thờ con, là để làm cho rõ cái đạo con thờ cha vậy. Vương-phụ nghĩa là ông tổ, cháu làm thần-thi cho vương-phụ, nghĩa là tế cha mà đặt cháu của kẻ chịu tế lên làm thần-tượng để ngưng-tụ cái khí thiêng đã tan của cha, rồi mới quì lạy cha; kẻ làm thần-tượng là cháu của kẻ được tế, thời chắc hẳn là hạng con của kẻ tế cha, cho nên gọi là kẻ đặt làm thần-thi đối với kẻ tế là ở hạng con; thần-thi đã là con của người tế thời tiếng rằng là tế tổ-tiên đã quá-khứ, mà kỳ thực là tế con còn sống hiện-tại. Như vậy, tôn-ti tuy có lộn ngược, song không có cái di-thể của tiên-nhân làm thần-tượng, thời cái khí thiêng đã tan của tiên-nhân không có cách nào mà tụ lại được; khí thiêng không tụ lại được, thời làm sao mà hâm-hưởng được. Bởi vậy, cho nên mới không có thể tránh cái hiềm rằng là *phụ bái tử* mà nỡ để cho quỉ của tiên-nhân chịu đói, làm cho cái đạo con thờ cha phải theo cha chết mà mất đi, sở-dĩ phải bắc-diện mà thờ con và phải lấy con làm thần-tượng của vương-phụ, là mới có thể làm cho rõ cái đạo con thờ cha; ấy cái tình-ý lập thần-thi để tế tổ-tiên của người đời xưa là thế.

3° *Tế-phẩm.* — Trong việc tế lễ thời dùng các thứ-tu thứ-phẩm như người sống thường dùng, kể ra thời hàng-bà sa-số, không biết thế nào mà lục ra cho xiết được; song ta chỉ nên nhận rằng cũng không khác những tế-phẩm của các đời sau dùng là mấy. Nay kỳ-giả chỉ xin kê-cứu qua về những tế-phẩm khác hẳn với những tế-phẩm các đời sau mà thôi. Về sau người làm đồ lễ bày-đặt ra nhiều thứ lắm; như là các thứ hi-sinh, sôi, thịt, hoa-quả, bánh-trái, cùng là hương, nến, giấy-mã vân vân, những thứ ấy người xưa tịnh không có ai dùng đến cả; cứ xem như lúc ông Chu-công tế ba vua cho vua Vũ-vương thời đủ rõ. Thiên Kim-đằng trong Chu-thư có chép rằng: « vua Vũ-vương được nhà Thương rồi, hai năm bỗng bị bệnh sốt nặng lắm; ông Chu-công sợ vua chết, kíp lập đàn để cầu-cáo với các linh của Thái-vương, Vương-quí và Văn-vương, nguyện đem thân mình để thế cho vua Vũ-vương.» Khi ấy Chu-công dùng những vật gì để tế ba vua? Chỉ *thực-bích, bính-khuê* mà thôi. Thực nghĩa là gì? Thực nghĩa là đặt, đặt ngọc bích ở trước tòa ba vua; bính khuê nghĩa là ông cầm ngọc khuê để làm lễ. Trong Kinh-Thi có câu rằng: « Khuê-bích kỳ-tốt », trong Chu-lễ có câu rằng: « Quản-khuê dĩ tự tiên-vương ». đều là cái chứng-cứ về đời xưa dùng ngọc khuê và ngọc bích để làm của tin cho lễ thờ thần; lại một miếng ngọc khuê, hay ngọc bích cũng có thể dùng luôn để làm của lễ thần, cho nên trong lời Chu-công chúc ba vua có khấn rằng: « Ngài hứa cho tôi, thì tôi đem ngọc bích và ngọc khuê về để đợi chờ mệnh ngài; ngài không hứa cho tôi, thời tôi cất ngọc bích và ngọc khuê đi ». Cất ngọc bích và ngọc khuê đi, nghĩa là nếu không được lời hứa của ba vua, thì đem ngọc bích và ngọc khuê mà dấu đi, không cầm để mà thờ nữa; ấy là của tế rất trọng-thể về lễ tế tổ-tiên đó. Người xưa tế-lễ trịnh-trọng là thế, về sau người ta mới bầy-vẽ ra tiệc nọ yến kia, thành ra một sự ăn-uống, dần-dần mất cả tinh-thần của việc tế-lễ đi.

Ấy là về thời Tam-đại thời thế, kỳ sau kỳ-giả xin khảo-cứu xem sau thời Tam-đại còn biến-cải thế nào nữa.

(Còn nữa)

NGUYỄN-THỐNG

ĐỘC-GIẢ LUẬN-ĐÀN

Bản-chí có tiếp được nhiều bài của các bạn độc-giả có lòng yêu gởi cho, bàn về những vấn-đề có ích, song làm bài chỉ ngắn như một bài xã-thuyết của tờ tân-văn, không thể đặt ra mục riêng được, vậy xin mở ra mục « Độc-giả luận-đàn » này, để hoan-nghinh các bài ấy. Như thế tưởng vừa rộng thêm đường ngôn-luận, lại vừa ích thêm cho người xem. Xin các ngài cứ vui lòng gởi văn lại cho, để bản-chí đăng-tải, thì lấy làm cảm tạ lắm.

HỮU-THANH

Kén chồng

Cái cốt của người ta sống ở đời là để hưởng hạnh-phúc ở đời. Hạnh-phúc lớn nhất ở đời là gì? Là sự hôn-nhân.

Phải, còn cái gì sung-sướng cho bằng cặp trai tài, gái sắc gặp-gỡ nhau, cùng nhau đúc nên một khối chung-tình thanh-cao êm-ái nữa! Nhưng mà nếu anh-hùng thục-nữ gặp-gỡ nhau chỉ lấy sung-sướng vẻ-vang làm cốt thì sao lại đủ gọi là hạnh-phúc hoàn-toàn được? — Không, anh-hùng thục nữ gặp-gỡ nhau có thể gọi là hạnh-phúc hoàn-toàn được, là vì rằng: ngoài sự khoái-lạc ra, hai người đại-nhân tài-tử nợ sẵn nhau ấy còn phải gánh-vác một cái nghĩa-vụ lớn-lao ở đời kia mà! Nghĩa-vụ ấy, ai là người ở đời chẳng phải gánh-vác, song hễ có là tài-tử, đại-nhân, vừa đòi phải lứa thì mới có thể làm trọn phận-sự một cách hoàn-hảo được.

Hạnh-phúc ở đời đã do ở trong sự hôn-nhân, thì sự hôn-nhân là sự quan-trọng nhất ở đời. Sự hôn-nhân đã quan-trọng nhất ở đời, thì việc kén-chọn vợ chồng tất-nhiên cũng là việc cốt-yếu của người đời.

Đây ta chỉ bàn về sự kén chồng, vì sự kén chồng với sự chọn vợ tuy chữ-nghĩa có khác mà thể-lệ có lẽ cũng rưa-rứa như nhau ; ta chỉ nói đến một việc kén chồng, còn sự chọn vợ, độc-giả cứ suy đó ra cũng đủ rõ.

Người con gái lấy chồng là cốt nhất mong hưởng hạnh-phúc, chứ không thấy ai là mong lấy được một ông chồng dã-man để nó hành-tội mình cả. Vì nếu như vậy thì chẳng hóa ra rước sự chồng con vào mình để mang họa mất.

Thế mà ta thấy phần nhiều những cô con gái bây giờ, không được mấy cô là mong ở hạnh-phúc mà tìm người sánh vai phải lứa cả.

Thật vậy, các cô như thế kén chồng bây giờ không phải là mong được hạnh-phúc cho chính đời mình, mà lại mong để người khác tưởng mình là có hạnh-phúc vậy. Đó là lỗi ở cả đoàn-thể, chứ không phải ở riêng một các cô ấy mà thôi.

Như một cô con gái kén một cậu con trai mặt-mũi khôi-ngô, cửa nhà phú-quý làm chồng, thì thiên-hạ trông thấy thế có phải thường bảo là cô chọn được một người sánh đôi phải lứa với cô không ? một người sẽ khiến cho cô được vẻ-vang sung-sướng đối với chị em không ? Thế tức là cái hạnh-phúc mà họ tưởng cô đang được có rồi đấy chứ gì !

Nếu người con trai mặt-mũi khôi-ngô, cửa nhà phú-quý ấy mà tính chất lại thông-tuệ, mà đức-hạnh lại hoàn-toàn, thì cái hạnh-phúc của cô, cô hưởng được một cách vẻ-vang khoan-khoái thật, nhưng nhỡ ra người con trai ấy lại không được thế, lại hư-đụt, như phần nhiều những con nhà ít học, thì hỏi liệu cô có thể ở ăn sung-sướng cùng đời với họ được chăng ?

Người chồng mà đã đụt lại hư, thì những khi đối-đãi với cô, tất không được trang-nhã như một kẻ anh-hùng đối-đãi với một người thục-nữ, sự ấy tưởng đã cố-nhiên. Cô vốn cũng là thục-nữ, vậy có ắt lấy sự bạc-đãi của đức ông chồng làm khổ, làm vô-phúc ; đức ông chồng đã không thực lòng thương-yêu cô, đã bỏ cô mà đi theo đĩ bợm kia mà ! Đến lúc ấy cô mới biết lầm, cô mới hối-hận, nhưng nghĩa-vụ, cô đã trót đảm-đang, sự bất-đắc-dĩ, cô phải làm ngơ làm điếc cho dỡ tan cửa nát nhà ; ấy thế là cô tự phải bắt-buộc mình vào trong cái tội chồng con, chứ không phải là cái phúc chồng-con nữa !

Xem thế, bao nhiêu những cái nét mặt khôi-ngô, cửa nhà phú-quý mà trước cô tưởng là hạnh-phúc cho cô, thì nay đã trở ra là sự vô-phúc cho cô rồi !

Đó là nói những cô bị lầm. Lại cũng có những cô biết rằng hạnh-phúc ở đời là lấy được người chồng đức-hạnh, chứ không phải là lấy được người chồng chỉ có đẹp-trai không thôi ; nhưng mà những cô này lại kiêu-căng, lại muốn hãnh-diện đối với chị em, chứ không muốn hạnh-phúc đối với chính-thân mình, thành ra miệng thì nói rằng « lấy chồng cốt người tử tế » mà kén chồng vẫn lấy sự đẹp-xinh giầu-có hơn cả !

Các cô kiêu-căng như thế là các cô chỉ cốt để cho chị em tưởng các cô có hạnh-phúc là toại-chí các cô rồi, còn như tới khi mà trong nhà không được êm-ấm thì các cô cũng cố-sức chịu vậy. Nhưng trong lúc kén chọn ấy, ai có ngờ đâu rồi sau này sẽ phải hối-hận ăn-năn ! Than ôi ! người ta trong lúc thanh-niên thường vẫn mua ấy hối-hận để dành đến khi già-nua như thế !

Thế cho nên phần nhiều các cô con gái chỉ tưởng lầm hạnh-phúc hay là chỉ chủ-ý để người khác tưởng lầm rằng mình có hạnh-phúc thôi, chứ không được mấy cô biết rõ chữ hạnh-phúc và mong hưởng hạnh-phúc cho chính thân mình cả.

Vậy nếu cô nào muốn được hưởng hạnh-phúc thật, xin phải hiểu thấu cái hạnh-phúc là gì và phải biết cách kén chồng cho sau này trong gia-thất khỏi thành ra một chốn ngục-tù vô-phúc mới được !

Dám đâu khuyên-nhủ các cô đừng kén những người con trai đẹp-đẽ giầu có ; mong cho các cô kén được những người đẹp-đẽ giầu có lắm, nhưng những người ấy phải cũng có đức-hạnh nữa mới được ! Song, than ôi ! những người đẹp người đẹp nết khó có lắm thay ! Mấy người ở đời lại được hoàn-toàn cả sắc-tài hạnh-kiểm như thế !

Vậy nên, các cô kén chồng đừng lấy sự đẹp-trai làm cốt, phải coi sự đức-hạnh làm đầu, mới được. Nếu các cô mà muốn được hưởng cái hạnh-phúc gia-đình, dám nhủ các cô nên để chữ hạnh-kiểm ở trên chữ tài-hoa, chữ tài-hoa ở trên chữ tài-sản, rồi mới đến chữ tài-sản ở trên chữ nhan-sắc. Cái nhan-sắc cùng cái tài-sản chỉ đủ gây nên hạnh-phúc thuộc về vật-chất thôi, chớ như cái tài-hoa và cái hạnh-kiểm lại tạo-thành hạnh-phúc thuộc về tinh-thần và thường khi lại sinh ra được cả hạnh-phúc về vật-chất nữa kia !

Nhiều cô ở đời bây giờ lại ăn ở phản đối hẳn thế, là coi trọng nhất là chữ sắc, thứ đến chữ tài là của, rồi mới đến chữ tài là giỏi, sau cùng mới đến chữ hạnh. Coi chữ hạnh rẻ, chẳng trách được mà gặp sự bất-hạnh!

Các cô ví chọn được một người chồng đủ cả bốn cái hay ấy thì còn nói chi nữa, nhưng nếu ở đời không có những người hoàn-toàn như thế, các cô nên kén người ít ra cũng phải có hạnh-kiểm thì hạnh-phúc của các cô mới mong không đến nỗi thành ra vô-phúc được. Mà các cô muốn vậy thì có khó gì ! Miễn là các cô ăn ở cho có hạnh-kiểm thôi ; vì rằng chỉ có những người hạnh-kiểm mới có thể gặp những người hạnh-kiểm được. Vả chăng nếu mình vô-hạnh mà lại mong gặp người có hạnh thì sao lại có thể gọi là dai-nhân tài-tử sánh-đôi phải-lứa được !

Sự kén chồng là việc trọng, nó tức là sự chọn đường để bước vào trong cuộc đời vậy, các cô chớ lấy làm khinh !

B. N. P.

Bệnh ở dương

Kỳ trước tôi đã bàn về bệnh lười, nay xin nói đến bệnh ở-dương.

Cái hại bệnh ở-dương tưởng không kém gì bệnh lười mà lại có thể to hơn bệnh lười vậy. Bởi sao ? Vì bệnh lười thường thường chỉ là một bệnh « không biết dự-định trước để đến nỗi nước đến chân rồi đâm quàng đâm siên. Còn như bệnh ở-dương thì thực là một bệnh trầm-trệ, khiến cho trí-tuệ ngày một hao-mòn tứ-chi ngày thêm yếu-ớt, dĩ-chí không tưởng đến sự làm ăn. Nghĩ tới sự gì hình như mỏi óc, mỏ đến việc gì đã

có ý chối-từ ; suốt đời chỉ những mong không có chút gì bận-bịu đến mình, ấy là mẫu-nguyện. Có biết đâu rằng : Tạo-hóa sinh ra giống chim có cánh để bay cũng như là sinh ra giống người có trí-khôn, có chân tay để làm lụng (L'homme est né pour travailler, comme l'oiseau pour voler). (Voltaire). Vì khiến trong thiên-hạ ngày xưa chỉ có những người ở-dưng không có người nào làm ăn gì cả thì còn chi nhân-loại mà có đến ngày nay ! Vả chăng trí-khôn ta dùng để suy xét, chân tay ta dùng để làm lụng thì có khác chi cục sắt kia dùng làm đồ hữu-dụng, thế mà không biết thiện-dụng miếng sắt, bỏ phí một só để đến nỗi đi-nát vứt đi, đối với trí-khôn của ta lính-lợi biết chừng nào, mà nỡ đem hoài bỏ để đến nỗi ngày một suy-xuần, chẳng cũng đáng tiếc lắm ru ? Cách ngôn tây có câu : « Sự ở-dưng làm dĩ-nát trí-khôn » (L'oisiveté rouille l'esprit) thật là đúng lắm vậy.

Không những thế, ta sinh dương buổi cạnh-tranh kịch-liệt về đường hành-động, không những phải dùng miếng sắt để làm đồ hữu-dụng mà thôi, phải tìm cách làm thành đồ khéo đồ đẹp, thời mới có cách sinh-tồn nghĩa là không những ta phải lấy trí-khôn mà suy-xét mà thôi, lại phải lợi-dụng trí-khôn một cách đặc-biệt suy đi xét lại cho khỏi sai lầm thì mới có cơ hiển-đạt bằng người được. Thế thì bỏ liều bệnh ở-dưng mà không chữa, chẳng cũng là tội trọng lắm sao ?

Tôi bất tài không dám đứng vào địa-vị ông lang hay, thuốc-men giỏi, song cũng gọi là học đòi quen thói, góp nhặt mấy vị rất-cần, kẻ lá đơn soàng,cứu người có bệnh.

Trước hết *con bệnh* phải cố lấy quyền tự-trị, nghĩa là phải có quyền sai bảo trí-khôn, xoay lại phương-châm mà nhất là đừng để cái trí-khôn đã bị-bệnh làm suy xuần nó sai-khiến mình nữa. ấy là một vị cần vậy.

Sau nữa là con bệnh phải biết liêm-sỉ. « Trông người mà ngẫm đến ta », kia chung quanh mình ta, mọi người đều có việc này việc nọ, dĩ chí đến các súc vật cũng con nào việc ấy, nếu ta ở dưng sao khỏi mang tiếng « ăn không », ăn bám có khác chi giống trùng-độc ? Ấy là hai vị thuốc tối cần cho bệnh ở-dưng.

Thuốc chữa biết có hiệu-nghiệm hay không, nhưng tôi vừa viết đến đây, sực nghĩ phẳng-phất hôm nọ có kẻ nói chuyện với nhau rằng : « Tội gì làm ăn cho mệt, ở đời này thằng khéo thường làm đầy,tớ thằng vụng. » Lại còn nói : « Còn gì hơn, *Nhất nhật thanh nhàn nhất nhật tiên* ». Kẻ nói câu ấy là ai ? Ta không cần biết đến. Nhưng xét câu nói xem ra cũng có vẻ học-thức, mà sao còn hiểu lầm quá như vậy ?

Công việc trong đời chia ra, phận-sự ai người nấy làm,ấy là nhẽ dương-nhiên của Tạo-hóa. Túng sử chỉ muốn ngồi một chỗ đợi người làm cơm sẵn cho mà ăn, ăn rồi lại ngồi, đợi người may sẵn quần áo cho mà mặc, mặc rồi lại ngồi. Thế thì hai chữ « ăn không » hay là « ăn bám » mang ra mà đặt tên cho những người ấy, cũng không là quá đáng. Còn như viện nghĩa « thanh nhàn là tiên » thì thực là quá lầm. « Ăn dưng ngồi rồi » mà cho là « thanh-nhàn » sao được ? Nhàn là lúc xong công việc rồi, nghỉ ngơi nhàn hạ, có phải ở-dưng gọi là « nhàn » đâu. Vả chăng phàm những người ở dưng thường thường như người ngu-xuẩn, lù-đù, sao gọi là « tiên » được ? Đã không được như « Tiên » mà lại nhiều khi thành « đê-tiện » « khốn-nạn », dĩ chí có kẻ đến « án tội » nữa, vì ở dưng hay sinh ra những sự không hay. Thánh-nhân có câu : « *Nhàn cư vi bất thiện* » ; xin đừng hiểu lầm « *nhàn cư* » với « *Thanh nhàn* ».

Tôi nói đến đây, cố gượng từ từ nét bút, vì sợ quá lời, Song độc-giả cũng lượng xét cho rằng trung-ngôn nghịch-nhĩ, vì lòng sốt-sắng về sự công-ích mà nói, không có ý riêng chỉ-trích chi ai. Song trước khi đứng bút, xin khuyên thêm rằng : Những ai mắc bệnh chớ nên hiểu lầm nghĩa « Nhất nhật thanh-nhàn nhất nhật tiên » mà nên lấy câu « Nhàn-cư vi bất-thiện » làm răn mới được. Mong lắm thay !

Nguyễn-Dzương-Y.

VĂN THƠ'

Thuật hoài

Gươm đàn quẩy gánh muốn sang sông,
Hỏi bến thuyền không lái cũng không.
Xe muối nặng-nề thương vó ký,
Đường mây rộng-rãi tiếc chim hồng.
Vá giời lấp bể người đâu vắng ?
Bán lợi mua danh chợ vẫn đông !
Lần-lữa nắng mưa trong cuộc thế,
Cầm sao đợi nước thuở nào trong !

Tấn-thần.

Trả lời bạn gửi cho ảnh

Hình mà chi ảnh nữa mà chi !
Lòng đấy lòng đây há lạ gì.
Muốn dặm dầu rằng non nước cách.
Một lời đã quyết đá vàng ghi.
Ấy ai vui thú cùng tân-cảnh ?
Biết thiếp ôm sầu đợi cố-tri ?
Tháng trọn ngày qua bao xá quản,
Tơ tằm trăm mối lấy ai chia !

Hồng-Thị-Vân.

Phải lừa gái, tự khuyên

Toan trách ông xanh khéo cợt người,
Tỉnh ra mới rõ cái trò chơi.
Phỉ rằng duyên nợ đâu mà tiếc.
Âu cũng nhân-tình phượu đó thôi.
Nhớ hão thương thầm thêm nhọc xác,
Ôm cầu ấp bóng luống dơ đời.
Phòng văn khoá-khóa cùng đèn sách
Thơ thẩn mà chi nữa chúng cười.

Vân-Sinh

Đồng tiền

Quyền-thế chi bay đó hỡi tiền ?
Để người tủi phận kẻ hờn duyên.
Thù nên bầu-bạn, ân nên oán,
Thần cũng thờ-ơ, lạ cũng quen.
Lắm lúc tim gan người kiệt-hiệt.
Nhiều phen xanh mắt khách thuyền-[quyên.
Vì người thiên-hạ đen thay trắng.
Quyền-thế chi bay đó hỡi tiền ?

Bùi-Xuân-Thắng

Phú-đắc :

Nước sông cuồn-cuộn chảy xuôi,
có con cá diếc đỏ đuôi theo mồi.

Cuồn-cuộn dòng sông nước chảy xuôi ;
Có con cá diếc đuôi theo mồi,
Diếc ta cố-chí le-te đuôi;
Mồi nọ vô-tình lửng-thửng trôi,

Đang lúc hăng lên xanh mắt thế;
Tới khi quay lại đỏ đuôi rồi.
Còn dăm cái vẩy trên xương-sống,
Khéo khéo không mà đỏ nốt thôi!

Cá ấu

Thiên-hạ chê rằng mặt mũi đen,
Ai hay gan ruột trắng hơn phèn!
Vỏ kia gai cạnh đành thua sủng;
Tâm ấy ngon bùi dễ kém sen!
Ở đã từng quen nơi vũng lội;
Sống còn chi thiết sự người khen!
Ấy em mộc-mạc như-mỳ thế,
Càng đỡ bà con lắm kẻ ghen.

Nam-Hương Bùi-Huy-Cường

Ngẫu hứng

Nghĩ mình mình lại nực cười thay,
Cái bước giang-hồ khéo đến đây,
Mở rộng đường mây tìm được lối,
Gặp khi cá gió quyết ra tay.
Non xanh còn nhớ câu thơ cũ,
Gác tía mua vui chén rượu đầy.
Lữ-thứ ngậm-ngùi lòng viễn-khách,
Nỗi niềm tâm-sự có ai hay!

Phạm-Hữu-Vị

Đêm buồn nhớ bạn

Một chuyến thu sang một chuyến sầu.
Một ngày qua lại một ngày đau.
Đôi làn vân thủy trăng in bóng,
Muôn dặm quan-san cảnh nhuốm màu.
Vị-phố có hay tình luống những....
Vân-bằng không biết khách chơi đâu!
Thăm tình ta cậy cô Hằng nhé,
Ngõ hẹp hang cùng bảo giúp nhau.

Khuyên ai cờ bạc

Vòng trần ai đẻ hỡi ai ơi!
Cờ bạc nên chừa chớ bén hơi!
Mất giá mất danh rồi mất nghiệp!
Quên tình quên nghĩa lại quên đời.
Kìa gương tày liếp không soi đó,
Mà bác thằng bần vẫn cứ chơi!
Ai hỡi ai ơi mau tỉnh dậy!
Trong trần-giới đã biết bao người!

Trông trăng lại nhớ đến người

Một mình lửng-thửng dưới trăng thâu.
Trông thấy trăng mà lại nhớ nhau.
Hải-giác thiên-nhai ai có biết?
Bóng cây phủ lối, hạt sương mau.

Phi-vân Nguyễn-Văn-Tố

Nhớ bạn Tuyên-quang

I

Bén tiếng quen hơi mới một lần,
Ai ngờ cùng một bạn làng văn.
Vốn người chung hội chung thuyền nhỉ,
Cũng bước trần-ai, cũng vẫn xuân.

II

Nghĩ ra âu nhẽ cũng là duyên,
Một chuyến tàu đi gặp hóa quen.
Buổi mới bàng-khuâng, trời đã tối;
Người về sông Hạc, khách lên Tuyên.

III

Thành Tuyên sông Hạc cách bao xa,
Tiện lối cùng đi xuống tỉnh Hà.
Ai nhớ, ai về, mong có lúc,
Mong chờ tháng trọn lại ngày qua.

IV

Trận gió thu đưa lọt mái ngoài,
Canh tàn vơ-vẩn một mình ai!
Nhớ ai ai vẫn còn xa cách,
Mượn bút làm duyên tạc mấy lời.

Ngẫu-trì

Vì ai chênh-mảng

(Một người nhân tình với một ả lẳng lơ, nhưng thường ở xa, nên lúng-túng mãi chưa tính cho vuông-tròn được cái cuộc trăm-năm, thì bỗng đâu có một chú khách phóng mất ở kin. Thực là xưa kia ngọc ở tay ta, vì ta chênh-mảng ngọc ra tay người! Cảm vịnh hai bài:)

I

Châu lạc chưởng trung thiên bất thủ,
Khách hừng-hờ nên các chú phỗng trên tay,
Vật khuynh-thành là của hiếm xưa nay;
Nghìn vàng có cũng từ rầy mua chẳng được!
Vua thủy bẽ-bàng vì chậm bước,
Chàng Kim xa-cách bỗng sai lời.
Mối tình chung riêng ai chịu thiệt-thòi,
Thế mới biết ngón ăn chơi mình cũng lép!
Cửa son phấn thôi mặc người mở khép,
Truyện chàng Tiêu còn chép nhớ hay không?
Hỡ môi ra cũng thẹn-thùng!

II

Viện xuân thăm thú cũ,
Ngẫn-ngơ thay bướm đó nọ hoa đâu!
Lòng riêng riêng mong-mỏi bấy lâu,
Câu gắn-bó bỗng thành câu chuyện hão!
Trách kẻ phũ-phàng tay ép liễu,
Gớm người trơ-trẽn mặt soi gương!
Gánh tương-tư quẳng bỏ giữa đường,
Biết như thế nọ nhường ai quách!
Thày thị phong-lưu thiếu-niên-khách?
Của trời chung, dương mắt ếch mà nhìn!
Thôi thì thôi cũng nhân-duyên!

Hải-đông Thượng-trang cư-sĩ

Đêm buồn tự thuật

(Làm năm bính thìn)

Giấc hồ-điệp mơ-màng phảng-phất,
Tiếng gà đâu bỗng giật hồn mai!
Tỉnh ra nào thấy những ai,
Canh khuya gió thổi mái ngoài hắt-hiu!
Gương ngọc-thỏ nghiêng treo sườn núi,
Áng phù-vân che tối lưng trời.
Tình kia cảnh nọ bời bời,
Chạnh lòng đất khách nhớ nơi quê nhà.
Mượn bút thảo nôm-na mấy chữ.
Đem thủy-chung tình-tự đôi câu.
Cương-thường đội nặng trên đầu.
Ngẫm âu thân-thế bước sau còn dài.
Nền thế-phiệt cân-đai từ trước,
Nghiệp thi thư khoán ước đã lâu.
Đội ơn chín chữ cao sâu,
Theo dòng thi-lễ nối mầu văn-phong.
Đêm thâu đêm đèn dong Lưu-Hướng,
Ngày lại ngày ngồi trướng Trọng-Thư.
Sôi kinh nấu sử lần-lừa,
Mải vui nghiên bút sớm trưa lệ thường.
Chữ khoa-danh theo đường Mông-Chính,
Lối ngựa xe lòng đính Trường-khanh,
Bõ công đèn sách học-hành,
Bõ công cha mẹ sinh-thành dưỡng-nuôi,
Con tạo-hóa trêu ngươi chi tá?
Bảng hổ-long ngoài gã Tôn-sơn!
Tiếng loa vang miệng tiếng đồn.
Thấy người mình những bồn-chồn tấm son.
Biết bao nỗi thẹn non cùng nước,
Thôi thì thôi chẳng trước thì sau.
Đường mây có hẹp ai đâu.
Cố công bền chí bước sau hẹn-chờ,
Buổi nhàn-hạ ngâm thơ bạch-tuyết,
Khi đêm thanh dưới nguyệt vui chơi.
Chè sen rượu cúc thảnh-thơi,
Khi vườn Bách-thú khi nơi Tây-hồ.
Mảng vui thú cố-đô cảnh-vật.
Chốn bụi hồng chân cất đã chồn.
Ẩn-cần tìm thú hương-thôn,
Mượn nơi tây-tịch (1) mà ôn nghiệp mình.

(1) Chỗ ngồi dậy học.

Lối tân-học tập-tành lũ nhỏ.
Thú lâm-toàn trăng gió ruồi-rong.
Thầy trò khuya sớm thong-dong,
Khi ngoài du-lãm khi trong tinh-tình.
Lúc thong-thả Lưu-Linh giải-trí,
Buổi thanh-nhàn thơ lý ngâm-nga.
Cầm trăng lựa khúc Bá-Nha ;
Cờ tiên dỗi nước Trương-Ba ai tày.
Ngoài vườn hoa, hương bay ngào-ngạt,
Chốn phòng, văn nguyệt gác chênh-chênh.
Phải duyên sư chủ đắc tình,
Xuân thu trải đã Hồ-đình mấy phen.
Nơi đất khách dù quen cảnh lạ,
Chốn phần-du tấc dạ phân-vân.
Nỗi niềm tưởng đến xa gần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần biếng khuây !
Tiếng tất-xuất hiên tây ra-rả,
Giọt ba-tiêu tầm-tã mưa sa.
Sập-sè dàn chuột vào ra,
Tả tơi trước gió cành hoa vô-tình !
Chim riu-rít trên cành học nói ;
Bóng chiều hôm như gợi cơn sầu !
Mây bay bay biết về đâu,
Trời cao đất rộng một màu bao-la !
Tưởng nông-nỗi gần xa bối-rối,
Nghĩ nguồn cơn trăm nỗi phân-vân.
Đoái trông muôn dặm tử-phần,
Thung huyên hai cõi, một sân quế hòe.
Lúc khuya sớm đỉnh-vi định-tỉnh,
Bữa cơm rau đủng-đỉnh vui vầy.
Sân Lai cách trở bấy chầy,
Nhớ thương âu cũng đêm ngày biếng khuây !
Nào những lúc sum-vầy dưới gối,
Nào những khi sớm tối ân-cần,
Bây giờ non nước xa xăm,
Lạ-lùng đất khách băn-khoăn nỗi mình !
Tưởng đến chữ sinh-thành cúc-dục,
Ngao-ngán lòng cố-phục cù-lao.
Một mình vơ-vẩn biết bao,
Đường kia nỗi nọ dồn vào một thân !
Thẹn họ Lão trước sân lợi-lả ;
Trông chàng Vương lệ đã chan hòa.
Trời hôm lác-đác mưa sa,
Màn lay ngọn gió đèn loà lửa phiên !
Nghĩ nông-nỗi khôn đem giãi tỏ,
Tâm-sự này biết ngỏ cùng ai !
Một mình với bóng là hai,
Nhìn nhau rồi lại vắn dài thở than !
Miền Côi-lĩnh mấy ngàn dâu thẳm !
Ánh bạch-vân đăm-đắm với trông !
Trời xanh xanh ngắt mấy trùng,
Hỡi ôi ! có thấu nỗi lòng cho chăng ?
Thôi đành hãy gió trăng lần-lữa,
Chốn hiên tây nương tựa chút thân.
Một mai mưa móc thấm nhuần,
Hết cơn bĩ-cực đến tuần thái-lai.
Việc nghĩa-vụ hai vai gánh vác,
Chữ hiếu trung ghi tạc dám rời !
Thư-song gặp buổi êm trời,
Ngụ-tình chắp nhặt mấy lời làm khuây.

Vũ-Như-Châu

Hồng lâu oán

(Một đêm tâm sự)

Tối hôm qua đương lúc *tám giờ*,
Em ngồi thơ-thẩn em chờ đợi ai.
Bảy giờ em tựa hiên mai,
Ngọn đèn thấp-thoáng bóng người thướt-tha,
Tam giờ lặng ngắm tố-nga,
Xuân bao nhiêu tuổi xuân già hỡi xuân ?
Chín giờ dạo gót ra sân,
Giời cao đất rộng chút thân giang-hồ !
Mười giờ kể truyện cổ-xưa,
Nửa thương người trước, nửa lo phận mình !
Mười một giờ em ngủ một mình,
Thà như một khối vô-tình thì thôi !
Mười hai giờ sực dạ bồi-hồi,
Chợt mê, chợt tỉnh, chợt ngồi thở than !
Một giờ giọt lệ chứa-chan,
Làm chi đeo kiếp hồng-nhan một đời !

Hai giờ đành cũng nguôi nguôi,
Gượng vui với gối, gượng cười với chăn !
Ba giờ tính việc làm ăn,
Cùng ai sửa túi nưng khăn cũng đành !
Bốn giờ nhớ đức sinh-thành,
Sao cho bên hiếu bên tình vẹn hai ?
Năm giờ biết ngỏ cùng ai,
Vầng đông lác-đác một vài ngôi sao !
Tình riêng liệu nẻo chiêm bao,
Mắt tuy muốn nhắp, dạ nào có khuây !
Thức đêm mới biết đêm chầy,
Mà ba vạn sáu nghìn ngày xiết bao !

Nông-sơn.

Một cái suối kể truyện mình.

Có một cậu học trò, tính thích chơi đùa ; bố mẹ bắt đi học, lấy làm khổ sở buồn bực; thường thường hay chốn học, đi dong chơi.

Một hôm đi chơi, tới một cái suối. Chỗ ấy phong cảnh rất đẹp, nào là cây tốt hoa tươi, nào là chim kêu bướm lượn, cậu ta liền ngồi trên bờ suối mà than thân :

— Cái thân mình nghĩ cũng khổ thực, những chỗ đẹp-đẽ thế này, mà ta không được đi chơi, chỉ cứ ngày nào cũng cắm-cặm cùi-cụi, học thì làm gì ! Nghĩ tiếc quá ! Ước gì ta lại được bé như ngày trước mà chơi !

Nói xong, rồi tựa gốc cây ngồi, vừa nhìn vừa nghe tiếng suối róc-rách bên tai ; được một lát, tự-nhiên hình như suối bảo cậu ta rằng :

— Này, cậu ơi, cậu chớ nên phàn-nàn thế ! Cậu để tôi kể truyện này cậu nghe, mà truyện này lại chính là truyện tôi. Cậu bảo rằng lúc bé cậu sung-sướng, mà bây giờ khổ-sở ; cậu phàn nàn cậu không được bé mãi mà chơi. Thế thì cậu cũng như tôi, cái thân tôi bây giờ cũng chẳng khác gì cậu! Khi tôi còn bé, tôi cũng cực kỳ sung-sướng, thôi thì người nọ nâng niu, kẻ kia bìu gìn, cho tôi biết đi biết chạy. Khi đi đã vững, khi chạy đã nhanh, thôi là tôi đi chơi đi bời dong-dài, chẳng phải làm-lụng gì cả. Nay chỗ này, mai chỗ khác ; hết núi nọ, đến rừng kia. Đi đến đâu cũng có người yêu kẻ mến : nào là cây cối cỏ hoa, bên mình quấn quýt ; thôi thì chim chóc ong bướm, quanh mặt lượn bay ; ngày trông trời, đêm ngắm sao ; rì gió chị trăng, hương thơm sắc đẹp, tục trần chẳng bợn, bụi nào cho đục được mình, thật là sung-sướng vô cùng ! Nào ngờ ngày tháng như thoi, chửa mấy nỗi tôi đã thế này. Đã đành rằng bây giờ tôi cũng chưa đến bước dan-nan khổ-sở, song từ đây trở đi, cũng không còn mong gì được hưởng những cái sung-sướng thuở nhỏ. Thôi cũng sắp sửa phải ra gánh vác việc đời, thì từ đây mà đi, chỉ còn phần khó nhọc, chứ không có phần nhàn-hạ, có phần khổ-sở, chứ không có phần sung-sướng, cái buổi vui dĩ-vãng đi không kéo lại được, mây bay khói tỏa, chỉ còn để lại cho ta một mối tư lường ! Mà cái bước tương-lai thì nào đã biết ra thế nào ! . . . . . Chẳng mấy chốc nữa mà ngày qua tháng chạy, tôi sẽ lớn lên được vào bực « sòng » thì cái thân-thế này chắc sẽ cũng khác hẳn ; cái lạc-thú cũ chắc cũng ngày một xa dần ! Khi bấy giờ chẳng làm gì có cây-cối, có chim-chóc, chẳng còn có lúc nào mà chơi bời, mà đùa hát ! Rồi đó hết đêm ấy sang ngày khác, hết việc nọ đến công kia, nào là chở thuyền chở tàu, nào là tải gỗ tải đá . . . . Ngày đêm quanh quẩn, hỏ dễ phút chốc được yên !

Tuy thân này rồi sẽ cũng là thân nô-lệ cho người, rồi sẽ cũng là thân hữu-dụng ở đời, chắc người đời sẽ cần phải có thân này mới chở được thức nọ thức kia, mới đi được xứ này xứ nọ ; việc canh nông, việc kỹ-nghệ, cũng sẽ nhờ có thân này mới được thịnh-vượng; cơm ăn áo mặc, đồ đựng thức

dùng, rồi cũng nhờ ở thân này mà ra!... Người đời chắc cũng sẽ chẳng coi thường coi khinh được nào. Song thân này nghĩ rồi cũng lắm lúc sẽ chẳng ra gì, làm hại cho người, làm cho tầu đắm thuyền chìm, người trôi của mất, làm cho tan nhà tan cửa, mất mùa mất màng, làm cho cha lìa con, vợ lìa chồng.. Những lúc ấy biết bao nhiêu là người oán kẻ thù, người khinh kẻ rẻ. Rồi mà ngày qua tháng lại, chẳng mấy lúc cái già sồng-sộc đã lại tới nơi! Khi đó rồi lại hồi-tưởng lúc trẻ, đã trải bao nguy-hiểm dan-nan, bao sung sướng khốn-khổ, đi khắp xứ này sang xứ nọ, nhân-tình thế cố, điều lợi điều hại đã trải biết cả, lịch-duyệt đã nhiều, tấm thân đã mỏi, hi-vọng đã hết, chỉ còn cầu cho được yên thân cho trọn ngày; cuộc đời ngắn-ngủi có là bao, chẳng mấy nỗi rồi cũng sẽ về nơi vô-hà-hữu là hết kiếp! Mới biết rằng cái thân mình trời sinh ra chỉ để chịu khổ-sở là nhiều chứ phần sung sướng có được là mấy! Cậu xem đấy thì cái phận cậu với cái phận tôi nào có khác gì nhau! Tôi xin khuyên cậu, chớ phàn-nàn chi thế nữa; cậu phải biết rằng: ông Tạo-hóa đã sinh ra ta, đã đầy-đọa vào chốn bụi trần này, cũng là để cho ta trải những sự khổ, những cái dan-nan; đem thân mà hình-địch cho đời mà gánh vác chung việc đời, trang-trải cái nợ đời, đã có thân ở đời, tránh sao cho được mà trốn thế nào được! Vậy thì phàn-nàn sao được, phàn-nàn nữa mà chi! Tuy nhiên trời bắt ta khổ nhưng giời cũng vẫn lại dành để cho ta phần sung-sướng, duy tìm lấy cái sung-sướng là ở tự ta. Muốn tìm cái sung-sướng, chỉ có một cách, ấy là ta phải làm cho hết bổn-phận mình vậy.

Dương-Trọng-Khiết

HỘI-CHỢ HANOI NĂM NAY LẠI MỞ

Ai cũng nên đến mà xem, từ ngày 10 đến ngày 25

Décembre 1922.

GÁI PHỤC THÙ CHA

(Cô-long-ba thiếu-nữ)

Colomba par **Prosper Mérimée**

Bùi-Huy-Cường dịch-thuật

(Tiếp theo)

Ni-viên trung-tá cứ điềm-nhiên hỏi chàng ít tuổi rằng:

— Thế thầy được hạn nghỉ sáu tháng, trở về làng chơi đó chớ?

— Bẩm ngài không. Họ cách chức tôi, là vì tôi đã có đi trận Va-tê-lô và nhất là vì tôi cùng một nước với Nã-phá-luân hoàng-đế. Nay tôi trở lại quê nhà, thật là nhẹ cả lòng lẫn túi, chao ôi!

Chàng nói vậy, thở dài nhìn lên trời xanh biếc.

Trung-tá thò tay vào túi, lấy ra một đồng tiền vàng, chưa biết dùng câu nói gì mà tặng người kia cho tiện; sau ngài ra giáng vui-vẻ mà rằng:

— Tôi đây, họ cũng cách chức, thầy cai ạ. Song... cái « cách-chức » của tôi thì không quan-hệ gì, chớ như thầy bị cách chức như vậy, chắc thầy không có tiền mua thuốc lá. Vậy tôi đãi thầy đồng tiền, thầy nên cầm lấy này!

Chàng nọ giận đỏ mặt, đứng thẳng người dậy, mắm môi mắm lợi toan những đáp lời của ông quan năm một cách tàn-tệ, sau thốt-nhiên đổi hẳn giáng mặt rồi bựt cười ra sằng-sặc. Quan trung-tá, tay cầm đồng tiền vàng, cứ đứng ngây-ngố người ra.

Sau, chàng trẻ tuổi làm mặt đứng-đắn bảo trung-tá rằng:

— Bẩm quan-lớn, xin ngài cho phép tôi dặn ngài hai điều: một điều là ngài chớ có đem tiền cho người Cocc bao giờ, vì rằng phải tay tôi đó, chớ như phải tay người khác đồng-hương với tôi, mà họ kém lễ-phép hơn tôi, thì họ đã cầm tiền mà ném trả vào mặt ngài rồi. Điều thứ hai là ngài chớ nên dùng những chức-tước hão-huyền mà gọi bậy-bạ những người khác. Thí dụ như tôi đây đã đóng lon trung-úy mà từ nãy đến giờ ngài cứ gọi là cai là bếp mãi. Trung-úy hay cai, bếp, kể cũng không khác nhau xa mấy thật, song...

Quan trung-tá vội kêu:

— Kìa quan trung-úy! kìa quan trung-úy! thế sao khi nãy ông chủ-thuyền lại bảo tôi rằng quan-lớn là cai, chớ không phải là trung-úy, cả đến ông thân-sinh ngài cùng tổ-tiên ngài nữa kia mà?!

Chàng Cocc nghe nói vỡ truyện, ngã ngửa người ra, bựt cười sằng-sặc. Chàng cười vui-thú quá đến nỗi cả chủ-thuyền cùng hai tên thủy-thủ cũng phải ôm bụng cười theo.

Sau chàng nói với trung-tá rằng:

— Xin quan-lớn xá lỗi cho; sự lầm đó rất đỗi buồn cười! Họ-hàng nhà tôi quả có lấy chức cai-trưởng làm vinh-dự thật, song không phải là những thầy cai có đóng lon ở tay áo như ý ngài tưởng vậy đâu. Nguyên năm 1100 sau Thiên-chúa giáng-sinh, tại xứ chúng tôi có một vài nhà quý-phái lạm-dụng quyền-thế mà ức-hiếp

chúng tôi. Những tổng làng cách-mệnh ấy có chọn những tay hào-kiệt làm chủ-trương, nhưng họ không gọi là *cai-trưởng*. Ấy vì thế nên ở cù-lao chúng tôi, ai là dòng-dõi những nhà cai-trưởng ấy vẫn có thể-diện lắm,

Quan trung-tá vội đáp :

— Xin ngài xá lỗi cho ! xin ngài đại-xá cho ! Tôi lầm thế là vì tôi không biết, chắc ngài đã hiểu rõ, chẳng khi nào ngài lại không lượng-xét mà tha thứ cho nhỉ ?

Rồi ngài đưa tay ra bắt tay trung-úy.

Trung-úy cầm chặt lấy tay ngài, mỉn cười một cách vui-vẻ mà rằng :

— Thưa ngài, đó cũng là tại tôi kiêu-ngạo, thực tôi cũng đáng kiếp lắm ; tôi không có một lẽ gì mà căm giận ngài cả. Khi nãy ông bạn Mã-ty tôi đã giới-thiệu tôi cho ngài một cách vụng-về như thế, vậy xin phép ngài để tôi tự giới-thiệu lấy cho đúng với sự thực hơn : tôi là *Liếp-ba*, đi tùng-chinh đã đóng lon trung-úy nhưng nay bị cách-chức trở về cố-quốc. Và tôi trông thấy ngài có đem theo một cặp chó tốt, tôi đoán rằng ngài tới đó để săn bắn chơi bời ; vậy nếu ngài cho tôi được cái danh-dự đưa ngài đi vãng-cảnh những đồi-núi cùng *maky* của cù-lao chúng tôi, thì tôi lấy làm hân-hạnh lắm... Nhưng không biết rằng tôi có còn nhớ những nơi ấy như trước không ?

... Chao ôi !...

Trong khi ấy có một chiếc thoi nhỏ chạm vào cạnh thuyền, Liếp-ba trung-úy phải đưa tay ra giữ Ni-viên thiếu-nữ và đỡ cha nàng đứng tựa vào bên trấn-song cầu. Trung-tá từ nẫy đến giờ vẫn chưa hết ngượng-ngùng về nỗi bạc-đãi một viên võ-sĩ dòng-dõi cai-trưởng đã từng có bẩy trăm năm có lẻ, bèn chẳng đợi hỏi ý con gái, cứ tự-tiện mời trung-úy vào phòng ăn cơm với mình, và lại đưa tay ra bắt tay xin lỗi trung-úy một lần nữa.

Ni-viên tiểu-thư hơi cau nét mặt, song tiểu-thư hiểu biết được cái nghĩa bóng của hai chữ « cai-trưởng » thì cũng không lấy làm giận lắm. Vả chăng chàng trung-úy cũng không làm bận lòng nghịch mắt tiểu-thư mấy, tiểu-thư thường lại coi chàng như một con nhà quý-phái, thì dẫu không bằng mặt cũng bằng lòng đôi chút. Tuy-nhiên, trung-úy đối với tiểu-thư có một sự chưa được mãn-nguyện cho lắm, là trung-úy thực-thà và vui-vẻ quá, trung-úy chưa đóng nổi một vai chính trong bộ tiểu-thuyết của tiểu-thư, thực là một điều đáng tiếc thay !

Ni-viên trung-tá khi ấy tay cầm một cốc rượu *Ma-đe* chào Liếp-ba theo lối Anh-quốc, mà bảo chàng rằng :

— Này, Liếp-ba trung-úy ! Khi tôi đánh trận tại I-pha nho, tôi có được gặp nhiều người đồng-quốc với ngài; thực là một toán bộ-binh giỏi bắn có một.

Thiếu-niên trung-úy đứng-đắn mà đáp lại rằng :

— Bẩm quan lớn, vâng ! Trong đạo binh chúng tôi rất có nhiều người ở tại I-pha-nho.

Trung-tá xoa ngực mà lại nói rằng :

Không bao giờ tôi quên được một người chiến-sĩ can-đảm mà tôi đã cùng giao-chiến với hắn ta ở trận *Vich-tô-ri-a*, ngài ạ. Người ấy đã tự-nhiên khiến tôi phải ghi nhớ vào trong óc. Suốt một ngày hôm đó, cả một toán bộ-binh Coọc nấp trong vườn, chìa súng qua hàng rào mà bắn ra, chúng tôi hại vừa người, vừa ngựa không biết đâu mà kể xiết nữa. Tới

khi chúng tôi thêm binh, toán quân nọ liệu thế hết đường kháng-cự, phải phóng-đại chạy trốn. Khi tới chỗ binh-địa mênh-mang, binh tôi đã cầm chắc trả-thù khi nẫy được, nhưng nào ai có ngờ đâu, những quân tệ ấy, — à quên, những người can-đảm ấy ; xin trung-úy xá lỗi cho tôi nói lầm nhé ! — rán trận thành ra *thế-vuông*, bốn mặt đánh dồn lại, chúng tôi không thể phá vỡ.

Tôi còn nhớ trông thấy ở giữa trận, một viên võ-tướng cưỡi ngựa đen đứng bên lá cờ hút thuốc, nghiêm-nhiên như ngồi ở trong tiệm rượu. Bây giờ tôi còn như vẫn trông thấy hình viên tướng ấy vậy. Thỉnh-thoảng họ lại thổi kèn để chọc tức binh tôi, tôi giận quá, ra hiệu cho hai toán binh đâm sổ vào đánh ; song đánh đã chẳng vào trận được, lại còn phải quay đầu chạy lại, binh tướng rối-loạn tứ-tung, người ngựa chết hại vô-số... Thế mà cái tiếng kèn phải-gió kia vẫn không thấy ngớt...

Đến sau khói lửa vừa tan, tôi vẫn trông thấy võ-tướng đứng bên lá cờ, hút thuốc lá tự-nhiên. Tôi giận điên-tiết quá, tôi nhảy ra đi đầu-quân xông vào trong thế giặc. Súng bên thù vì bắn mãi từ lâu đã đóng cao lại, không sao dùng được nữa, họ bèn tuốt gươm cắm đầu súng để kề trên trán ngựa, sắp làm sáu hàng, coi như cái tường chắn ngang vậy.

Tôi thét lên, tôi quát những binh-tướng của tôi không có can-đảm, tôi dùng ủng thúc mãi ngựa xông vào binh giặc ; nhưng đang lúc ấy tôi thấy viên võ-tướng kia thôi ngậm xì-gà, nhìn một viên lính mà thò tay chỏ tôi, vì khi đó trên đầu tôi có một cái lông ngỗng trắng. Viên ấy bảo gì tên lính không biết ; rồi bỗng nhưng tôi nghe một tiếng súng nổ : một viên đạn đã xuyên qua ngực tôi lúc nào không biết...

Thật là một viên võ-tướng can-đảm ít có, Liếp-ba trung-úy ạ ! Chẳng trách được là binh Coọc cũng phải lắm ! thiên-hạ đồn thực quả không sai !

Liếp-ba nghe truyện, con mắt lóng-lánh như hạt kim-cương, rồi nói :

— Vâng, quân Coọc chúng tôi trong trận đó giữ được thế thủ và cờ-hiệu, song mất có đến hai phần, hiện nay yên giấc trăm năm ở cánh đồng trận-địa ấy.

Thế nay liệu ngài có tinh-cờ biết cái tên võ-tướng đó mà bảo lại cho tôi nhớ không ?

— Thưa ngài, ấy chính cha tôi đấy ! cha tôi hiện lúc bấy giờ đang đóng đội-trưởng, song vì sự hành-động trong buổi chiến-tranh ấy mà được đóng lên tới lon trung-tá.

— Ông thân-sinh ra ngài đó à ! Người can-đảm thật. Ước gì mai tôi lại được gặp người nhỉ ! Chắc tôi còn nhớ mặt người đấy ; nhưng chẳng hay rằng người còn thọ chăng ? thưa ngài !

Liếp-ba sầm mặt đáp rằng :

— Bẩm quan trung-tá, cha tôi chẳng may đã qua đời.

— Thế người có ở trận Va-tê-lô vừa rồi không ?

— Bẩm không, cha tôi không được cái vinh-dự bỏ mình ở nơi chiến-địa. Cha tôi mất ở bên Coọc... đã hai năm nay rồi... Trời ơi, cái bề Địa-trung-hải đẹp-đẽ làm sao nhỉ !

Rồi chàng quay lại hỏi Ni-viên tiểu-thư rằng :

— Thế nào, tiểu-thư có lấy Địa-trung-hải làm đẹp hơn các đại-dương khác chăng ?

— Thưa ngài, bể của ngài khi xanh quá... mà sóng thì kém oai-vệ hơn ngoài đại-dương nhiều.

— Thế ra tiểu-thư thích cái đẹp mọi-rợ lắm nhỉ ! Nếu quả vậy thì xứ Coọc nhà tôi chẳng làm cho tiểu-thư được vừa ý lắm ư !

Trung-tá nói :

— Cháu nó có tính hay ưa những cái gì kỳ-lạ ; ấy cũng vì thế mà đất Ý-đại-lợi không được vừa lòng cháu nó.

Thiếu-niên trung-uý nghe vậy cũng nói rằng :

— Tôi đây chỉ biết có thành Pise, là vì trước tôi có du-học tại đấy ít lâu, nhưng nay tôi không thể nghĩ tới chốn Campo-santo, cái Tour penchée mà không thực lòng ngợi khen được. Ngài với tiểu-thư chẳng hay có còn nhớ cái tượng Tử-thần ở Orcagna không nhỉ ? Cái tượng ấy in sâu vào óc tôi đến nỗi tôi tưởng như tôi có thể vẽ bằng trí nhớ được vậy.

Thiếu-nữ nghe chàng Liếp-ba nói vậy, e cứ để yên thì thế nào chàng chẳng lại kể ra một nút lâu-đài khó chịu nữa, thiếu-nữ bèn ngáp một cái, nói chặn ngay rằng :

— Vâng, những sự ấy đẹp thật ! Nhưng thôi, con xin phép cha, con xuống buồng nghỉ, vì con hơi thấy nhức đầu một chút.

Rồi nàng hôn vào trán cha, cúi đầu chào trung-uý một cách rất đường-bệ rõ-ràng ; xong đâu vào đấy, nàng quay gót trở vào. Tức thì hai viên võ-tướng cùng nhau được tự-do trò truyện về việc săn bắn bây giờ và sự chinh-chiến ngày xưa.

Hỏi ra thì cả hai người đã từng đối-diện nhau ở trước trận-địa và đã từng bắn nhau kể có hàng muôn-ức viên đạn. Hai người càng tỏ tình yêu nhau bao nhiêu thì lại càng nói tăng cái số đạn nhiều lên bấy nhiêu ! Thôi thì hết bẻ-bai Nã-phá-Luân Hoàng-đế, Ven-linh-tôn và Bút-sê Thống-soái, lại rủ nhau đi săn nai, săn lợn, săn múp-phông.

Đến sau, đêm đã mờ-tối, chai rượu Bordeaux đã vừa cạn hết, Ni-viên trung-tá lại nắm tay Liếp-ba võ-sĩ một lần nữa mà chúc chàng về phòng yên-giấc. Ngài lại có ý tỏ cùng chàng biết rằng cũng nhờ có sự tinh-cờ ngộ-nghĩnh ấy mà ngài mong được quen biết thân-mật với chàng kia đấy ! Rồi hai người từ-giã nhau, ai về buồng nấy nghỉ.

III

Đêm hôm mới tốt-đẹp làm sao ! bóng chị Hằng nhẩy cỡn trên làn sóng vỗ, mà con thuyền thì bập-bềnh theo ngọn gió may hiu-hiu thổi lại. Ni-viên thiếu-nữ không buồn ngủ, giá như không có người lạ mặt kia đến quấy rối cái thú đêm thanh trăng sáng nọ thì thiếu-nữ đã tha-hồ mà nhởn-nhơ dưới trăng trước gió, mà cảm-tình lai-láng, mà tư-tưởng mênh-mang... Ấy những con người mà trong lòng có gieo đôi hột « thi-tứ » ai ai cũng mang nặng một mối cảm-tình như thiếu-nữ vậy !

Khi thiếu-nữ chắc rằng Liếp-ba trung-uý đã nằm yên ngủ kỹ như một loài vô-tư-tưởng thì thiếu-nữ sẽ-sẽ đứng dậy, khoác một cái áo ngoài rón-rén đi ra đánh thức con nụ rồi cùng nó bước xuống mạn cầu đứng chơi...

Thiếu-nữ không nhìn thấy ai hết, duy có một tên thủy-thủ ngồi lái, hát một bài-ca bằng tiếng Coọc, nghe rất mọi-rợ và não-nùng. Trong lúc đêm hôm bình-tĩnh, khúc hát li-kỳ của người thủy-thủ nọ có một vẻ lý-thú riêng. Tiếc thay ! Ni-viên tiểu-thư không thể hiểu hết được những câu ca thảm-

thương cảm-động ấy. Trong bài ca, tiểu-thư nghe thấy lắm đoạn tầm-thường, song thỉnh-thoảng lại có xen vào một vài câu rất hùng-hồn ráo-riết, tiểu-thư nghe rất thích-ý, song cái thích-ý không được lâu-dài, là vì chốc-chốc tiểu-thơ lại nghe phải một tiếng lóng không hiểu nghĩa chi hết. Tiểu-thơ chỉ biết rằng cái cốt-chuyện bài ca ấy là do ở một việc giết người. Nào là lúc tiểu-thư nghe thấy những lời nguyền-rủa quân sát-nhân, nào là khi nàng nghe thấy những tiếng đe-dọa đề trả-thù, lúc thì ngợi khen người chết, khi thì khinh-bạc cái sống,... bấy nhiêu cái nghe hỗn-hợp với nhau không còn ra mành-mối làm sao cả. Tiểu-thư chỉ nhớ được mấy câu vặt, ký-giả xin lược-dịch ra đây thử coi :

« ... Dẫu súng-đạn gươm-dáo cũng không làm tái được nét mặt anh-hùng của người ; cái nét mặt của người ấy can-đảm như bãi chiến-trường mà bình-tĩnh như trời mùa hạ. -- Người tức là con chim diều-hâu, bạn của con phượng-hoàng. Đối với bạn thì người ngọt như mật ong mà đối với kẻ thù thì người dữ như bể-sóng. Người cao hơn mặt trời, người nhũn hơn mặt trăng vậy ! -- Cả người quân thù-nghịch với nước Pháp cũng không làm gì được người, thế mà người bị những quân cướp bản-xứ nó giết trộm mất ; rõ thật là một quân hung-đồ hại một người nghĩa-sĩ ! Những quân hung-đồ kia thực không bao giờ còn dám ngửng đầu đứng trước mặt người nữa ! — . . . Hãy đề trên hốc tường ngay ở trước giường ta cái danh-dự bội-tinh mà ta đã vì can-đảm mông-ơn thánh-thượng được ! Cái *băng* mới đỏ thắm làm sao chớ ! Nhưng mà, chao ôi ! — cũng chưa đỏ thắm bằng cái áo lót mình của ta ! — Hỡi con ta ơi ! Hỡi con trai ta con ở xứ xa-lạ kia ơi ! Con phải giữ cẩn-thận lấy cái danh-dự bội-tinh cùng cái *so-my* lưu-huyết của ta nhé ! Vì ở hai cái kỷ-vật ấy có hai lỗ đạn xuyên qua. Mỗi một lỗ ấy là một lỗ mà con phải bắn vào hai cái *so-my* khác đó ! — Nhưng mà chắc con ta có trả-thù được thế không ? — Muốn trả-thù được như thế, thì ít ra cũng phải một tay hào-kiệt, vừa bắn giỏi, vừa ngắm tài, vừa khéo tính nữa mới được... »

Người thủy-thủ hát đến đấy, bỗng nhưng ngừng lại. Ni-viên nữ-sĩ hỏi rằng :

— Vậy chớ sao bác không hát nữa ?

Người thủy-binh không trả lời, gật đầu một cái, trỏ tay lại đằng phía cuối thuyền. Ni-viên tiểu-thơ ngoảnh lại thì thấy ở trong bình-phong ló ra một cái khuôn-mặt tròn-trặn ; ấy là thiếu-niên trung-uý ra ngắm cảnh trăng trong...

Tiểu-thư lại quay đầu về, giục người thủy-binh rằng :

-- Bác cứ hát nốt bài ca thảm-thiết ấy đi.

Người linh-thủy nghiêng đầu ra bên cạnh tai thiếu-nữ mà nói rất se-sẽ rằng :

-- Tôi không nỡ dùng « Linh-bích-cô » mà mắng-rủa ai cả.

-- Thế nào ? Linh . . . gì ?

Người thủy-binh không đáp, mím môi huýt còi.

Liếp-ba trung-uý tiến lại gần Ni-viên tiểu-thư nà nói rằng :

-- Tôi bắt được tiểu-thơ ngắm trộm Địa-trung-hải của chúng tôi đấy nhé ! Thế nào ? Tiểu-thư chịu rằng không đâu trăng được sáng-tỏ như ở chốn này đó không ?

— Thiếp có xem trăng đâu ! Thiếp đang tập nghe tiếng Coọc của Trung-úy đó mà ! Tiếc thay ! người thủy-thủ kia vừa hát một bài bi-kịch trường-ca nghe đang chỗ thú thì hắn ngắt lời...

Người thủy-thủ cúi đầu xuống, làm ra bộ nhìn kỹ vào trong địa-bàn, nhưng kỳ-thực thì thò tay ra kéo áo cô Ni-viên một cái cực mạnh. Hắn kéo thế nghĩa là bài ca kia không thể hát ở trước mặt Liếp-ba Trung-úy được vậy.

Trung-úy hỏi người thủy-thủ :

Bảo-lô ! bác hát gì đấy ? bác hát khúc *Ba-ta-la*, hay khúc *Vô-sô-lô* (1) đấy ! Tiểu-thư nghe hiểu câu ca của bác, muốn nghe bác hát nốt đấy ! Bác nên hát nữa đi.

Người thủ-thủy liền đáp :

— Tôi quên dứt mất rồi, Trung-úy ạ.

Rồi hắn ngâm khúc thánh-ca, nghe vang cả óc.

Ni-viên nữ-sĩ không chú-ý nghe hát, nhưng cũng không nóng lòng muốn biết cái tiếng *Linh-bích-cô* bí-mật kia nghĩa là gì ; vì vậy nàng đành tâm phải để đến lúc khác ngỏ lời hỏi người thủy-binh nọ cho rõ nghĩa vậy. Nhưng con hủ của tiểu-thư, vốn người Pho-lăng, nghe tiếng lóng Coọc cũng hiểu mập-mờ như tiểu-thư, nên cũng sốt ruột muốn biết ngay nghĩa chữ *Linh-bích-cô* ấy, bèn không để cho Tiểu-thư kịp thích cánh tay vào cạnh sườn mình, hỏi ngay Trung-úy rằng : « Bẩm quan Trung-úy, *Linh-bích-cô* (2) nghĩa là gì ạ ? »

(1) Tục bên Coọc, hễ khi có người chết, mà nhất là khi có người bị giết thì gia-nhân thường để lên một cái bàn, bao nhiêu đàn bà con gái ở trong họ, hay bạn bè đàn-bà cũng được, hay những con gái xa-lạ khác nổi tiếng thi-ca cũng được, đến đứng xung-quanh cả hai bên bàn mà hát khúc « tử ca » nghe rất não-nùng thảm-thiết. Những khúc hát ấy thường gọi là *Ba-ta-la* hay là *Vô-sô-lô*. Cũng có khi cả bầy nhiều người đàn-bà lần lượt nhau hát khúc tử-ca ; nhưng lại cũng có một vài phen, chính con gái đứng ngâm khúc ca ai-oán ở trước linh-cữu ông bố nằm đấy.

(2) Linh-bích-cô, (rimbecco) do ở tiếng Ý địa-lợi, nghĩa là đuổi đi, quẳng vào mặt ấy. Theo tiếng lóng Coọc, thì tiếng ấy nghĩa là chửi-rủa tàn tệ một người nào ở trước mặt công chúng. Họ hay dùng tiếng Linh bích-cô mà nhiếc những người con chưa trả-thù được cho bố bị kẻ khác giết. Tiếng ấy thường dùng để tặng những người nào chưa lấy hầu kẻ nghịch rửa thù được.

Liếp-ba võ-sĩ đáp :

Linh bích-cô ấy à ! Linh-bích-cô là một câu chửi tàn-tệ nhất ở xứ Coọc; chửi rủa một người Coọc không trả-thù được mà dùng đến tiếng ấy là độc-ác lắm đó ! Ai nói tiếng Linh-bích-cô với em thế vậy ?

Ni-viên tiểu-thư vội-vàng đáp chặn ngay rằng :

— Ông chủ-thuyền hôm qua ở Mạc-xây có dùng tiếng ấy nói cho thầy-trò tôi nghe đó, Trung-úy ạ !

Liếp-ba hằng-hái hỏi rằng :

— Thế ông ấy nói chuyện về ai mà lại dùng tiếng chửi ấy ?

— Ông ấy kể cho tôi nghe một truyện cổ-tích đấy mà ! . . . Truyện từ đời .., à, phải, truyện *Ô-na-nô* ấy mà !

— Thưa tiểu-thư, tôi thiết tưởng rằng Ô-na-nô bị chết cũng khiến cho tiểu-thư ác-cảm với người đồng-bang tôi là *Sam-bi-lô* đấy nhỉ ?

— Nhưng mà quan trung-úy ngài lấy sự giết người của Sam-bi-lô là hảo lắm hay sao vậy ?

Sam-bi-lô tội phạm tội sát-nhân, chẳng qua là lỗi tại những phong-tục giả man trong thời buổi ấy. Vả chăng, khi đó Sam-bi-lô đang tranh-chiến với quân Giê-noa, thế mà Ô-na-nô lại một-giao với quân giặc, vì Sam-bi-lô không giết Ô-na-nô thì khỏi nào chẳng mất lòng tin-cậy của binh-sĩ được !

Người thủy-thủ nói góp rằng :

— Ô na-nô trốn chồng mà đi, Sam-bi-lô bóp cổ nàng chết là phải lắm.

Ni-viên bẻ lại :

— Nhưng mà nàng đi thế là chính nàng yêu chồng, nàng muốn cứu chồng nên nàng mới mò-mẫm đi sang xứ Giê-noa xin lỗi cho chồng thoát nạn đấy, chớ !

Liếp-ba vội kêu lên rằng :

— Kêu-van cho chồng thế à ? Thế gọi là bôi nhọ vào mặt chồng chớ không thể cho là kêu-van hộ chồng được !

Tiểu-thư lại nói tiếp :

— Nhưng mà tự tay mình giết vợ thì gớm thật, tai-ác thật !

— Nhưng tiểu-thư lại nên biết rằng chính nàng cầu được chết về tay chồng nàng kia đó . . . Thế như Ô-tiên-lô thì tiểu-thư cũng coi là tay gớm-ghê tai-ác sao ?

— Hai người ấy khác nhau biết bao ! Ô-tiên-lô thì chỉ phải cái tội đa-ghen thôi, chớ như Sam-bi-lô thì lại kiêu-ngạo nữa kia !

— Vậy chớ ghen-tuông há không phải là kiêu-ngạo ư ? Hay là vì Ô-tiên-lô kiêu-ngạo vì ái-tình mà tiểu-thư rộng dong cho hắn ta đó ?

Ni-viên nữ-sĩ nhìn Liếp-ba trung-úy một cách rất cao-kiến, rồi quay lại hỏi người thủy-thủ, bao giờ thì đò mới tới bến ?

Người nọ đáp :

— Nếu gió cứ thổi được như thế này mãi thì ngày kia thuyền có thể tới bến được, thưa tiểu-thư ạ !

— Nay ta đã có ý muốn tới thăm phong-cảnh A-giác-xi-ô rồi; cái thuyền này ta lấy làm khó-chịu lắm !

Nàng nói xong đứng dậy, tựa vào tay con nhài rồi rảo bước đi trên mạn cầu. Liếp-ba đứng ngây người ra, chẳng biết nên bước theo nàng hay là nên ở lại cho dứt đứt câu truyện ấy đi, vì câu truyện ấy làm cho mích-lòng nàng.

Còn người thủy-thủ thì cất tiếng nói :

— Cô ả đẹp-đẽ làm sao ! Nếu tất cả những con rệp ở giường ta mà được giống như ả thì ta bị chúng đốt cũng chẳng lấy làm phàn-nàn nữa !

Có dễ Ni-viên thiếu-nữ nghe tiếng người lính nọ khen nhan-sắc mình một cách chân thật vụng-về quá như thế thật, là vì ta thấy thiếu-nữ ra ý giận-dữ, chỉ trong dây-phút đã bước vào tới trong phòng riêng rồi.

Chẳng bao lâu, Liếp-ba cũng về buồng nghỉ.

Chàng vừa dời chân mạn tầu xong, con nhài tiểu-thư ở đâu đã hiện đến. Nó hỏi cặn-kẽ người thủy-thủ rồi trở lại thuật cùng tiểu-thư rằng :

« Khúc Ba-la-ta đang hát, nhưng thấy Liếp-ba trung-úy đến phải ngừng lại, là vì khúc hát ấy chính là khúc hát tặng ông thân-sinh ra trung úy là Liếp-ba trung-tá, bị kẻ thù giết được hai năm nay rồi.

« Người thủy-thủ lại yên trí rằng trung-úy trở về bản-quốc là mục-đích để báo-thù cho cha; và như thế chắc chẳng bao lâu lại được thấy thịt tươi rải-rắc ở trong làng xóm.

« Vốn tòa-án nghi cho mấy tên giết chết Liếp-ba trung-tá, nhưng mấy tên ấy trắng án như tờ, là vì chúng có quyền-thế, những quan tòa, những thầy cãi, những phủ huyện sen-đầm cũng ở trong tay chúng cả. Vì vậy, người thủy-binh chắc rằng phen này thiếu-niên trung-úy trở về quê-hương là cốt để trả-thù mấy tên khả-nghi ấy đó.

« Thưa tiểu-thư, người lính ấy lại còn bảo con rằng : ở xứ Coọc này không có tòa án trừng-trị chi hết ; hắn dùng một khẩu súng lại thấy có thú-vị hơn một viên-chức trong Triều-chính nhiều ! Khi ta có một người thù, ta chỉ nên trọn lấy hoặc khẩu súng, hoặc dao-găm, hoặc tẩu-thoát là hơn cả. »

Tiểu-thư nghe chuyện con nhài thuật lại lấy làm thích-ý, bao nhiêu những ác-cảm đối với trung-úy đổi ra những cảm-tình chân-trọng và ân-ái hết . . . . . .

(Còn nữa)

CHUỖI HỘT KIM-CƯƠNG

Đây là truyện một cô con gái cùng một hạng với những cô con gái xinh đẹp kia vì lỗi số thiên-đình nên phải thác sinh vào những nhà thuyền thợ.

Cô vì vốn-liếng không, cho nên hi-vọng cũng chẳng có gì; không có cách nào để cho người biết đến, hoặc thương yêu cùng, hay là để lấy được ông chồng giầu-sang danh-giá. Bởi vậy nên cô đành phải kết duyên với một thầy ký nọ ở trong Bộ-học.

Cô phải ăn vận tầm-thường không được điểm-trang, nên cô tự lấy làm khốn-khổ nhường như con nhà phải xa-sút vậy. Cái đó cũng bởi phần nhiều đàn-bà không có bậc hạng nào cả; chỉ nhờ ở cái mầu da tuyết, cái mái tóc mây, hình-dung giáng-điệu dùng làm nền-nếp vậy. Cái tính nết khôn-ngoan ông trời đã phú, lại thêm dáng người óng-ả, tư-chất thông-minh, hình-dung yểu-điệu; ấy tất cả những cái đó đều là thang mây của hạng như cô, khiến cho con nhà thường dân được ngang hàng với những con nhà thế-phiệt.

Cô đau-đớn khôn cùng, vẫn đinh-ninh rằng mình sinh ra để hưởng những sự hào-hoa phong-nhã; ai hay lại gặp phải cái cảnh-ngộ trêu ngươi. Ở thời ở thuê, nhà gianh chật hẹp, tường vôi nhem-nhuốc, đồ đạc tồi-tàn. Những cái đó đối với một người đàn-bà khác thuộc về hạng cô thời không sao, nhưng đối với cô thời thực là đầy lòng đê-nhục. Cái cảnh-tượng một người con gái sứ Bơ-tông làm lụng lần lút trong nhà khiến cho cô thương-tiếc âu-sầu gây nên những gấc mơ-màng hoảng-hốt. Cô mơ-tưởng đến những cửa-các phòng-khuê, sập chân-quỳ, đệm gấm, câu-đối vóc, quấn-thư vàng, đèn pha-lê cao dọi, cùng những kẻ hầu người hạ lấp-nập trong nhà, kẻ đứng người ngồi ngả nghiêng ở trên những ghế bành khảm trạm, mà khí ấm lò sưởi đã làm cho phảng-phất giấc mai. Cô lại mơ đến những phòng loan gác nguyệt, trong phòng thời trang hoàng rặt những vóc lụa cổ xưa, cùng tủ khảm trai, giá trạm bóng, trên bầy rặt những đồ châu-báu.

Cô lại còn mơ-tưởng cả đến những phòng khách xinh-xinh hương hoa sực-nức, cứ đến hồi năm sáu giờ chiều thời thù-tiếp những bạn thân, mà là những bạn đàn-ông danh-tiếng trong xã-hội, đàn-bà ai cũng ước ao muốn được thừa-nhan.

Đến khi cô ngồi bàn ăn, bàn tròn trên phủ cái khăn bàn dùng đã từ ba bốn hôm trước, cô ngồi đối-diện với đức ông chồng. Cô thấy thầy mở đĩa đồ ăn có vẻ hí-hả khen ngon. Cô thấy vậy cô mơ-tưởng ngay đến mâm cơm lịch-sự đồ dùng toàn bằng vàng bạc sáng-trưng ăn ở trong buồng ăn treo đầy những đồ thêu vóc nhiều; trông tưởng như phượng múa trong nhà, rồng chầu bên vách. Thức ăn thời rặt những cao-lương mỹ-vị; bên tai nghe toàn những câu cười tiếng nói thì-thào của những quý-khách ngồi ăn.

Đến những đồ nữ-trang thời hiện chẳng có một thi gì, nhưng cô rất thích. Cô tưởng như cô sinh ra chỉ riêng để hưởng những cái đó. Cô muốn được người yêu, người chuộng, người mê-mẩn, người ước-ao cô.

Cô có một người bạn đồng-học rất thân, nhưng vì người bạn ấy giầu nên cô ít đến thăm. Hoặc có khi nào cô lạc bước đến chơi, lúc trở về cô lấy làm đau-đớn.

Có khi cô khóc suốt mấy ngày, như âu-sầu, như thương-tiếc, như thất-vọng, như khốn-cùng.

Một buổi chiều kia, thầy đi làm về, tay cầm một phong thơ, mặt mũi hớn-hở lấy làm đắc-ý. Thầy bảo cô:

Này mợ, cái này phần mợ đây, cầm lấy.

Cô vội-vã bóc phong thơ rút ra một cái các có những chữ in như sau này.

« Quan Học-bộ Thượng-thư cùng phu-nhân có lời mời thầy cùng cô Loan-sinh đến dự cuộc buổi chiều ngày thứ hai 18 tháng giêng tại Bộ Học. . . »

Không những là cô Loan-Sinh không lấy làm vui-vẻ như thầy đã ước-ao, cô lại còn ném ngay cái các lên bàn rồi lẩm-bẩm rằng:

— Cậu muốn cho tôi làm gì bằng cái này?

— Kìa mợ, tôi tưởng mợ bằng lòng lắm thời phải, mợ không ra ngoài mấy khi, nhân nay sẵn dịp mà lại là một dịp rất tốt chớ sao. Tôi cầy-cục mãi mới được, cái ấy quý lắm kia đấy, mợ phải hiểu rằng ai cũng muốn xin, mà vả lại người ta ít phát cho những hạng thông-ngôn ký-lục như mình. Mợ tới đấy sẽ được xem đủ mặt các quan.

Cô nghe thầy nói con mắt cô lườm lườm căm-tức sau cẩu lên rằng:

— Cậu muốn cho tôi khoác cái gì lên vai mà tới đấy?

Thầy không nghĩ đến điều đó nên nói nhỏ rằng:

— Thế thì cái áo mợ vẫn mặc đi xem hát là gì. Cứ ý tôi tưởng như thế cũng đã là lịch-sự.

Thầy đang nói chưa dứt lời, bỗng im, phân-vân, ngơ-ngác vì trông ra thấy cô ta khóc. Thành thử hai hạt nước mắt thầy cũng tự-dưng từ đuôi con mắt chảy thẳng xuống mồm, rồi lại vuốt-ve cô rằng:

— Sao thế mợ, mợ làm sao, việc gì mà mợ khóc thế!

Cô bèn cố sức cầm lòng ngậm đắng nuốt cay, gạt nước mắt mà đáp lại một cách dịu-dàng rằng:

— Không mà, không việc gì cả. Nhưng tôi không đi dự cuộc ấy đâu. Tôi không có sống-áo. Cậu lấy cái các ấy đem cho bạn cậu, xem người nào vợ người ta có sống-áo ăn vận hơn tôi thì cho.

Thầy nghe lấy làm buồn bực bèn nói:

— Mợ Mai thiền ơi! Vậy, một bộ sống-áo tử-tế mất độ bao nhiêu, một bộ xoàng thôi mà lại có thể dùng được cả những lúc khác nữa.

Cô bèn nghĩ trong giây phút, tính đi tính lại và nhất là nghĩ đến cái số tiền cô có thể hỏi thầy mà thầy không thể từ-chối, hoặc kinh-hãi, vì thầy vốn cần-kiệm xưa nay. Sau cô bèn nói do-dự rằng:

— Tôi không biết đích, thế nhưng mà vào cái khoảng bốn trăm quan thời dễ có thể được.

Thầy hơi thất sắc mặt một chút, vì thầy dành-dụm từ xưa tới nay, vừa tới nay vừa được đúng cái số đó, thầy những toan mua một khẩu súng định đến hè sang năm xuống cánh-đồng Hàng-địa săn bắn với mấy người bạn thân thường cứ chủ-nhật họ hay đến bắn chim sẻ-đồng ở đấy.

Tuy nhiên thầy cũng ưng cho cô món tiền đó.

Được, rồi tôi cho mợ bốn trăm quan nhưng mợ phải liệu may lấy cái áo thật đẹp kia đấy.

Ngày hội sắp tới, tuy rằng sống-áo đã xong, thế mà cô Loan-sinh vẫn hình như là bực-dọc, lo-phiền.

Thầy thấy vậy, một buổi chiều kia hỏi cô rằng :

— Chẳng hay làm sao ba bốn ngày hôm nay mợ như ngây như dại làm vậy ?

Cô đáp :

— Tôi phiền lắm cậu ạ, vì tôi không có lấy một thứ gì mà đeo vào người, hột đã không, hoa cũng chẳng có, trông rõ tiều-tụy quá ! Chẳng thà đừng đi.

Thầy nói :

— Thế thời mợ đeo hoa thật, đeo hoa thật về mùa này càng đẹp chớ sao. Độ chừng mười quan mợ sẽ được hai ba cành hồng thật đẹp.

Nhưng cô không nghe.

Không, cô bảo chẳng gì nhục bằng đến trước những người đàn-bà giầu-có mà mình lại ra dáng nghèo khổ.

Nhưng sau thầy reo lên rằng :

Sao mà mợ ngu thế ! Đi lại đằng bà Hàn mà hỏi mượn đồ tư-trang, mợ thân với bà ấy lắm, chắc là mượn được chớ gì.

— À phải đấy, tôi quên bẵng đi mất không nghĩ ra.

Hôm sau cô lại chơi nhà bà Hàn và kể-lể nỗi mình.

Bà Hàn ra tủ gương lấy một cái tráp lớn mang lại rồi mở tráp ra và bảo cô Loan-sinh rằng :

— Đây, chị chọn đi.

Cô Loan-sinh thoạt tiên trông thấy mấy chiếc xuyến, một cái vòng cổ bằng hạt-trai và nhiều thức khác nữa. Cô đeo thử các thức ở trước cái gương lớn, do-dự không muốn, rồi mà cũng chẳng muốn trả lại, miệng hỏi bà Hàn luôn luôn rằng :

Thế chị không còn thức khác à ?

— Thiếu gì, chị tìm lấy chớ tôi biết chị thích thứ nào. Một chốc cô tìm thấy ở trong một cái hộp bọc sa-tanh đen, một chuỗi hột kim-cương đẹp lạ đẹp lùng, làm cho cô sướng mê sướng mẩn, trống ngực đánh thòm-thòm. Cô cầm chuỗi hột tay run đây-đẩy.

Đoạn cô hơi có ý ngập-ngừng lo sợ :

Chị có thể cho tôi mượn cái chuỗi hột này không ? Chỉ có một chuỗi hột này không thôi.

— Có thể lắm.

Cô Loan-sinh bèn ôm lấy cổ bạn hôn lấy hôn để, rồi mang chuỗi hột ra về.

Ngày hội đến, cô Loan-sinh đại-thắng. Cô đẹp hơn cả, lịch-sự hơn cả, cô tươi-cười và vui-vẻ quá, gần hóa ra điên. Hết cả mọi người đều trông cô, hỏi tên cô, và tìm đến để xin được giới-thiệu cùng cô. Tất cả các quan-lại trong Bộ học đều muốn nhảy đầm cùng cô.

Cô nhảy như say như tỉnh, như giận-dữ, như mê-man vì sự thích chẳng còn tưởng gì cả, như nhảy ở trong sự toàn-thắng của cái đẹp, trong cái danh-tiếng của sự toàn-thắng ; trong một thứ mày hạnh-phúc, làm toàn bằng những lời ca-tụng, tiếng tăng-bốc, những tình-dục nồng-nàn, mà toàn-thắng ấy rất là hoàn-toàn rất là êm-ái cho tâm-tình đàn-bà.

Lúc cô trở ra về vào khoảng bốn giờ sáng. Thầy thời ngủ từ nửa đêm ở trong một gian buồng khách hẹp vắng tanh với mấy thầy khác mà các bà vợ cũng vào hạng chơi-bời nổi tiếng.

Thầy đã mang sẵn những áo mặc thường đợi lúc tan cuộc đưa cho cô khoác về kẻo lạnh ; nhưng cô biết thế, nên sợ mà lánh đi, vì những cái áo đó đối với bộ áo mặc trong cuộc nhảy đầm thời nó khác nhau xa quá, như trên trời dưới biển vậy. Một đằng thời quá ư tâm-thường, một đằng thời quá ư hoa-mỹ, nên cô e những bà khác trông thấy chăng, họ lúc ra về khoác toàn những áo khoác ngoài bằng các thứ lông chiên, lông hoẵng sa-phi bảnh-bao.

Thầy thấy vậy giữ cô lại mà rằng :

— Mợ đợi đấy mợ. Ra bây giờ lạnh. Để tôi đi gọi xe cho đã. Nhưng cô nào có nghe cứ cắm cổ xuống thang cho chóng.

Thầy cô khi ra tới ngoài phố thời chẳng có hơi một chiếc xe nào cả. Bấy giờ mới tìm gọi om-sòm những xe trống thấy ở đằng xa. Sau tìm thấy một cái rất tồi-tàn, vào hạng xe mà chỉ có thể gặp từ lúc nhá-nhem tối, vì hình như những xe ấy đòi-tệ quá lắm nên chỉ trong buổi ban ngày tự lấy làm thẹn mà không ra. Xe kéo thầy cô về tới tận cửa. Thầy cô vào nhà ra chiều phiền-muộn. Phần cô thời-thôi thế là xong. Còn thầy thời lo sao mười giờ sáng mai đã phải có mặt ở trong Bộ.

Vào tới trong buồng, cô liền bỏ áo khoác ngoài ra đứng trước gương để được ngắm mình một lần nữa ở trong sự vẻ-vang, nhưng chao ôi ! vui thời vui phỏng có bao, mà nỡ để cái buồn sao buồn lạ. Cô bỗng kêu lên. Thời ra cái chuỗi hạt kim-cương chẳng hay thật hay là giả kia đã phụ ngay cô, từ giã cổ cô mà đi vui thú ở đâu không biết. Cô kêu, cái tiếng kêu hoảng-hốt làm cho thầy đã cởi hết nửa quần áo ra rồi cũng phải lóp-ngóp dậy hỏi cô duyên-cớ làm sao.

Cô hất-hơ hất-hải :

— Tôi tôi . . . . . tôi mất mất cái chuỗi kim-cương của bà Hàn rồi.

Thầy liền đứng phắt dậy, ngơ-ngác hỏi :

— Sao ? Thế nào ? Không có lẽ !

Rồi thầy cô đi lục ở trong nếp áo, trong túi và tìm khắp mọi nơi, nhưng nào có thấy đâu !

Thầy hỏi :

— Thế mợ có chắc còn sau khi tan cuộc không ?

— Có, tôi còn sờ thấy ở trong phòng Bộ kia mà !

— Không có lẽ ; nếu mợ đánh mất ở đường thời đã nghe thấy tiếng rơi. Chắc là nó rơi ở trong xe.

— Ừ, dễ thật đấy ! Thế cậu có nhớ số xe không ?

— Không, thế mợ cũng không trông à ?

— Không.

Rồi thầy cô đứng trông nhau. Đoạn thầy mặc áo vào, nói với cô rằng :

— Tôi thử đi lại con đường mà chúng mình đã đi bộ hồi nãy để xem họa có thấy không ?

Nói rồi đi ra.

Cô thời vẫn ăn-vận quần áo buổi chiều, không còn sức để đi nằm nghỉ, bèn gục xuống ghế, không còn một tí tinh-thần tư-tưởng nào nữa.

Đến mãi bảy giờ sáng, thầy mới trở về mà cũng chẳng tìm thấy gì cả. Rồi lại đi ra trình Cẩm, vào các báo, hứa thưởng cho kẻ nào bắt được, ra các hiệu cho thuê xe và đi khắp các nơi mà ngờ có hi-vọng tìm thấy.

Cô đợi ở nhà suốt ngày, ngong-ngóng và cũng bối-rối như thầy ở trước cái cảnh-ngộ nguy-khốn ấy. Mãi tới chiều tối, thầy Loan-sinh mới về, vẫn chẳng thấy gì cả ; mặt thời hốc-hác ra, mầu da tái ngắt.

Thầy nói :

— Mợ phải viết thơ cho bạn mợ nói rằng mợ đánh gẫy cái thìa khóa chuỗi

hột kim-cương, nên mợ còn phải mang đi chữa lại. Như thế để có thời giờ mà xoay vậy.

Cô đành phải viết theo lời thày đọc.

Trong một tuần-le, thày cô hết đường hi-vọng.

Thày Loan - sinh trông già hẳn đi mất năm phần.

Thày nói :

— Bây giờ phải tìm cách mua đền cái đó vậy. Ngày hôm sau, thày cô lấy cái hộp đựng chuỗi đó đem đến nhà hàng vàng có tên hiệu trong hộp hỏi mua. Nhà hàng lục sổ ra nói với cô rằng :

— Thưa bà, nhà tôi không bán cái chuỗi này, nhà tôi chỉ bán cái hộp không thôi.

Thế rồi thày cô cứ đi hết hàng này sang hàng nọ tìm chuỗi hột giống chuỗi hột kia. Thày cô tra khảo mãi trong trí nhớ, trông cùng ốm giờ vì nỗi buồn rầu lo sợ.

Mãi sau mới thấy ở một cửa hàng tại phố Cung - vua có bầy một chuỗi hột kim-cương mà thày cô tưởng giống như chuỗi hột mất.

Thật giả nó bốn vạn quan, nhưng nhà hàng để rẻ cho ba vạn sáu.

Thày cô bèn nói với nhà hàng để đợi trong ba ngày đừng bán cho ai vội và mà-cả rằng : hễ từ giờ đến cuối tháng hai mà tìm thấy cái kia thì nhà hàng phải lấy lại cái giá ba vạn tư.

Loan-sinh có được vạn tám của ông cha để lại. Còn thiếu-thốn bao nhiêu đâm đi vay lãi. Thế là thày đã bước vào tròng rồi vậy . . . . . Thày đi vay người này một nghìn, người kia năm trăm, chỗ năm chục, chỗ ba chục. Chỗ thì làm giấy nhận, chỗ phải viết văn-tự, cầm cái nọ, gán cái kia ; thậm-chí phải ngửa tay cả với bọn sét - ty là giống trùng hút máu.

Thế là từ đấy thày hủy-hoại mất cả một đời thày, thôi thì kỳ liều kỳ lĩnh, chẳng biết rồi sau có thể trả được không ? Thày kinh hãi lo buồn về cái tương-lai của thày, thày nghĩ tới con ác thú chủ-nợ, con quỷ-dữ khốn cùng nó áp đến bắt thày ; hình như thày trông thấy cả những cảnh-tượng tiêu-điều, những nông nỗi khổ-tâm : thôi thì nhịn thức này, đừng thức nọ, vân vân . . .

Thế rồi thày đem ba vạn sáu ra đưa cho nhà hàng mà lấy chuỗi kim-cương,

Khi cô Loan-sinh đem trả chuỗi hột cho bà Hàn, bà có ý không bằng lòng, bà nói :

— Đáng lẽ chị đem trả tôi sớm hơn thì phải, vì tôi cần đến.

Bà nói xong cũng chẳng mở hộp ra xem, làm cho cô càng ngần-ngại. Nếu sau này, bà rõ rằng cô trả bà chuỗi khác thì bà sẽ nghĩ sao ? Bà sẽ nói thế nào ? Bà lại không nghi cho cô là phường lừa-đảo hay sao ?

* * *

Cô Loan-sinh từ bấy giờ trở đi được nếm-trải cái cảnh đời điêu-đứng của những hạng người quẫn-bách, cô bèn nhất-quyết định phương-châm một cách can-đảm : là phải lo trả cái nợ ghê-gớm kia. Nhưng rồi cô sẽ trả. Vậy thời trước hết cô phải cho đứa ở về, đi thuê nhà khác, mà là một gian nhà tồi nát cho đỡ tốn tiền.

Cô bắt đầu thi-hành những bổn-phận nặng-nề ở trong nhà, những công-việc nhem-nhuốc ở dưới bếp : rửa bát cọ nồi. Bàn tay nuồn-nuột kia, móng tay hồng-hồng kia phải dùng mà cậy trảo, lau niêu, thôi thì rặt sống rũ áo, rặt-rịa cả khăn bàn, khăn bếp, rặt xong rồi phơi. Mỗi buổi sáng lại phải xuống đường đổ rác, sách nước lên nhà, đi mỗi cầu

thang lại phải nghỉ để thở. Ăn-vận thời theo lối cục-kịch quê-mùa, cắp rổ đi chợ, vào hàng này ra hàng nọ, mua bán mà-cả, chửi-rủa, dằng-co, chắt-bóp từng đồng xu, đồng kẽm.

Tiền vay thời mỗi tháng trả món này, khất món nọ để cho nó thêm dài ngày.

Thầy thời buổi chiều đi làm thêm, tính sổ-sách cho một cửa hàng nhỏ, thật là đầu tắt, mặt tối, thế mà thường tối đến, lại còn đi viết mướn năm xu một trang.

Ấy trong khoảng mười năm trời, thầy cô phải đầy-ải cái kiếp người như vậy.

Song mười năm thầy cô trả hết nợ, hết sạch cả vốn lẫn lãi, lãi gốc cho chí lãi ngọn, lãi chồng lãi chất, cả những thứ lãi mà quân sét-ty nó bóp, nó rút người vay chẳng khác nào như giống côn-trùng nó hút khí-huyết người ta vậy.

Đến bấy giờ cô Loan-sinh trông người già sọm, cô trở nên một người đàn-bà vừa thô vừa cứng, vừa tất-tưởi như hạng người mà ta thường thấy trong những gia-đình nghèo-khó. Đầu tóc biếng chải, sống-áo tả-tơi, chân tay đỏ lừng, đến cái tiếng nói cũng to, mà ván sàn phải rửa lấy.

Nhưng một đôi khi thầy đi làm vắng, cô một mình ngồi tựa bên song, hồi-tưởng đến cái buổi chiều ngày nọ, ở trong cuộc nhảy đầm kia, hồi bấy giờ cô trẻ biết bao ! cô đẹp biết bao ! cô chơi-bời vui-vẻ biết bao !

Nếu cô không đánh mất cái chuỗi hột kim-cương kia thời bây giờ cô sẽ ra sao ? Biết đâu ? Biết đâu được cái cuộc đời nó khi-khu thay ! nó biến đổi thay ! chỉ có một tí cũng đủ làm hại ta hay là cứu-vớt ta vậy.

* * *

Một ngày chủ-nhật kia, nhân cô đi chơi ở vườn *È-li-dê* để giải-trí trong suốt một tuần-lễ làm việc nhọc-nhằn, cô trông xa thấy có một người đàn-bà tay dắt đứa trẻ. Người đàn-bà đó là ai ? Chính là bà Hàn-lâm vậy. Bà trông người vẫn còn trẻ, vẫn còn đẹp, vẫn còn đáng yêu.

Cô Loan-sinh lấy làm cảm-động ; cô ra nói với bà chăng ? Hẳn chớ lại ? Bấy giờ cô trả xong cả rồi, cô nói hết đầu đuôi chớ sao ?

Nghĩ thế, cô bèn lại gần bà Hàn.

Bà kia không nhận ra ai, thấy một người quê-kịch gọi mình một cách thân-mật, lấy làm lạ, bèn đáp nhỏ rằng :

— Thưa bà, song... tôi không biết... Chắc là bà lầm..!

— Không mà ! Tôi là Mai-thiền Loan-sinh đây mà.

Bạn cô bèn kêu lên rằng :

— Ôi ! chị Mai-thiền ơi ! sao mà chị khác lạ đi nhường này !

— Phải, từ khi tôi thôi lại chơi chị ; ấy từ đấy tôi vất-vả quá, chị ạ ! Tôi gặp phải nhiều cảnh-ngộ điêu-đứng quá ; mà cái đó cũng là vì chị.

— Vì tôi..! Tại sao vậy ?

Thế chị có nhớ chuỗi hột kim-cương của chị cho tôi mượn để đi dự hội trong Bộ học không ?

Có, thế sao ?

— Thế tôi đánh mất chớ sao !

— Có lẽ đâu, vì chị đã đem trả tôi rồi mà !

— Đó là tôi mang trả chị cái khác cũng giống như cái ấy đấy . Ấy vừa vặn mười năm trời tôi mới trả xong cái nợ ấy. Chị cũng hiểu cái đó đối với chúng tôi không phải là dễ, vì chúng tôi thật là bần-bách quá chừng. Thôi thế nhưng mà việc cũng đã rồi ; vả tôi cũng đã cầm lòng cam chịu.

Bà Hàn đang đi đứng ngừng ngay lại mà rằng :

— Chị nói mua chuỗi hột kim-cương đền tôi à ?

— Phải thế dễ chị không biết hẳn? Nó giống như hệt.

Đoạn rồi có nhoẻn miệng cười, ra ý vui-vẻ tự-đắc ; nhưng trong có vẻ khờ dại thực-thà.

Bà Hàn cảm-động quá, nắm lấy tay cô mà rằng :

— Chị Mai-thiền ơi ! thế nhưng mà của tôi là chuỗi hột giả, bất-quá nó chỉ độ năm trăm quan là cùng...

(Guy de Maupassant)

Vũ-Văn-Định dịch

THỜI-ĐÀM

Bắc kỳ Tư-vấn nghị-viện

Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ đã hội-nghị sáng hôm 2 Octobre 1922 hồi 9 giờ tại Nhạc-hội Tây ở phố Hoàn-kiếm, có quan Thống-sứ Monguillot chủ-tọa. Đến dự hội có quan Đồng-lý Poulin phủ Thống-sứ, quan Cai-trị Alberty, chánh văn-phòng quan Thống-sứ, quan Cai-trị Géhin chánh tòa nhì với quan cai-trị Manau thư-ký riêng của quan Thống-sứ. Nam-quan thì có quan Thiếu Hoàng-Trọng-Phu Tổng-đốc Hà-đông, quan Tổng-đốc Phạm-Văn-Thụ tỉnh Nam-định, quan Tổng-đốc Nguyễn-Bách tỉnh Bắc-ninh, quan Tổng-đốc Từ-Đạm tỉnh Hải-dương, quan Tổng-đốc Nguyễn-Hữu-Ích tỉnh Sơn-tây, quan Tuần-phủ Đặng-Trần-Vĩ tỉnh Phú-thọ, quan Tuần-phủ Trần-Mỹ tỉnh Thái-bình.

Quan Thống-sứ có đọc bài diễn-văn thường-lệ như sau này :

Các ông,

Năm ngoái khi đã nghiên-cứu các vấn-đề quan thiệp về tình-thế bản-xứ thì tôi đã biểu bạch cho các ông biết cái trương-trình tôi định thi-hành về các việc chánh-trị, kinh-tế và chỉnh-đốn trong xã-hội.

Nay Hội-đồng Tư-vấn lại tựu-hội kỳ thường-niên thì nên tổng-kê các việc đã thi-hành xong cùng các việc hiện gần xong, để khi các ông trở về chốn thành-thị, hương-thôn, nói lại cho dân hiểu cái phần đã thành-hiệu nhiều ít, ảnh-hưởng gần xa thế nào, để dân rõ những việc Chính-phủ cải-lương lợi-ích là làm sao.

Việc cải-lương hương-chính, phù hợp với hy-vọng của dân thường đã biểu-bạch ra, kỳ Hội-đồng năm ngoái tôi đã kể các chính-ý cho các ông nghe, thì nay vẫn tuần-tự thi-hành có cơ thành-hiệu vững bền. Việc đặt sổ chi-thu hàng xã mà trông làm rộng ra được thì do phải có đủ số Thư-ký đã luyện tập riêng phép kế-toán, phép tổ-chức thuộc phương-diện chánh-trị, ngân-sách, cho nên phải tuần-tự mới tiến được, nhưng việc thiết-lập hương-hội thì vào cuối năm nay gần xong được khắp. Kết-quả ấy nên nghĩ lấy, vì làm chứng rõ lòng các xã dân muốn từ dấy trở đi, việc hương-chính thì giao cho những người mà dân đã thuận cử lên đại-biểu cho.

Lại các nguyên-lý việc cải-lương hương-chính tất phải có quan-hệ đến việc tổng lý, cho nên ngày 26 Juin 1922 đã có nghị-định các điều để cho các cơ-quan mới được dung-hòa với nhau, thêm rộng số người được đi tuyển-cử, mà những người đã được các xã-dân cử lên làm đại-biểu thì trong khi đi tuyển-cử tổng lý cũng được vị-trí tử-tế đối với các hạng vẫn xưa nay có quyền tuyển-cử. Lại do tân nghị ấy thì trong việc tuyển các hạng tổng lý, Chính-phủ cũng được thêm nhiều lẽ chắc-chắn hơn được.

Lại cũng vì các nguyên-nhân ấy, việc cử các tỉnh hạt hội-viên cũng có tổ-chức lại cho hợp thời.

Các việc cải-lương ấy thì vốn là có ích rồi, lại thêm có phần quan-trọng và thực hiệp thời, vì vào lúc Chính-phủ trù nghĩ mở rộng nghĩa-vụ các cơ-quan được dự đến các việc công-ích bản-xứ một cách mật-thiết hơn. Vì trong các cơ-quan ấy mà tổ-chức lại, thì các bậc đại-biểu cho dân bản-xứ phải trông vào một cái cơ-sở vững-vàng, mà được rộng đường ngôn-luận, là tại lúc tuyển-cử các bậc ấy, thì các hạng dân đều được mượn tay kẻ đại-biểu cho dân trong hương-thôn mà cử các bậc ấy lên.

Thuộc cõi chính-trị thì trước hết tôi đã lưu ý vào quan-lại. Số giảm-ngạch cũng đã được khả, vì trong sáu thành đã giảm gần được một thành mà không có trở ngại gì đến công-vụ công-ngạn mà dư ra được ấy, thì chính-phủ đã lợi-dụng mà cho quan-lại tòng-sự trên thượng-du cũng được tiến gia-cấp như các viên tòng-sự Bảo-hộ, mà cũng nhân có số dư đó chính-phủ trù-nghĩ sắp tăng nguyệt-bổng cho những thừa-phái thuộc hai gia-cấp sau cùng, để về sau tuyển được những người thực có giá-trị, vì đã thuộc những hạng thừa-phái ấy kiến-thức phải bằng hạng phụ-giáo thì cứ lẽ công-nhiên cũng phải cho người ta nguyệt-bổng bằng người phụ-giáo.

Lại có nghị các khoản để phân sắp ngạch thăng tấn thì quan-lại Annam được hưởng công bằng như bên quan Tây. Các bản nghị-định ngày 24 Octobre 1921 đã định ngạch và định trong các chức mỗi chức ngạch phân phát đi thế nào. Ngày 22 Octobre 1921 đã lập ra các hội-đồng xét việc thăng thưởng. Rồi đến các nghị ngày 1er và ngày 10 Mai 1922 đã định chương-trình thi tuyển lấy quan và thừa-phái.

Có các nghị ấy thì các công-sở đều được người làm việc có chuyên môn dủ kiến-thức, mà việc thăng tấn được hết là điều-độ, công-bằng. Như việc án kiện cũng phải nghĩ tổ-chức cho được hoàn-toàn hơn, nên đã lập một ngạch lục-sự người bản-quốc chuyên-môn rồi, bản-chức còn trù nghĩ lập ra một ngạch quan Annam chuyên việc án-kiện có học lý-luận uyên-thâm đủ tư-cách gánh chức phụ thẩm hay dự-thẩm trong tòa-án đệ nhị cấp. Ngạch ấy sẽ tuyển riêng vào bực thiếu-niên Annam có bằng Luật-khoa tiến-sĩ, hay cử-nhân, để trong ngạch Tư-pháp cũng có một ngạch « tương-đương » như đã lập trong mấy công-sở chuyên-môn khác. Như thế thì ắt là đường công-lý người bản-quốc có việc đến chỗ công-môn được thêm vững ra, mà lại việc xử án kiện được tiện hơn. Bản-chức trông rằng quan Toàn-quyền sẽ chuẩn-y cho, về việc ấy là theo nguyên-lý ngày nay phải phân-ly quyền chánh-trị, quyền tư-pháp ra, lại có một bước

tiến-bộ trong việc tuần-tuần thi-hành luật mới năm 1907.

Còn riêng về bộ dân-luật, thì trong năm nay đã bắt đầu thi-hành quyền thứ nhất thuộc về nhân-quyền và tài-sản đã tuyên-bố ngày 9 Novembre 1921. Nhưng hãy còn mới thí-nghiệm trong hạt thuộc tỉnh Hà-đông để cho các cách-thức chi-tiết luyện tập cho được thành-hiệu. Đã lập ra sổ sinh-tử, giá-thú, và sổ biên ghi nhà, đất, ruộng, lại sở đạc-điền cũng hiện đương họa-đạc ruộng đất từng khu, để cho kịp khi hết hạn phân xử việc tranh-tụng điền-địa, thì của người nào đã rõ ra người ấy. Đến lúc ấy thì các điền-chủ cũ cũng có thể xin lĩnh được một cái chứng - chỉ riêng thuộc điền-địa của mình. Như thế thì rồi dần dần giải-quyết xong được một vấn-đề tối quan-trọng trong xứ này là nơi chuyên vào việc làm ruộng, mà vì điền-địa các tán ra quá, cho nên hiện sanh ra nhiều mối kiện-tụng.

Về các vấn-đề thuộc việc mở-mang sự cầy cấy trong xứ này, thì bản-chức đã minh-thuyết tại Canh-nông-phòng tưởng cũng không cần phải thuật lại đây nữa, nhưng cũng nên nhắc lẽ cần phải tuân theo đúng như các điều đã kể trong tờ chu-tri ban-chức đã cho chữ ngày 20 Décembre 1921, về việc phòng bệnh dịch trâu bò. Năm nay mà trâu bò bớt hại đi được khả thế không những là bởi tại năng dùng những phép điều-trị, cốt bởi tại các quan tỉnh gia-tâm hiểu bảo dân tuân theo lệnh trên, thực là đáng khen, về phần các ông thì đã nên dùng hết các thế-lực riêng mà hiểu bảo cho dân, các ông đại-biểu cho ở nơi Hội-đồng này được biết các điều-lệ đặt ra ấy cũng là lệ mới về các lò sát-sinh trong các tỉnh hạt đều là cốt giữ cho chúng dân, là vì trâu bò là một cái tư-bản rất quí cho dân chốn hương-thôn, nên phải bảo-toàn, dẫu cho có phải ra lệ nghiêm cấm làm cho sự giao-dịch có trở-ngại ít nhiều, thì cũng phải chịu không thể tránh được.

Chính-phủ Bảo-hộ vẫn lo trù nghĩ cho việc trồng cây được thêm lợi lên để cho phần sinh-nhai dân chốn hương-thôn được tăng-tiến lên. Mà đạt được mục-đích đó, thì có hai cách khác nhau. Một là việc dẫn-thủy nhập-điền, thì hiện có tấn-tới nhiều. Các sông ngòi trong hạt Vĩnh-yên đã sắp xong. Còn thuộc về Sông-Cầu thì mới có đấu giá đắp các hoành-triệt và đào sông chính. Còn về khu Kẻ-sặt năm ngoái gọi đấu giá không thành, thì hiện đương trù tính lại. Các công việc đó có khi xong được, thì trong một khu đến hơn hai mươi vạn mẫu tây, sự cầy cấy sẽ thêm lợi nhiều. Lại trong các sở nông-phố vẫn chuyên thí-nghiệm cách giống cây mới cho thích-hiệp với thổ-nghi, địa-thế, phần kết-quả ấy sẽ đem truyền bá ra, nhà nước sẽ thử để lập trường diễn giải cho dân, như đã bắt đầu làm một sở tại tỉnh Hải-Dương. Khi đã lập các sở ấy, thì sẽ thành một cách truyền-bá các giống thóc đã lựa trong các thứ thóc có lợi cho nhà nông-gia, rồi dần dần giải-quyết xong được vấn-đề ấn-định được các thứ lúa bản-xứ, điều đó đáng mong cho thành-hiệu. —

Bản-chức đã liệu cách cho các xã-dân đã có sổ chi-thu được tiện mua chịu đồ bón, thì cũng là một cách khích-khuyến nông-dân dùng đồ bón có nhiều khi có thể làm cho địa-sản thêm nhiều, thêm tốt ra. Nếu cách ấy thành-hiệu được, thì sau có thể nhân đó mà nghĩ thiết-lập ra một cục giúp việc nông-vụ hoàn-toàn hơn nữa.

Bản-chức cũng lược kể cho các ông rõ, công-lao sở Kiểm-lâm bảo-thủ chủ chốn lâm-phận, tổ-chức cách lợi-dụng lâm-sản cho có tiết-độ, và lại cho được thêm những thứ gỗ quí ra. Trong bản-xứ các kỹ-nghệ hiện phát-đạt, gỗ cần dùng nhiều, cho nên phải kíp trù nghĩ bảo-toàn lâm-sản về tương-lai ? Nên mỗi năm việc tu bổ lại chốn lâm-phận thì có gia tăng lên, mà từ năm ngoái số hạt giống cây tốt phát đi có nhiều gấp ba lên. Cốt là phải sao cho dân cũng giúp tay vào, nên chỉ có đạt ra khoản tiền thưởng nhiều ít tùy theo phần kết-quả. Do cách ấy thì các xã-dân vừa có cơ được lợi trông thấy ngay, vừa có cơ gây nên được một cái lâm-phận về sau tuần-tự lấy lợi.

Nhưng sự truyền-bá những điều cần nên biết về ích-lợi chốn lâm-phận về việc cần phải tu-bổ lại lâm-phận, về việc đốt rừng quá độ làm rẫy thành tai-hại, thì phần công hiệu còn hẹp, tại dân không theo, không biết đến. Vẫn hay rằng chính-phủ đã dùng nhiều cách để truyền-bá đi, như phát sách bằng tiếng Annam cho các trường, cho quan-lại, tổng lý. Cho nên cũng cần các ông phải giúp tay vào mà cổ-động cho dân tỉnh-ngộ lại, bản chức mong vì công-ích các ông sẽ dùng hết nghị-lực riêng mà giúp Chính-phủ trong vấn-đề ấy.

« Vấn-đề giáo-dục thì vẫn tuần tự quảng khai ra. Như bản-chức đã biểu bạch ra với các ông năm ngoái thì sự mở thêm trường phải tùy theo số người đi dạy có sẵn mới được. Chiêm nghiệm ra thì thực vấn-đề không cốt là phải cho nhiều thầy chính hay phụ, cốt-yếu thực ở cái giá-trị của thầy. Vì vậy nên đến ngày 1er Janvier 1923 thì trường Sư-phạm mới được một lớp tốt nghiệp đầu hết. Còn như phụ-giáo, thì đã lập ra lớp học ôn, sẽ phải thứ-đệ mà cắt phần nhiều phụ giáo, phụ giáo hiện đương tòng sự về học với bọn sơ bổ. Như thế tất nhiên phải có trì hoãn, thì sau sự giáo-dục mới trông kết-quả hay được, tuy nhiên thế số trường dạy cũng kể điều độ có thêm lên. Kể năm nay thì trường cụ-thể dạy con trai sẽ được 51 trường, dạy con gái được 34 trường, cộng là 85 trường đối với năm 1921 chỉ được 67 trường.

Số trường mà Chính-phủ cấp công-ngân cho trước có 80, bây giờ được 150. Năm 1921 còn 652 tổng-sư, qua năm nay còn có 454 người, đó là một cái minh-chứng giá-trị các thầy có phần tăng tiến lên. Còn số học-trò năm 1920 được bốn vạn, năm 1921 được bốn vạn tư, sang năm nay lại được quá số năm vạn.

Vả lại Chính-phủ không những là chỉ chăm mở việc học cho rộng, cho mau trong các tỉnh trung-châu mà thôi đâu. Cận lai đây dân miền thượng-du ắt tưởng tượng có phải thua thiệt ít nhiều về vấn-đề giáo-dục, nhưng kỳ thực duyên do ấy là chỉ tại ít thầy biết đủ các thứ tiếng nói Thổ dân thượng-du, vả lại người trung-châu ít khi tình-nguyện lên dạy trên ấy. Đến các công-sở cũng gặp phải sự trở-ngại đó. Vả chăng Chính-phủ có ý để cho dân các miền thượng-du được cứ giữ lấy thái-độ riêng của mình, không ép phải luyện-tập phong-hóa người hạ-du, cho nên chỉ có một phương-pháp tiện là tuyển dụng ngay người thổ-trước, nhưng trước phải có dạy dỗ, luyện tập, rồi sau mới có người mà tuyển được. Vậy cho nên năm ngoái bản-chức đã lập ở Bắc-Kạn, Hòa-Bình, Chợ-Chu có trường cho học-trò tiện ăn ở và học trong trường. Trong năm nay lại sẽ lập ở Sơn-la và Nguyên-bình có trường như thế nữa. Thì con các

nhà anh hào thuộc dân Thổ, Thái, Mường, Mán, vân vân... không phải đi xa mà cũng có thể học đủ được chương-trình sơ-cấp ; rồi về sau khi đã rạng khá rồi, đã lựa đi một lượt rồi, thì sẽ lấy những hạng sáng hiểu hơn cho về trường Bảo-hộ, ngồi riêng một ban để luyện nhân-tài, tương-lai bổ-dụng giáo-sư phụ hay chính, thư-ký, và đến làm quan cai-trị trên miền thượng-du nữa. Như vậy sẽ giải-quyết được một vấn-đề quan-trọng về việc khai-hóa các chỗ biên-cảnh ấy.

Các việc cải-lương bản-chức mới lược kể đây thì đều đã tính ra công-nhu các khoản trong ngân sách toàn-hạt giao cho hội-đồng các ông soát, mà thuộc ngân-sách ấy, bản-chức tóm lại để các ông tóm lấy hết ý-nghĩa.

Các ông đã rõ quan Toàn-quyền đặt ra một hội-đồng việc hộ-chính, hội-đồng ấy đã xét hiện-tình ngân-sách các xứ và trù-nghĩ cách cho các ngân-sách ấy việc chi ra thu vào được cân xứng luôn. Quan Toàn-quyền chưa có chuẩn-y các lời thỉnh-cầu của hội-đồng ấy, thì chưa có thể lập ngân-sách nhất-định được. Nhưng cũng đã tùy tình theo lấy chính-ý các lời thỉnh-cầu ấy, mà định ngân-số gia-cấp ấy sẽ tùy nghi trích lấy trong ngân-sách Đông-Pháp.

Ngân-sách tổng-cộng số chẵn là 15 triệu, thì tùy những việc thiết-yếu như việc y-tế, việc giáo-dục tuần tự phải mở rộng ra, những sổ tổng-cộng ấy xê-xích để cùng bằng số ngân-sách năm ngoái. Vậy năm nay những khoản nhu-phí to hơn thì thuộc về giáo-dục mười thành (10 o/o) việc y-tế bảy thành (7 o/o) việc công-tác mười bảy thành rưỡi (17, 5 o/o). Như vậy thì trong ngân sách có thể để ra hai triệu chi-dụng vào việc khai-thác bản-xứ, một triệu chi vào khoản tu-bổ đê-đường, cầu cống, một triệu chi riêng vào khoản công-tác mới. Trong số một triệu để chi việc công-tác mới ấy thì bản-chức đã định trích ra 37 vạn để riêng vào khoản đắp đường, sánh với trước thì kể gấp bội. Bản-chức xét thuộc phương-diện chính-trị cùng phương-diện kinh-tế, thì số đường xá bản-xứ lâu nay xét ra chưa đủ, bây giờ phải kíp đắp thêm ra. Đến các năm về sau bản-chức định cũng còn chuyên vào việc ấy để cho được tiện lợi việc khai-khẩn. Công ngân ấy thì riêng ra một khoản chứ không có can-thiệp gì với các khoản trong ngân-sách Đông-pháp đã để ra chi riêng vào việc dẫn-thủy nhập-điền và tu-bổ các đường mà phi khoản thuộc ngân-sách ấy chịu.

Bản-chức thiết vọng quan Toàn-quyền rõ tình-thế thì ngài sẽ chuẩn-y cho như lời hội-đồng hộ-chánh thỉnh-cầu, vì thuộc bản-hạt thì lời thỉnh-cầu ấy cũng là trích-hợp, theo như vậy thì ta cũng có thể trông mà tuần-tự thực-hành được các chương-trình thuộc về kinh-tế, việc chỉnh-lý xã-hội. Nếu mà quan trên không chuẩn cho như lời hội-đồng xin thì thật đáng tiếc, vì có phải giảm công-ngân đi thì tất nhiên phải giảm vào khoản công-tác, vì chỉ có một khoản ấy là có cơ giảm được mà thôi. Chứ như các khoản khác, thì ngân số đã phù-hợp với ngạch giáo sư, thái-y-quan, thú-y-quan, không thể giảm đi được, còn đến các khoản kinh-phí về chính-giới, hoặc về động tĩnh, thì thể giảm được thế nào đã giảm rồi, vả chăng quan-lại nguyệt-bổng chi vào các khoản ấy thì đều thuộc quyền quan Toàn-quyền bổ-dụng.

Năm ngoái ngân-số thuộc khoản công-tác chỉ có chín thành (9 o/o) bởi tại số xin gia-cấp cho phải giảm bớt đi, không được cấp đủ như số đã xin. Trong khi giảm số công-ngân ấy thì cũng có sinh ra điều chỉ-trích kể cũng là đúng, tuy nhiên không phải là bản-chức cố ý muốn xảy ra như thế. Nay nên tiên-cơ đi bản-chức sẽ hết lòng biện-bạch cho quan Toàn quyền rõ là năm nay cần phải cấp cho ta đủ công-ngân để lập thành ngân sách, các khoản kinh phí tính theo như hạn chế bản-chức đã vừa kể đây, có được như thế thì mới kể là điều-độ, thích-hiệp với hiện-tình bản-xứ.

Bây giờ tổng-kết lại, bản-chức nói mấy lời để các ông rõ hiện-tình hộ-chính bản-xứ. Năm 1921 mới cộng sổ xong, thì số tiền thu vào so với số tiền chi ra dư được 325.000 p. Nhưng thế mặc lòng việc hộ chánh cũng chưa phải là thực thịnh-vượng. Số dư ra ấy chẳng qua cũng là vì thốt-nhiên đổi tiền đồng mới tiêu-thụ đi được gần 200.000 p. và còn lưu lạu gần 300.000 p. các khoản không phải chi dụng đến. Nhưng thuộc về năm 1921 ấy lại phải trích vào công-ngân hơn 200.000 p. để chi các khoản kinh-phí trước còn di lại.

Sang đến năm 1922 này, sự chi thu được điều độ thì có lẽ trông qua mồng một tháng giêng tây sang năm các khoản kinh-phí cũ còn di lại sẽ liệu lý được xong cả. Như thế hiện-tình hộ-chánh là được điều-độ.

Tuy số tiền lưu-hạ hiện bây giờ chỉ được đúng bằng số tổn-thiếu lệ hộ-chánh đủ hạn, nhưng cũng chưa đem tiền còn dư năm 1921 phụ thêm vào số lưu-hạ ấy được mấy, vì còn phải hoãn lại mấy khoản tiền ngân-sách Đông-Pháp đã ứng trước cho. Nhưng bản-chức trông qua sang năm trở đi thì có thể gia thêm vào tiền lưu-hạ ấy được nhiều hơn.

Vì trong bản-xứ năng thốt-nhiên bị hạn, lạo, tai-biến, nên cần lúc nào số tiền lưu-hạ cũng phải sẵn có đến năm sáu mươi vạn đồng. Trong mấy năm vừa rồi hạnh-phúc không đến nỗi gặp thiên-tai, nhưng cũng không nên quên cảnh-tượng đã quá-khứ, và nên tiên-cơ về tương-lai. Đó là mục-đích bản-chức có ý đạt đến cho được, bản-chức trông rằng việc kinh-lý tài-chính sẽ nhiệm-nhặt, lo lường để trong ít lâu số tiền lưu-hạ được bằng số đã nói đây để tiên cơ về sau.

Xét hiện tình Bắc-kỳ như bản-chức mới biểu-bạch ra đây, thì trông đến việc tương-lai không phải lo ngại gì. Trong khi bàn xét ngân-sách thì có những sự nhu dụng gì hoặc thuộc toàn-kỳ, hoặc tỉnh hạt nào, đáng phải liệu-lý đến, thì xin hội-đồng các ông cứ nói, rồi thì Chánh-phủ làm được đến đâu sẽ làm đến đấy.

Và về phần riêng các ông cũng đã rõ Chánh-phủ vốn lo toan cho được hết lẽ đồng-tâm hiệp-lực với các cơ quan đại-biểu cho người Pháp và người Nam trong bản-chức. Vì Chánh-phủ công-nhận rằng, có đồng-tâm hiệp-lực, góp tài thì rồi xứ này là nơi ta đều rất ái-luyến mới phát-đạt thịnh-vượng được.

Sau hết bản-chức xin biểu bạch rằng : thấy Chính-phủ và các cơ-quan đại-biểu bản-xứ hai bên vốn được hòa-thuận, tin-ái nhau, thì bản-chức, lấy làm thỏa tâm. Vậy xin có lời cám ơn các bực đã có lòng giúp bản-chức giá-trị sự tán-thành đó bản-chức xin công nhận, vì có sự tán thành đó thì cái chương-trình đã cùng với các hội-đồng đại-biểu thỏa hiệp mới có thể thực-hành được, mà trông sự

khai hóa đất Bắc-kỳ sẽ có phần kết quả hay.

Đoạn rồi quan Thống-sứ có giao cho Nghị-viện xét hai vấn-đề sau này :

Việc tăng lương lính-cơ, lính-lệ, lệ-mục và lính-châu

Kỳ Hội-đồng năm ngoái, Thượng-nghị hội-viện có xin tăng lương cho lính-cơ và lính-lệ, (lời thỉnh-cầu số 10) xét ra lương những hạng lính ấy phần nhiều người được tiền phụ-cấp lương-điền là 24p.00 một năm, nên nhà nước chưa nghĩ đến việc tăng lương cho hạng lính ấy.

Vì trong năm 1921, Thượng-nghị hội-viện lại có xin giảm cái số tiền phụ-cấp 24 đồng ấy xuống 12 đồng và xin giảm với sự gánh vác của dân, nên phủ Thống-sứ đã nghĩ nên xét trước nhất về những quyền-lợi của những người lính-mộ và lính-tái-khóa được tiền phụ-cấp lương-điền. Chiếu theo nghị-định ngày 2 Juin 1897 hễ bao giờ những lính mộ và lính tái-khóa ấy có vào ngạch lính của dân thì mới được cái quyền lợi ấy. Bởi lẽ ấy đã sinh ra nhiều sự lôi-thôi và sự quá lạm. Để trừ cái tệ ấy thì Thống-sứ-phủ đã nghị bãi hẳn không cấp tiền phụ-cấp 24 đồng cho những lính mộ và lính tái khóa, nghị ấy đã tư trình quan Toàn-quyền. Nay quan Toàn-quyền đã chuẩn-y nghị ấy, ngày mồng ba tháng sáu năm 1922 số 2100, mà trong nghị ấy có tư rằng, tuy vẫn có mà cũng không thi-hành về trước nghĩa là những lính mộ và lính tái-khoa trước ngày ký nghị-định ấy thì theo như trước mà lĩnh số tiền phụ-cấp 24 đồng mãi cho đến ngày mãn.

Vả nay mà chưa định đến việc tăng lương cho lính khố-xanh, là vì việc nghị cấp lương-điền chưa xong, còn như việc tăng lương lính-cơ, lệ-mục, lính-lệ và lính-châu thì không phải dợi việc bãi lương-điền những hạng lính ấy lương-thực ít quá, như lính cơ thì mỗi tháng có 5 đồng bốn hào, lệ-mục thì 5 đồng và 6 đồng, lính-lệ thì 4 đồng, lính-châu thì 4 đồng 5 hào, như vậy thì thực khó cho những hạng ấy đủ mà nuôi vợ con. Với lại sự ăn uống, năm nay đắt đỏ thời số lương ấy thực không đủ mà chi tiêu, như thế thời việc tăng những số lương ấy là rất cần lắm, trong năm 1921 số lính ấy đã giảm đi nhiều, mà nếu có cho tăng lương như đã nghị thời cũng chẳng là bao, song-le những hạng lính nào mà được số phụ-cấp 24 đồng thời cứ ăn lương như cũ cho đến ngày nào thôi không được tiền phụ-cấp ấy nữa.

Nay nhà nước ý muốn tăng lương những hạng lính ấy như sau này :

Lính-cơ trước 5p 40 nay lên 7p.50.

Cai-cơ trước 6p.40 nay lên 8p.50.

Đội-cơ trước 9p.60 nay lên 10p.00

Lệ-mục hạng-nhất trước 6p.00 nay lên 8p.00.

Lệ-mục hạng-nhì trước 5p.00 nay lên 7p.00.

Lính-lệ trước 4p.00 nay lên 6p.00.

Cái số tiền tăng như thế thời mỗi tháng quá lắm là :

1960 Lính-cơ mỗi xuất 2p.10 thành	4.116p.00
240 Cai-cơ mỗi xuất 2p.10 thành	504p 00
39 Đội-cơ mỗi xuất 0p.40 thành.	15p.60
27 Lệ-mục hạng-nhất và hạng-nhì mỗi người 2p.00 thành	45p.00
800 Lính-lệ mỗi tên 2p.00 thành.	1.600p.00
25 Lính - châu mỗi tên 1p.50 thành.	37p,50
Cộng là. . . .	6327p10

Như vậy mỗi năm là . . 75.925p.20

Tuy vẫn phải biết rằng đã bãi cái số tiền phụ-cấp 24 đồng cho những lính mộ và tái-khóa thời các dân-xã đỡ phải nộp cái số tiền trợ-phí ít ra cũng bằng số tiền 75.925p.20 ấy, như vậy thì là nhất định chẳng phải chịu thêm chút thuế gì.

Cho được bù ngay vào sổ chi thu Bắc-kỳ các món tiền ấy, thì nhà nước cũng phải tìm cách nào mà phụ cái số tiền ấy, vậy thời chỉ có lẽ lấy vào số ngoại phụ vào đò chợ là được mà thôi. Vậy nếu tăng vào mục ấy trong các tỉnh nên định mỗi năm thu theo như sau này :

Tăng nửa xu những tỉnh như Hưng-yên, Nam-định, (Phủ-lý không kể), Phú-thọ, Vĩnh-yên (Phúc yên không kể).

Tăng một xu những tỉnh như Bắc-giang, Bắc-kạn, Hà-đông, Hòa-bình, Kiến-an, Lạng-sơn, Hà-nam, Quảng-yên, Sơn-tây, Thái-nguyên, Tuyên-quang, Hải-ninh và Cao-bằng.

Tăng hai xu như tỉnh Bắc-ninh.

Tăng hai xu rưỡi như tỉnh Thái-bình

Tăng hai xu bảy phân như tỉnh Ninh-bình.

Như thế thì mỗi năm thu thêm lên được 30.787 đồng 7 hào 6 xu.

Vả lại nếu tăng số ngoại-phụ đại-nạp thị-độ của các người khách lên 25 xu, (trước thu có 22 xu) thời mỗi năm thu thêm lại được 235p.25.

Mỗi năm thu vào được	30.787p.76
Cộng với. . . .	235p.35
Thành ra :. . . .	31.023p.11

đủ chi trong năm 1923.

Các Nghị-viên nên bàn nghĩ xem việc nhà nước trù tính như đã nói ở trên này có ích-lợi không, việc này đã làm theo các nghị-viên đã xin mấy lần trước, các nghị-viên nên tỏ nhà-nước biết nên định cách nào cho đáng về việc lương của các hạng lính ấy.

Nói về các phương-pháp dùng để bãi tiền phụ-cấp thay lương-điền.

Kỳ Hội-đồng Tư-vấn nghị-viện năm trước có cần xin mấy điều về việc định khoản tiền thay lương-điền là mười hai đồng bạc, hay là đãi tiền phụ-cấp ấy, mà tăng lương cho lính cơ, lệ-mục, lính-lệ, lính-châu. Nhà-nước đã xét nhời thỉnh-cầu ấy rất phải, và đã tìm cách để bãi các điều ấy, đã xửa lại lệ cũ, cho nên việc thứ nhất là quan Toàn-quyền Đông-Pháp chiếu theo lời tôi tư, đã làm nghị-định, ngày mồng ba tháng sáu năm 1922, số 2100, định về sau bãi việc cấp tiền thay lương điền, hay là thay phần ruộng công cho những lính tình nguyện và lính tái đăng.

Việc thi-hành nghị-định ngày mồng 2 tháng 7 năm 1920, cấp 24 đồng bạc thay lương-điền mà vẫn không tránh được hết các điều-lệ khi trước người ta đã muốn trừ đi, như thế là không hợp với ý-tưởng người ta đã nghĩ trước. Bây giờ lấy phần ruộng mà đổi ra làm món tiền phụ-cấp nhất định, thì những người lính tại ngũ người được người không, thành ra không bằng nhau xem như thế rất là không hợp. Chức bằng nhau làm việc cũng làu năm bằng nhau, thế mà một người làng này cho phụ-cấp, một người làng khác không cho phụ-cấp, các làng phải chịu nặng mà chỉ có một ít lính được mà thôi. Vậy phải nên tìm cách thế nào làm lợi cho tất cả mọi người, vì rằng tất cả lính ăn lương về sổ chi tiêu Bắc-kỳ, nên cho được lợi đều nhau, thì mới công bằng.

Các dân xã hiện nay phải chịu nặng về khoản ấy, bây giờ muốn cất gánh

nặng ấy đi, mà không làm thiệt cho các hạng lính, thì nên dùng những phương-pháp nào ?

Bãi khoản tiền 24 đồng bạc thay lương-điền, mà không lấy gì bù vào thì không được, vậy phải cho tất cả các hạng lính được tăng lương, cứ tùy hạng mà cho tăng, nhưng mà nhiều ra cũng phải bằng số tiền phụ-cấp ở trong nghị-định ngày mồng 3 tháng 7 năm 1920 đã định. Số tiền ấy bởi nhầm đã lấy số 3 mẫu ruộng là phần nhiều hơn cả làm cọc mà tính ra, vì rằng theo tục, phần ruộng ấy có thể cho kém 3 mẫu cũng được, mà thường thường cho kém như thế.

Việc tăng lương cho lính Khố-xanh thì có thể dự định sau này :

Linh Khố-xanh

Linh hạng nhất mỗi ngày tăng thêm lên 0p.02, thành ra 0p.36 một ngày, chứ không như lương cũ 0p.34 một ngày. Linh hạng nhì mỗi ngày tăng thêm lên 0p.04 thành ra 0p.32 một ngày, chứ không phải là 0p.28 như trước.

Số chi thu tăng lên.

1080 lính khố-xanh hạng nhất tăng thêm mỗi người 0 p. 02, thành ra mỗi năm	7.777 p.00
3334 lính khố - xanh hạng nhì, tăng mỗi người 0p.04 thành ra mỗi năm.	48.009p.60
Cộng là	55.785p.60

Bởi thế phải tiêu thêm 55785p.60. Vả lại kể lương của các người khác nói ở trong vấn-đề số 1, tăng lên thì tới 75 925p.20, cộng cả thảy số chi thu phải thêm lên 131.710p.80, để mà chi khoản tiêu ấy, thì có thể sửa lại khoản tiền ngoại-phụ vào thuế điền-thổ, mà chỉ trừ tỉnh Sơn-la, tỉnh Thái-nguyên, và bốn địa hạt quan binh, chỉ trong một trăm phần, còn tất cả các tỉnh khác thì phải tăng lên 10 phần.

Món tiền thu thêm vào được như thế là 3405p. trừ đi 250p.00 còn lại 90.5000.

Vả lại khoản tăng tiền ngoại phụ thay thuế đò chợ, chứ theo cách thức đã nói trong vấn-đề số 1, thì thu thêm vào được 31.023p. 11, vậy cộng cả thảy được 90.500 với 31.032p. 11 thành 121. 523p. 11, là tiền thu vào để chi tiêu khoản 131.710.80.

Món tiền ấy sẽ không đủ để mà chi tiêu khoản thêm vào trong sổ chi thu không chịu được gánh nặng ấy thì có khi sẽ phải tăng ngoại phụ vào thuế điền thổ một ít.

Dẫu thế nhưng mà khoản tiêu các làng phải nộp vào nhà nước, về các tiền ngoại-phụ khác, thì sẽ được giảm đi. Linh thuộc về sổ chi thu Bắc-kỳ giả lương, mà nay bãi tiền phụ-cấp đi bao nhiêu, thì khoản ấy được giảm đi bấy nhiêu.

Các dân xã Bắc-kỳ, trong năm 1921 phải nộp về khoản tiền cấp cho linh là 192.616p.00 đến khi xửa đổi lệ này thì chỉ phải nộp 131.720p. như thế thì giảm đi được hơn sáu vạn bạc.

Các việc thu tiền giả về món tiền phụ-cấp cho linh 24 đồng, thì các việc ấy sẽ được bớt đi. Tất cả các hạng lính sẽ được lợi bằng nhau, mà các dân xã sẽ được bớt tiền nộp đi.

Vả lại thuộc về những lính ăn lương vào sổ chi thu cả Đông-Pháp, hay là vào sổ chi thu thuộc địa, sẽ đổi cái số lính dân phải chịu chỉ kể về quyền lợi được tiền phụ - cấp 24 đồng, để cho các hạng lính ăn lương vào sổ chi thu Bắc-kỳ có khuyết tên nào thì không lấy mà cho vào lính khố đỏ được.

Số lính dân phải chịu hiện nay 50 xuất lấy một, có thể đổi 70 xuất lấy một hay là 80 xuất lấy một, như thế thì lính ăn lương vào sổ chi thu Bắc-kỳ có khuyết tên nào thì không lấy vào lính khố-đỏ mà thêm vào số lính khố-đỏ hiện dân phải chịu sẽ chia công bình cho mọi dân xã trong một tỉnh, theo như cách thức riêng tùy quan Công-xứ thi-hành.

Điều dự-định đã nói trên này, phải xét cẩn thận, bởi vì nếu chuẩn-y như thế thì có công-hiệu làm cho bỏ được cái sự các hạng lính được lợi cấp tiền không đều nhau, và giảm được nhiều tiền các làng phải chịu. Xin các ông nghị - viên bầy ý - kiến có ích để mà giải-quyết cái vấn-đề này, trước các ông đã để tâm vào rồi.

* * *

Chương-trình trong mấy ngày Nghị-viện họp vừa rồi đã định như sau này :
Ngày 2 Octobre: 15 giờ xét sổ dự-toán.
Ngày 3 Octobre: 15 giờ xét sổ dự-toán.
Ngày 4 Octobre: 15 giờ họp đại-hội-đồng để xét về hai vấn - đề nói trên kia.

Ngày 5 Octobre: buổi sáng đi thăm các trường và các nơi sẽ định sau, buổi chiều đọc những đơn thỉnh-cầu của các ông nghị-viên các tỉnh.

Ngày 6 Octobre cả hai buổi cùng đọc các đơn thỉnh-cầu ấy.

Ngày 7 Octobre 9 giờ sáng họp đại-hội-đồng giải tán.

Vụ bầu cử Hội-đồng quản-hạt Nam kỳ

Cứ xem các nhật - báo Tây Nam ở Saigon ra mấy chuyến vừa rồi thì vụ bầu cử các ông nghị-viên Annam tại hội-đồng quản-hạt kỳ năm nay rất là hăng-hái.

Ngày 15, suốt các hạt Nam-kỳ đã bầu cử lấy 10 ông Nghị-viên Pháp chung một sổ cho toàn hạt Nam-kỳ và 10 ông Nghị-viên ta thì chia làm năm hạt mỗi hạt bầu lấy hai ông.

Việc bầu-cử ấy hiện mới biết sự kết-quả như sau này :

M. Fays được 952 phiếu trúng-cử. Ông Fays là quan nguyên Thẩm-phán Hanoi từ chức, nay làm quản-lý một sở văn-khế ở Saigon. Mới có một mình ông là hợp cách trúng-cử, còn những ông sau này chưa hợp lệ thì phải bầu lại là :

MM. Gallet	802	phiếu
Labaste	694	—
Monin	663	—
Condamy	615	—
Lefebvre	613	—
Foray	608	—
Hernaud	691	—
Alinot	561	—
Michel-Villaz	570	—
Sipière	567	—
Dussou	544	—

Còn việc bầu 10 ông hội-viên Nam thì nay đã có tên như san này :

Hạt thứ nhất : Gia-định.

Số người dự-bảo 4.202.

MM. Trần-quang-Vinh	1870	phiếu
Trương-văn-Ngăn	1734	—
Ngô-khắc-Hán	1477	—
Trần-văn-Đường	766	—
Cao-hoài-Đề	715	—
Trần-đình-Thanh	485	—
Trần-quang-Thuật	461	—

Đều phải bầu lại cả chưa ai hợp lệ.

Hạt thứ hai : Saigon.

Số người dự-bảo 4.020.

MM. Nguyễn-phan-Long	3.436	phiếu
Trương-văn-Bền	2.979	—

Hai ông đều trúng cử cả.

Rồi đến M. Nguyễn-tân-Thanh được 786 phiếu.

Hạt thứ ba : Bến-tre.

Số người dự-bảo 4279.

MM.Trương-thành-Trương	1933	phiếu
Nguyễn-văn-Hượt	1810	—
Nguyễn-văn-Phát	1414	—
Trần-văn-Miêng	1114	—
Tạ-quang-Nghĩa	912	—
Trần-đình-Bảo	490	—

Hạt thứ tư : Sadec.

Số người dự-bảo 3708.

Ông Bác-sĩ Lê-quang-Trinh 2525 phiếu trúng-cử.

Những ông chưa hợp lệ là :

MM.Nguyễn-Ngọc-Chơn	1556	phiếu
Nguyễn-văn-Cư	758	—
Trần duy-Thọ	400	—
Nguyễn-quang-Điền	217	—

Hạt thứ năm : Cần-thơ.

Số người dự-bảo 3.138.

MM.Nguyễn-quang-Sửu	875	phiếu
Võ-văn-Thơm	870	—
Nguyễn-văn-Su	781	—
Nguyễn tấu-Tài	718	—
Võ-hiếu-Du	701	—
Đoàn-hữu-Cần	122	—

Chưa ông nào hợp lệ cả.

Vậy trong số 10 ông tại hội-đồng quản-hạt thì mới được ba ông trúng là MM. Nguyễn-Phan-Long, Chủ-bút báo *Echo Annamite*, nguyên Tham-tá ngạch Thương-chính và là cựu học-sinh ở Nam-định. Trương-văn-Bền, chủ nhà máy dầu ở Chợ-lớn, năm trước có ra xem hội-chợ Hanoi và quan Bác-sĩ Lê-quang-Trinh.

Bản-chí có lời mừng các ngài trúng cử thật là đích-đáng và khen người đồng bang trong Nam-kỳ thật đã khéo biết chọn người.

Bãi hội-đồng thành-phố Hanoi

Ngày 21 Octobre quan Toàn-quyền đã ký nghị-định bãi Hội-đồng thành-phố Hanoi và đặt Hội-đồng ủy-viên, vì có 6 ông Hội-viên Pháp xin từ. Hội-đồng ủy-viên ấy thì lại quan cai-trị Mourroux sung Đốc-lý thành-phố làm chủ-tọa và có những ông cứ theo vần a. b. c. như sau này làm hội-viên Pháp là :

MM. Abor, Allemand, Duboscq, Le Roy des Barres, Normandin, Perroud, Szymanky, Tissot.

Các ông hội-viên Nam thì lại 4 ông hội-viên cũ là :

MM.Hoàng-kim-Bảng,Hoàng-quang-Hương, Lê-thuận-Khoát, Phạm-duy-Tốn.

Tin nhà Thực-nghiệp Ngân-hàng

Nhà « Thục-nghiệp-ngân-hàng » (Banque Industrielle de Chine), nay đổi tên là «Trung-Pháp Thực-nghiệp Ngân-hàng kinh-lý công-ty » (Société française de gérance de la Banque Industrielle de Chine). M. Lasseigne, Tổng-quản-lý cho công-ty ấy tại Đông-Pháp và Vân-nam đã trình quan Toàn-quyền Đông-Pháp biết rằng bắt đầu từ hôm 16 Octobre 1922, các chi-điểm của công-ty ấy tại Saigon,Hanoi, Haiphong đã mở cửa để giao-dịch như trước. Những món nợ của Thực-nghiệp ngân-hàng cũ thì nay T. P. T. N. N. H. K. L. C. T. sẽ nhận giả cả, hoặc giả nửa, hoặc nhập vào làm cổ-phần của Ngân-hàng, song việc nầy do ở Chính-phủ quyết-định mà kết-quả ra sao thì chừng ba tháng sau mới biết.

Lễ khánh thành Việt Nam Thanh Niên Hội.

Hôm mồng sáu tháng mười tây (6 Octobre 1922), Việt-Nam Thanh-Niên hội làm lễ khánh-thành. Quan Thống-sứ Monguillot làm chủ-tọa, kể đến quan Đại-biểu André thay mặt quan Toàn-quyền, quan Đốc-lý Mourroux, quan Chánh văn-phòng phủ Toàn-quyền M. Marty, quan Giám-đốc trường Cao-đẳng Blanguernou, quan Thanh-tra Học-chánh Barthélémy, quan đốc-học trường Cao-đẳng sư-phạm và các qui-quan. Quan ta có quan Tổng-đốc Trần-văn-Thông quan Án-sát Trần-tấn-Bình,ông nghị-trưởng Nguyễn-hữu-Thu và các ông tư-vấn nghị-viên. Báo-giới có ông Phạm-Quỳnh, chủ-bút tạp-chí *Nam-phong*, ông Nguyễn-văn-Luận quản-lý báo *Trung-bắc-tân-văn*, ông Nguyễn-bá-Chinh, tổng thư-ký báo *Thực-nghiệp* ông Trần-trọng-Kim, ông Trần-văn-Quang, ông Trịnh-văn-Minh v. v.

Nhà hội-quán trang-hoàng một cách rất là giản-tiện và thanh-nhã trọng-thể, người xa-lạ mới vào cũng nhận thấy có cái vẻ đầm-ấm hòa vui. Chín giờ quả một khắc thời xe quan Thống-sứ tới. Hội có đốt pháo mừng ngài. Đáng lẽ ra hội phải có một phường âm-nhạc để hòng khi nghênh tiếp, song vì hội mới phôi-thai nên công quỹ chưa lấy gì làm dư-dật, hiện còn nhờ cả ở lòng quảng-đại của quan Đại-úy Monet ngài xuất ra hơn một vạn bạc để sắm sửa tác-thành nên hội. Vả chăng thiếu-niên ta chưa mấy ai thích chơi âm-nhạc cho nên đành phải chịu một điều khuyết-điểm đó. Nhưng thiết tưởng như trong một nhà đón mừng cha mẹ cũng không cần lấy cái vẻ náo-nhiệt bề ngoài mà chỉ cốt ở như tình-tình bên trong vậy. Xét như thế thì hội Việt-Nam Thanh-Niên làm lễ khánh-thành, nghênh-tiếp quan Thống-sứ hôm ấy không phải là không có vẻ trân-trọng vậy. Là vì hội tỏ tình tôn-trọng quan Thống-sứ Monguillot như là con đối với cha mẹ, rất là âu-yếm đậm-đà.

Các quan an tọa xong thời quan đốc hội là ông Monet có đứng dậy cảm tạ quan Thống-xứ cùng các quan tây nam đã chiếu-cố đến dự lễ khánh thành hội-quán, sau ông có diễn giải để các quan nghe về mục-đích của hội là cốt gây cho bọn thiếu-niên Nam-Việt ta một cái tinh liên-lạc để dìu-dắt nhau theo con đường chính-đáng, và bày ra những cuộc tiêu-khiển rất là nhã-nhặn thanh-cao. Như là đọc sách, chơi đàn, chớp bóng,đánh quần, và thường khi được nghe giảng về văn-học, khoa-học, triết-lý, lịch-sử, luân-lý vân vân.

Đoạn quan Thống-sứ đứng dậy ban khen ông Monet đã gây nên một công cuộc rất ích-lợi cho thiếu-niên Nam-Việt, cái công-cuộc ấy sẽ là một cái cơ quan rất mầu-nhiệm để giúp Chánh-phủ truyền-bá sự văn-minh. Sau quan Thống-sứ chúc mừng hội được phát-đạt và chóng có hiệu-quả. Ngài có hứa sẽ hết sức trợ-cấp hội.

Kế đến các quan tây nam ký giấy quyên tiền và nhận chức tán-trợ hội-viên.

Mười một giờ thời giải-tán. Hội có chụp ảnh làm kỷ-niệm và thết tiệc trà các quan cùng các hội-viên đến dự lễ. *V. N. T. N. Hội lai cảo*

Ai-tín

Bản-chí được tin rằng Cụ-lớn Quận bà Hoàng Thái-Xuyên thọ chung tại hưu-để Hoàng Tướng-công ở Thái-hà-ấp ngày 7 tháng 8 ta, và ngày 17 đã làm lễ an-táng tại sinh-phần cụ-lớn ở trong ấp.

Trong dịp buồn rầu này, bản-chí xin có lời kính viếng Cụ-lớn và xin chia buồn cùng Cụ-lớn ông và quí-quyến.

Bản-xã được tin ông Lê-sĩ-Đối là thừa-phái, tạ thế tại tỉnh Hà-giang ngày 24 Septembre 1922. Vì đường xá xa-xôi nên ông lên làm việc trên này có một mình, vợ con ở cả dưới trung-châu, song hôm cất đám ông có vẻ lục-rỡ lắm, rõ tỏ ra ông là người quan yêu, bạn tin, dân trọng. có quan phó công-sứ, các quan lại, thông-phán ký-lục, thân-hào bản tỉnh đi đưa và lính khố-xanh bồng súng đi hai bên. Khi trước ông làm việc ở huyện Hạc-trì, mới đổi lên Hà-giang được vài tháng ông ở đâu ai cũng có bụng yêu qui. Bản-xã tạm mấy hàng chia buồn cùng gia-quyến ông Lê-sĩ-Đối.

Danh-sách quan lại bản-xứ

Bản-chí mới nhận được quyển danh-sách quan-lại bản-xứ năm 1922 (Personnel de l'Administration Indigène — Tableau d'ancienneté 1922) của nhà in Taupin phố Tràng-tiền Hanoi mới xuất-bản. Quyển sách này trong có in đủ danh-sách các hiệu chức quan-lại bản-xứ ngạch Bắc-kỳ trong năm 1922, trên từ nhất hạng tổng-đốc, dưới đến ngũ hạng thừa-phái, từ ngày sinh cho đến ngày tòng chính, ngày thăng bổ, nhất nhất kê-biên tường-tận, thứ-tự minh-bạch, ấn-loát rõ-ràng, thật là một quyển sách rất tiện cho sự tra-cứu về ngạch quan-lại bản-xứ vậy.

Nữ-lưu-tướng

Bản-chí có nhận được quyển truyện Nữ-Lưu-tướng diễn ca, của ông Mạc-đình-Tư mới xuất-bản gửi lại tặng. Quyển này là truyện một cô con gái họ Lưu, nhân vì kẻ gian-thần vu-oan hãm-hại, mà cha cô bị thác oan, nhà cô bị tru-di, duy cô thoát nạn sống sót, nghĩ kế phục-thù, liền giả-dạng nam trang, khởi-binh báo-phục. Sau oan kia rửa sạch thù nọ giả xong, lại đem thân qui-hàng Triều-đình, vẹn tròn trung-hiếu, gập-gỡ nhân-duyên... Thật cũng là một quyển sách có bổ-ích nên đọc vậy.

Sự phát đạt trong nghề dệt vải màn ở nước ta

M. Chân-Thuy là lệnh-huynh M. Đào-thao-Cảnh Tổng-thư-ký tòa trị-sự bản-chí và là chủ-hiệu dệt các thứ vai màn rộng khổ ở số 4 phố-mới Hanoi, vừa mới điều-đình được với một công-ty buôn sợi ngoại-quốc nên hàng của ông từ nay có thể giảm giá xuống quá 20% được nghĩa là một cái màn trước bán 4p.00 thì nay chỉ độ 3p.00. Giá tuy hạ mà hàng lại tốt đẹp hơn trước là vì ông mua được thứ sợi mới có vừa thanh chỉ vừa rẻ tiền Ông lại nói rằng giá ấy có lẽ còn ha được nữa. Ông đương trù-tính sửa sang máy diệt và chế thêm màn khác.

Như thế thì trong nghề làm vải màn này bao giờ ông cũng vẫn được bước trước. Vậy đó thực là một sự đáng mừng trong công-thương giới nước ta vậy.

Công việc hội Công-thương đồng-nghiệp

Ngày kỷ-niệm đệ-nhị chu-niên hội Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp.

Ngày 27 Octobre 1922 này là ngày kỷ-niệm đệ-nhị chu-niên của hội Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp ta. Hội ta thành-lập, hạ tới thu sang, thấm-thoắt đã hai năm tròn, lấy chủ-nghĩa tương-thân tương-ái làm phương-châm, lấy sự tương-bảo tương-trợ làm mục-đích, để anh em cùng hội dắt tay nhau để-huề bước lên trên đàn hạnh-phúc. Từ khi hội ta ra đời, trải qua bao phen khủng-hoảng khó-khăn, đến nay những thời-kỳ ấy hình như đã hết, mà bây giờ đã đến cái thời-kỳ thành-lập rồi vậy. Ta thử xét xem, cái hiện-tình của hội ta ngày nay tiến-bộ đã đến đâu rồi.

Hội chánh ở Hanoi, nhờ tấm lòng nhiệt-thành của các viên-chức trong tòa Trị-sự đi cổ-động trong các bạn công-thương, nên số hội-viên vào hội ngày một đông; các chi hội ở các nơi ngày một lục-tục lập nên dần dần. Những công-việc của tòa Trị-sự thi-hành đã được thành nhiều hiệu-quả, thư-từ ở các nơi gửi về, giấy má của hội-chánh gửi đi, quanh năm suốt tháng lúc nào cũng bề bộn chẳng khác gì công-việc trong một sở lớn.

Nội các chi hội, thời chi hội Haiphong là lớn hơn hết, số hội-viên kể có ngoài bốn trăm, tòa Trị-sự làm việc rất là cần-mẫn, các hội-viên đều một bụng một dạ cổ-động cho người ngoài vào hội ngày một nhiều. Trong tòa Trị-sự có ông Phạm-Cao-Kuongue, hội-trưởng là một người lão-thành đứng đắn, ông Nguyễn-Xuân-Đài, phó hội-trưởng, ông Thư-ký Nguyễn-Đức-Hân và các viên chức sự toàn là những người xiêng-năng mẫn-tuệ coi việc hội như việc nhà, cho nên tình-thế chi hội đến ngày nay đã là thịnh-vượng rồi.

Trong năm nay, chi hội Haiphong đã mua được đất để dựng nhà hội-quán, thực là đáng mừng lắm.

Chi hội Nam-định nay đã có tới ngoài hai trăm hội-viên, hội-trưởng chi hội là ông Nguyễn-văn-Thịnh, đại-biểu ông Bạch-Thái-Bưởi ở Nam-định, là một người rất thiệp và lại được các anh em trong tòa Trị-sự đều là những người cần-mẫn, cho nên công việc hội xếp đặt cũng được chỉnh-đốn phát-đạt.

Chi hội Hongay, ở xa ngoài biên thùy, anh em tòng-sự tại sở mỏ than cũng rủ nhau lập-thành ngay sau chi hội Haiphong. Tòa Trị-sự đã mấy lần đổi thay, song ngày nay có ông Nguyễn-Công-Trực, hội trưởng chi hội, và các viên chức trong tòa Trị-sự toàn là người mẫn-cán cả, tưởng sự phát-đạt sau này cũng sẽ được bồng-bột. Số hội-viên cũng đã được ngót trăm người, ở một nơi hải-giác, xa chốn đô-thành, người vào hội được như thế, tưởng cũng đã nhiều lắm vậy.

Chi hội Việt-trì mới thành-lập trong tháng trước, cứ xem biên-bản đăng trong tạp-chí « *Hữu Thanh* » số 28 mới rồi, cũng đủ biết cái thanh-thế của chi hội ấy đã lan rộng trong một khoảng rất to ở miền thượng-du xứ Bắc-kỳ rồi.

Chi hội Lao-kay có ông Nguyễn-Văn-Khôi, quản-lý xưởng chế chè Phú-xuân, làm đại-biểu ủy-viên. Ông tòng sự ở sở hỏa-xa Vân-nam, trước được giữ chức chủ-sự nhà ga Tachou-Tang, sau thuyên chuyển sang chủ-sự nhà ga Lahati, nhân thế ông cổ-động cũng được nhiều hội-viên vào hội. Chi hội Lao-kay này về sau có nhẽ sẽ thành một chi hội rất to, vì ở đó có thể nhận được hết cả các hội-viên tòng sự trong tỉnh Vân-nam bên Trung-quốc.

Chi hội Hải-dương có ông Tạ-Đình-Thận làm đại-biểu ủy-viên, tỉnh này ít sở công-thương, nên số hội-viên vào hội không được mấy, nhưng ta chớ vì thế mà đã vội ngã lòng không cổ-động đến đâu, ta nên trông mong ông Thận sẽ hết sức đi phô-trương cái mục-đích của hội, thời tự nhiên anh em sẽ nao-nức đua nhau vào nhiều.

Trong xứ Bắc-kỳ ta còn một chi hội Uông-bí là một chi hội ta chưa ngờ là đã thành mà nay nghiễm nhiên đã nên một chi thứ mười của hội, có tòa Trị-sự tạm-thời để làm việc. Cứ theo thơ của ông Lương là quyền hội-trưởng chi hội Uông-bí viết về cho hội-chánh, thời ông chánh sở mỏ than Uông-bí sẽ cúng cho chi hội một cái nhà hội-quán. Thực là ở những chỗ rất xa-xôi mà tiền-đồ hội đã thấy có phần rực-rỡ!

Hội ta là hội Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp, thời đáng lẽ chỉ có các bạn tòng-sự các sở công-thương ở ngoài Bắc-kỳ ta vào mà thôi. Song các anh em trong Trung kỳ, Nam-kỳ thấy mục-đích hội đáng theo, nên nhiều người đã nhiệt-thành viết đơn xin vào hội. Bởi thế nên kỳ Đại-hội-đồng thường-niên vừa rồi toàn thể các hội-viên đều biểu đồng-tình để xin Chính-phủ đổi tên hội ra Đông-pháp Công-thương đồng-nghiệp-hội. Hiện nay tôi đã đệ đơn xin rồi, có lẽ chẳng bao lâu nữa hội ta sẽ được thay ra một cái huy-hiệu mới to-tát và vẻ-vang.

Nội trong Trung, Nam-kỳ, thì có chi hội Thanh-hóa là to nhất. Ông Trần-thiện-Kế làm Hội-trưởng trong ban trị-sự cũng là một người lanh-lợi, và các anh em trong ban trị-sự đều nhiệt-thành, cho nên trong một nơi văn-vật đất cũ, chi hội ta đã làm nên lắm vẻ tráng-quan.

Chi hội Nghệ-an có ông Đào-đình-Phê-Phong, là một nhà buôn rất lịch-thiệp, làm Đại-biểu ủy-viên. Tỉnh Nghệ-an cũng là một trường thực-nghiệp rất lớn ở đất Trung-kỳ, có ông Phong ở đó, chắc tiền-đồ của chi hội còn có hi-vọng rất nhiều.

Chi hội Tourane cũng mới thành-lập. Ông Ưng-Hạ và các anh em nhiệt-thành cổ-động, chắc hội-viên ở các tỉnh gần cũng sẽ noi đó mà lập nên các chi hội khác nữa, vì từ chốn kinh-sư thiếu gì người có nghĩa-khí ưa việc công-ích mà không ra tay tán-thành cho một giải các chi hội Công-thương đồng-nghiệp từ Bắc chí Nam thành nên một nhà anh em ruột thịt.

Ở Nam-kỳ mới có hai chi hội là chi hội Saigon và chi hội Lộc-ninh. ở Saigon thời có ông Nguyễn-văn-Thượng, chủ-nhiệm Nam-kỳ Kinh-tế-báo và ở Lộc-ninh thời có ông Trần-khắc-Cẩn tòng-sự tại hội đồn-điền cao-su làm đại-biểu ủy-viên. Cứ theo tin tức của các ông hội-viên Nam-kỳ đưa ra, thời khi nào hội được phép Chánh-phủ đổi tên ra Đông-pháp Công-thương đồng-nghiệp-hội thời số hội-viên ở Nam-kỳ lập tức có hàng nghìn! Khá mong thay! Bấy giờ ta sẽ cùng nhau hoan-hô mà cùng nhau hát câu: « Nam-Bắc một nhà, ba Kỳ một hội »!

Đó, sự thịnh-vượng của toàn-thể hội đã thịnh-vượng được đến thế. Hội đã lập được tòa Tạp-chí « *Hữu-Thanh* » làm cơ-quan truyền-bá văn-minh học-thuật cùng tư-tưởng về chủ-nghĩa « hữu-ái », và hội « *Ích-hữu thư-xã* » để tu-thư xuất-bản dúp-đỡ cho học-giới nước nhà, lúc mới đầu tuy đã chịu nhiều phen khủng-hoảng, nhưng mong sau này

thời-kỳ phá-hoại đã qua, thời sự-nghiệp nghìn thu sẽ làm vẻ-vang cho hội Công-thương đồng-nghiệp ta mãi mãi. Trong năm nay tòa trị-sự Hội chánh chúng tôi sẽ làm cho hoàn-thành quyển sổ « Hữu-phả » để anh em cùng hội mỗi người cầm một quyển cho dễ nhìn nhận nhau mà hồng cứu đỡ nhau trong khi túng-bấn nhờ-nhàng ở nơi quê người đất khách, hay dùm-dúp nhau trong cuộc tranh-thương đấu-lợi ở nơi mặt bể chân trời. It lâu nay chúng tôi lại vận-động để cùng mấy hội tương-tế của người Pháp trong hai xứ Trung-Bắc-kỳ để xin cùng Chính-phủ cho hàng năm mở một cuộc sổ số lấy tiền trợ-cấp cho các hội chia nhau, có lẽ khi chia tiền hội ta sẽ được một phần khá to. Khi hội ta có nhiều tiền, ta sẽ làm nhiều công-cuộc có ích cho hội, như bài của ông Thư-ký Hội-chánh Nguyễn-Thống đã tường thuật trong kỳ tạp-chí Hữu-Thanh số 26-27 vừa rồi vậy.

Ngày 27 Octobre 1922 này là ngày kỷ-niệm đệ-nhị chu-niên của hội Công-thương đồng-nghiệp, anh em hàng hội, trong Trung, Nam, Bắc ba Kỳ cùng là các nơi ngoại-biên hơn hai nghìn bạn công-thương ta, hà thấy thế hội hầu đến ngày hoa tươi cảnh tốt, rực-rỡ huy-hoàng, ta lại chẳng nên vui-mừng hớn-hở mà cùng nhau đồng-thanh chúc câu :

Công-Thương đồng-nghiệp-hội vạn-tuế !

Hội-trưởng
NGUYỄN-HUY-HỢI

HỘI CHÁNH HANOI

Biên-bản kỳ tiểu hội-đồng bất-thường ngày 15 Septembre 1922 tại nhà hội-quán số 58 phố hàng Bông Hanoi. — Hiện diện có những ông : Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Nguyễn-Bá-Thiệu, Nguyễn-Thống, Tạ-Công-Viết, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Tiến-Ẩn, Lưu-Đức-Khang, Phan-Văn-Điền, Lê-Sĩ-Mão, Lê-Đình-Khoa, Nguyễn-Thượng-Huyền.

Vắng mặt có giấy kiếu: MM. Nguyễn Duy-Nho, Nguyễn-Long, Đào-Trinh-Nhất, Bùi Thiện-Nhân.

Vắng mặt không có giấy kiếu : MM. Trần-Quang-Huy, Nguyễn-Mạnh-Bổng, Bạch-Thái-Sơ, Đào-Thao-Cảnh.

Đúng 8 giờ khai hội-đồng.

Ông hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi và ông phó-thủ-quỹ Lê-Ngọc-Giản trình hội-đồng việc hai ông làm đại-biểu phái-viên cho hội Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp đi dự kỳ hội-nghị các đại-biểu các hội ái-hữu tương-tế trong Trung, Bắc-kỳ ngày 14 Septembre 1922 Hai ông trình lại các vấn-đề đã nghị-luận trong kỳ hội-nghị ấy, và nói rằng toàn-thể cuộc hội-nghị đều thỏa-thuận rằng mỗi hội phải kê một bản các số tiền có thể xuất nhập hàng năm để đến kỳ hội-nghị sau đính ngày 28 Septembre 1922 sẽ quyết-định sự chia phần lợi cho mỗi hội.

Hội-đồng đều lấy làm vui-vẻ lắm và đã được hy-vọng rằng sự kết-quả về cuộc sổ số sau này hội Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp sẽ được phần hơn hết cả.

Hội-đồng cử ngay một ban tiểu hội-đồng để làm bản kê các số tiền xuất nhập của toàn-thể hội trong một năm. Ban tiểu-hội-đồng ấy có những ông Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Nguyễn-Bá-Thiệu, Lê-Ngọc-Giản. tiểu hội-đồng hỏi ý-kiến của toàn-thể hội-đồng trị sự về từng khoản tiền một rồi làm xong ngay bản kê. Hội-đồng lại cử ông Nguyễn-Huy-Hợi và ông Lê-Ngọc-Giản đến kỳ hội-nghị sau với các hội khác là ngày 28 Septembre 1922 hai ông lại làm Phái-viên đi dự thay mặt cho hội.

Đúng 10 giờ rưỡi hội-đồng giải tán.

Hội-trưởng,
Nguyễn-Huy-Hợi. *Thư-ký*
Nguyễn-Thống.

CHI HỘI THANH-HÓA

Tờ biên-bản kỳ hội-đồng bất-thường ngày 26 Août 1922 tại nhà hội-quán ở phố Paul-Bert số nhà 65. Hiện diện có những ông này :

MM. Trần-Thiện-Kế, Bùi-Tường-Lân, Đào-Đình-Minh tức Vỹ, Phạm-Ngọc-Thanh, Hoàng-Ngô-Đồng, Lê-Đình-Tiến, Vũ-Đình-Lịch, Nguyễn-Ngọc-Thạc.

Đúng tám giờ tối hội-đồng khai-nghị.

Ông hội-trưởng Trần-Thiện-Kế đứng lên đọc cái thơ của hội-chánh gửi vào mời ra họp hội-đồng bất-thường ngày 27 Août 1922, khi ông hội-trưởng đọc xong thì cả ban trị-sự đều bàn rằng: nguyên nay còn bận xếp-đặt về việc mời các quí-quan và các nam-quan vào làm danh-dự hội-trưởng và danh-dự hội-viên cho nên không thể ra dự hội-đồng hôm ấy được, vậy nên viết thơ ra trình ông hội-trưởng ngoài hội-chánh xin kiếu.

Ông hội-trưởng lại đọc đến ba cái thơ của các ông hội-viên gửi về trả lời về việc góp tiền mỗi người một phần là 10 p. để làm cái vốn cho hội, phòng khi có túng nhỡ thì có đó đỡ thời, xong trong bức thư của ông Lê-Văn-Bính có nói một đoạn kết như thế này:

« Kia như hội B.K.C.T.Đ.N. ban « đầu có ngờ đâu lại sẩy ra việc ông « chủ-nhiệm kia ông quản-lý nọ và khi « mới sáng-lập ra hội thì đều công-bố « cho mọi người biết là hội ra đời cốt « lấy chủ-nghĩa hữu-ái làm đầu thế « sao ngày nay sinh ra bất-ái? Thế « nên nói thì dễ mà làm thì rất khó, « song nói mà làm được mà giữ được « thì thực là một bực đại quân-tử, song « mấy câu tôi nói đây là tôi cũng sốt-« sắng và nhiệt-thành với hội chứ « không dám công-kích chi cả và tôi » thấy ông Hân và các ông đều là người « đứng-dắn nhiệt-thành vì hội để mưu « việc ích-lợi cho hội nên tôi cũng lấy làm vui mừng lắm.

Thì cả ban Trị-sự đều ngạc-nhiên mà không hiểu cớ làm sao ông Bính lại có điểm thêm mấy câu ấy vào trong bức thư, nên có định viết thư hỏi lại ông Bính cái ý-kiến ấy cho rõ-ràng.

Rồi hội-đồng lại bàn đến việc làm lễ khánh-thành hội, việc này thì ông hội-trưởng có bàn với hội rằng : để ông phải thân-hành vào xin phép quan Công-sứ xem ngài định ngày nào ngài có thì giờ đến chủ-tọa cho hội ta

thì mới có thể bàn nhất-định về việc ấy được, ông hội-trưởng bàn như thế thì tất cả ban trị-sự đều ưng theo ý-kiến của ông cả.

Le Président,
Trần-Thiện-Kế.

Le Sécrétaire Provisoire,
Thạc

Biên-bản kỳ tiểu-hội-đồng thường-nguyệt hôm 4 Septembre 1922 tại nhà hội-quán số 65 phố Paul-bert.—Hiện-diện có những ông : Trần-Thiện-Kế, Bùi-Tường-Lân, Đào-Đình-Minh tức Vỹ, Ngô-Huy-Sơn, Hoàng-Ngô-Đồng, Phạm-Ngọc-Thanh, Lê-Đình-Tiến, Vũ-Đình-Lịch, Nguyễn-Ngọc-Thạc.

Đúng 8 giờ tối thì hội-đồng khai-nghị.

1. *Bàn về việc khánh thành mà còn nhiều điều khuyết-điểm phải bàn lại.*

Hội-đồng bàn rằng : nguyên bây giờ tiền quỹ của hội còn có 107 p. 86 mà số tiền tiêu về hôm làm lễ khánh-thành thì hết 130 p. cho đến 150 p. vậy thì tiền quỹ không đủ tiêu về việc ấy, nếu có định làm giấy đạt cho tất cả các hội-viên biết để ông nào có thiếu tiền nguyệt-cấp thì giử về đóng cho hội và hỏi ý-kiến các hội-viên xem hoạc khi thiếu-thốn ít nhiều thì định thế nào để cho tòa trị-sự biết mà thi-hành.

2. *Viết thư cho ông Huy rằng : ông ấy đã về hội-chánh thì bây giờ ông ấy đóng góp theo hội-chánh.*

Về việc này thì hội-đồng bàn nên viết thư cho ông Trần-Quang-Huy biết rằng : từ khi chi hội Thanh-hóa thành-lập đến bây giờ thì ông không đóng tiền nguyệt-cấp tháng nào cả, mà bây giờ ông đã ra nhận chức phó-hội-trưởng ngoài hội-chánh thì xin ông cứ đóng góp theo hội chánh, rồi hội-đồng lại bàn cái thơ gửi cho ông Trần-quang-Huy thì cũng nên sao lấy một bản để gửi ra hội chánh trình cho ông hội-trưởng ngoài hội-chánh biết.

3. *Xem relevé de caisse.*

Ông chánh-thủ-quỹ Đào-đình-Minh tức Vỹ có đem tờ nguyệt-đề sổ caisse của hội về tháng Août ra trình để hội-đồng xét tình-trạng trong quỹ về cuối tháng Août như thế này :

Hiện tiền còn lại trong caisse hôm 31 Juillet là :		64p.12
Số tiền thu nhập trong tháng Août là	108 50	
Số tổng-cộng là : . .		172p.62
Số tiền chi tiêu trong tháng Août là	64 76	
Số tiền hiện tồn trong caisse hôm 31 Août 1922 là	107 86	

Khi hội-đồng xem xét song rồi thì định rằng : tờ nguyệt-đề caisse của ông thủ-quĩ trình hội-đồng thì cứ giao cho ông thư-ký nhận để vào dossier, còn như sự khám quỹ thì cứ theo điều-lệ hội gần đến kỳ Đại-hội-đồng thường-niên sẽ lập hội-đồng kiểm-soát để khám tiền quỹ và sổ chi-thu của hội từ đầu năm 1922 lại.

4. *Nhắc lại cái thơ của ông Bính và trình cái thơ của ông ấy đi Hanoi về.*

Ông thư-ký tạm-thời Nguyễn Ngọc-Thạc có đọc hai bức thư để ban trị-sự nghe : một bức của hội gửi cho ông Bính từ hôm 26 Août mà chưa được thư trả lời, một bức của ông Bích trình với hội rằng : hôm 27 Août ông ấy có ra Hanoi dự đại-hội-đồng bất-thường của hội Ích-Hữu Thư-Xã, nhân gặp ông Hợi ở hội-chánh có bảo ông ấy lại việc hội, nhưng ông ấy đã trình với ông hội-trưởng ngoài hội-chánh rằng : ông đã từ chức trong ban trị-sự chi hội Thanh-hóa rồi và lại ông ấy cũng không có giấy giao-quyền cho nên ông ấy không dự bàn gì việc hội hôm ấy cả, khi ông Thư-ký đọc hai bức thư thì hội-đồng bàn bức thư mà hội gửi cho ông Bính từ hôm 26 Août mà chưa có thơ trả lời thì ông Bính bận việc nhẳng đi chăng, nên sao lại bức thư ấy để gửi cho ông Bính một lần nữa.

5 *Xét những đơn xin vào hội.*

Ông hội-trưởng có đem những đơn của các ông xin vào hội ra để hội-đồng xét, khi đã xét những đơn ấy rồi thì tất cả các ông trong ban trị-sự công-nhận là những ông này đủ tư-cách vào hội, vậy xin đăng tên họ ra sau này :

MM. Nguyễn-Văn-Liên chef de gare, Vũ-Văn-Mạo Service de Voie et Bâtiments, Phạm-Lê-Ngân commerçant, Hoàng-Ngô-Đồng commerçant, Cao-Đình-Giản commerçant, Đào-Khắc-Thụy commerçant, Vũ-Đình-Lịch Tâcheron, Đỗ-Đình-Thành gérant de la concession, Quách-Ngọc-Đích gérant de la concession, Nguyễn-Văn-Vĩ Débitant des alcools, Nguyễn-Đức-Thắng entrepreneur, Nguyễn-Thế-Chửa dit Quế chủ nhà auto cho thuê, Vũ-Văn-Tân chef chantier de la Voie et Bâtiments.

Đúng 10 giờ rưỡi không còn ông nào yêu-cầu việc gì nữa thì hội-đồng giải-tán.

Tờ biên-bản này làm tại Thanh-hóa ngày 4 Septembre 1922

Hội-trưởng
Trần-Thiện-Kế

Quyền thư-ký
Nguyễn-Ngọc-Thạc

VIỆC DẠY HỌC KẾ-TOÁN TRONG HỘI

Hội ta là một hội các nhà công-thương và các nhà tòng-sự trong các sở công-thương, chức-nghiệp của mỗi người cần phải có một cái học thức thông-thường đã đành, lại còn cần phải có một cái học-thức chuyên-nghiệp nữa. Cứ như phần rất nhiều người trong các hội-viên hội ta thời cái khoa-học chuyên-nghiệp thiết-yếu nhất là khoa kế-toán.

Kế-toán-học là gì ? Là một khoa-học dạy người ta biết cách giữ sổ-sách và cách giao-tế trong việc buôn-bán. Phàm là người công-thương hay tòng sự trong các sở công-thương đều là phải cần đến cả.

Vừa mới rồi, quan Maurice Chapat là Chánh sở Kho-bạc và chưởng kế-toán tại Tòa-án Đông-pháp, vì yêu cái chủ-nghĩa của hội Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp mà ngài có lòng tốt muốn giúp các hội-viên hội ta về việc giảng dạy khoa kế-toán-học. Ngài có hứa với ông hội-

trưởng Nguyễn-huy-Hợi rằng ngài sẽ sẵn lòng đến diễn-thuyết mọi buổi cho hội và ngài sẽ viết bài đăng báo cho các hội-viên cùng xem.

Kỳ tiểu hội-đồng Trị-sự ngày 2 Octobre 1922 vừa rồi, hội-đồng có nhờ ông hội-trưởng chuyển lời cảm ơn của hội lên quan Chapat vì ngài đã tỏ tấm lòng tốt với hội như vậy.

Về cuộc diễn-thuyết, ông Nguyễn-huy-Hợi có định rằng sẽ chọn ngày nào mà hội-viên trong hội về được rất đông để thỉnh-giảng cho ai ai cũng được hưởng phần ích-lợi và mời cả các người không có chân hội cũng được vào nghe.

Chắc rằng kỳ diễn-thuyết và các bài của quan Chapat sau này sẽ được hội-viên hội ta hoan-nghênh mà hết lòng nghiên-cứu cho đường học-thức của mình được thêm rộng. Hơn hai nghìn người trong hội Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp ta có lợi-dụng được một nền học-vấn tối-tân để cải cách lại đường thương-mại kỹ-nghệ, hòng tranh cạnh với người ngoài được, thời cái nhiệm-vụ trong thực-nghiệp-trường tại xứ Đông-pháp, người hội ta chẳng đã gánh-vác được một phần rất to hay sao ?

Vậy tôi xin có lời kính cùng các ngài trong hội, mong các ngài sẽ lưu-tâm khảo-xét luôn về khoa-học kế-toán này, thật là một sự ích-lợi rất lớn vậy.

Nguyễn-Thống.

Tờ thông-đạt cho các hội-viên toàn-thể hội Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp về việc « Hữu-Phả »

Thưa các quí hữu,

Hiện nay còn hơn hai tháng nữa thời hết hạn Tòa Trị-sự chúng tôi làm việc, chúng tôi sợ sang tháng Janvier 1923 này kỳ đại-hội-đồng thường-niên sẽ bầu một Tòa Trị-sự mới công việc bàn giao sẽ lôi thôi, nên chúng tôi định làm sổ «Hữu-Phả» cho xong ngay trong vòng năm nay.

Vậy ban tiểu-hội-đồng chúng tôi xin kính đạt để các ngài trong toàn-thể hội đều biết rằng hạn từ nay đến cuối tháng Novembre 1922, ngài nào thuộc về hội Chánh thời xin gửi về ông hội-trưởng hội-chánh Nguyễn-Huy-Hợi, ngài nào thuộc về chi hội nào thời gửi về ông hội-trưởng chi hội ấy :

1. Hai bức ảnh 4×6 của mình ;

2. Một tờ khai tên, họ, tuổi, chức tước và chỗ ở của mình ;

Để chúng tôi tiện làm sổ « Hữu-Phả » cho kịp ngày vậy.

Nay kính đạt

Le Président de la Commission

TRẦN-ĐÌNH-QUANG

CHÁNH-PHỦ ĐÔNG-PHÁP BỘ CÔNG-CHÁNH

Con đường từ Vinh đến Đông-hà

HẠT THỨ NHẤT

TỪ VINH ĐẾN TÂN-ẤP

Về việc xây dựng những cầu sắt ở hạt thứ nhất

YẾT-THỊ CẢI-CHÍNH

Có lời bá-cáo cho công-chủng được biết rằng trước đã định đến ngày 15 Novembre 1922 thì mở giấy thầu về việc này, nay lại đổi là đến ngày 15 Décembre 1922 mới mở.

Những giấy má cần dùng về việc thầu này phải đệ trình trước ngày 15 Octobre 1922.

Giấy thầu phải nộp trước hồi 9 giờ ngày 15 Décembre 1922.

Gửi giấy thầu ở sở Bưu-chính thì cũng phải gửi trước hồi 9 giờ ngày 15 Décembre 1922.

VÔI CHỢ-GÀNH

灰石嶺墟

Chúng tôi mới lập lò vôi ở Chợ gành, vôi rất trắng và tốt, giá tính hạ hơn các nơi. Các quí-khách chiếu cố xin cứ gởi thư cho M. Lê-huy-Tuyên, gare Chợ gành. Phòng giây ở Hanoi, phố hàng Gai, số nhà 99.

Tiên-sinh ngâm gì thế ?

Có gì đâu, đôi câu đối của một ông Cụ hay thơ nhất trong làng thơ mừng hiệu Thụy-Ký, làm ảnh ở phố Đường Thành số 18, xin đọc lại ngài nghe :

Quân chi thuật dĩ quan nhân, kính lý phân minh tràn diện mục,
Ngã thả vấn như kim thế, trần trung vật sắc kỷ anh hùng.

— Ô, thế ra hiệu ấy khéo lắm mới đáng khen thế nhỉ ?

— Không những thế, hiệu ấy lại cũng vừa được thưởng ngân-tiền nữa đấy.

Truyện xong liền dủ nhau đi chụp ảnh thì quả hiệu Thụy-Ký khéo thực.

CAFÉ, RESTAURANT
HOTEL DES COLONIES

TRUNG-BẮC KHÁCH-SẠN

Chính-quán tại phố hàng Trống, số 80 ngay cửa Nhà-Thờ
Phụ-quán có vườn hoa rộng rãi, ở số 68 cũng phố ấy.

Đủ các cách tiện-lợi và lịch-sự theo lối ăn ở của người Âu-châu

Bản-sạn thừa tiếp các quí-khách Tây-Âu và Đông-Á cũng một cách bình-đẳng, mà lại để tùy ý cho các ngài, người Nam-Việt hoặc người Trung-hoa, muốn ăn, ở, hoặc uống rượu chỗ biệt-tịch cũng được, và cũng một giá tiền.

Phụ quán cũng có giây nói trực tiếp với chính-quán

Ông E. CHASSAGNE

Là một nhà Bào chế hạng nhất ở Đại-học-đường Pha lê

Số 59, Phố Paul-Bert,

HANOI

Bán những chất hóa-học của hiệu POULENC và ADRIAN chế ra.
Bán đồ dùng trong một phòng thí-nghiệm về việc thuốc hay việc kỹ-nghệ.
Đi xửa-soạn xếp đặt các phòng thí-nghiệm công, tư.
Bán nhiều cho các nhà đi khai-khẩn, tính giá đặc biệt.

NAM-HỒNG-PHÁT

KHÁCH-LAU

N° 104 et 106, Boulevard Bonnard, (ngang gare xe lửa nhỏ)
Saigon, Cholon Govap, gần chợ mới

Có bán rượu tây, cho mướn phòng ngủ, và mở tiệm bới tóc, có may y-phục Annam và Langsa, cũng có bán hàng, lụa, vải, vân vân...

NAM-HỒNG-PHÁT

泰 NAM-THAI 南

南泰商業有限公司

SOCIÉTÉ COMMERCIALE TONKINOISE

SUCRERIE — PATISSERIE — CONFITURERIE

Hộp đường, Nấu mứt, Làm bánh

DIPLÔME DE MÉRITE A LA FOIRE DE HANOI 1920

TONKIN — 77, Rue Maréchal Foch, 77 — NAM-DINH

(Số nhà 77, Phố hàng Trống)

Các bạn đồng-nghiệp ở Nam-kỳ gửi các thứ đường ra bán nhiều lắm

Bán buôn và bán lẻ

NAM-KỲ KINH-TẾ BÁO

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-VĂN-THƯỢNG**
Chủ bút : **LÊ-THẠCH-LAN**
Mỗi tuần xuất-bản ngày thứ tư.

Tòa soạn tại số 81 rue d'Espagne — Saigon

Sáu tháng. . . . . 3 $ 00 | Một năm. . . . . 5 $ 00

E.-A. Monnier Humbert

Ai có đồng-hồ muốn chữa? Sao không đến hiệu E.-A. Monnier Humbert ở phố Hàng Trống số 82 mà chữa.

Ông Humbert là một tay thạo, đã quen nghề chữa đồng-hồ từ 30 năm trời nay.

Đưa đến đấy chữa có bao-hành mà giá phải chăng.

Trong hiệu ông còn có bán nhiều thứ đồng-hồ lạ kiểu, chuông để bàn giấy vân, nữa

Ta thử lại xem đi....!

TA NÊN DÙNG ĐỒ NỘI-HÓA

Hiệu CHÂNTHỤY *ở số 4 Phố Mới Hanoi (4 Rue Jean Dupuis Hanoi) có bán đủ các thứ màn chẳng, màn gọng, màn cưới, đủ các mùi. Cũng ở phố ấy số 13 và đường Bờ sông số 6 (6 Quai Clémenceau Hanoi) hiệu ấy lại chuyên cả nghề làm chiếu bằng các thứ cói se nữa. Đồ nội-hóa chế ra theo lối kim-thời đã rất khéo, rất đẹp, lại rất tốt, rất bền, ta nên dùng.*

Các ngài ở xa có lòng chiếu-cố đến xin viết thư cho bản hiệu hay là cho ông ĐÀO-THAO-CẢNH *Tổng-thư-ký tòa tạp-chí* HỮU-THANH *ở số 58 phố Hàng Bông Hanoi (58 Rue du Coton Hanoi) cũng được.*

CHÂN-THỤY cẩn bạch,

TRUNG-BẮC TÂN-VĂN

DIRECTEUR-ADMINISTRATEUR GÉRANT

NGUYỄN-VĂN-VĨNH

Direction et rédaction 61 63, rue du Coton — HANOI

Téléphone n° 150

Báo ngày nào cũng ra chỉ trừ các ngày chủ-nhật và ngày lễ

GIÁ BÁO

Mỗi số.....	0$02	Sáu tháng.....	3$00
Một tháng.....	0 50	Một năm.....	6 00
Ba tháng.....	1 50		

GIÁ ĐĂNG CÁO-BẠCH RAO HÀNG VÀO HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Đăng cáo-bạch rao hàng vào « **Hữu-Thanh Tạp chí** » thời cứ mỗi trang giấy chia ra làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần chia sáu cũng được, hay một phần chia tư, một phần chia ba, một nửa hay cả trang Bản-chí sẽ xin tùy giá châm-chước. Song Bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng hay muốn rao bảo việc gì thời rõ cho rằng: Bản-chí là một cái cơ-quan chung của hai hội lớn nhất Đông-Pháp này, vả người đọc Bản-chí rất nhiều, nếu đăng vào Bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ-động của các ngài lắm.

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao báo việc gì xin mời các ngài đến Bản-xã hay là gửi thư đến, Bản-xã sẽ xin tính giá phải chăng.

GỬI MANDAT GIẢ TIỀN VÀ GÓP CỔ-PHẦN

Xin các ngài gửi mandat giả tiền Tạp-chí hay Cáo-bạch cùng là đóng Cổ-phần cho **Ích-hữu-thư-xã** *xin đề phong-bì rõ-ràng cho :*

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** » *58 Rue du Coton Hanoi.*

MUA TẠP-CHÍ, ĐĂNG CAO-BẠCH VÀ GỬI BAI LAI-CẢO

Các ngài trong Hội **Ích-hữu-thư-xã** *và Hội* **Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp** *mua* **Hữu-Thanh** *hay đăng cáo-bạch vào* **Hữu-Thanh** *đều được trừ 10°/₀ cả.*

Ai mua Tạp chí đăng Cáo-bạch vào Tạp-chí, gửi bài lai-cảo hay hỏi việc gì xin viết thư cho :

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** », *58 Rue du Coton, Hanoi (Tonkin)*

Imp. Ích-Hữu-Thư-Xã — *Le Directeur-Gérant :* **NGHIÊM-VỊNH**

友聲雜誌

第廿九號

益友書社發行